

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: Giáo dục Tiểu học
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Giáo dục Tiểu học
Mã ngành : 7140202

Thanh Hóa, 2021

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Chương trình đào tạo: **Giáo dục Tiểu học**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Giáo dục Tiểu học**
Mã ngành: **7140202**

*(Ban hành tại quyết định số 47/QĐ-ĐHHD, ngày 01 tháng 9 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

1. Mục tiêu giáo dục

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân trình độ đại học ngành Giáo dục Tiểu học (GDTH) có phẩm chất chính trị, tư tưởng vững vàng, có đạo đức và lối sống lành mạnh, có sức khoẻ, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo trong xu thế hội nhập và phát triển; có năng lực để tiếp tục tự học, tự bồi dưỡng, hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp và chuyên môn ở trình độ cao hơn để đáp ứng với yêu cầu của xã hội ngày càng phát triển, có thể học tiếp cao học.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành Đại học Giáo dục tiểu học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm sau đây:

PO1: Nắm vững kiến thức Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng và các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh để có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh tương đối thành thạo trong các lĩnh vực đời sống, xã hội.

PO2: Được cung cấp hệ thống tri thức lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

PO3: Được cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng về máy vi tính, hệ điều hành Microsoft Windows, mạng máy tính và Internet, các phần mềm tiện ích thông dụng (trình duyệt Web, thư điện tử), phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT).

PO4: Được cung cấp kiến thức về các đặc điểm tâm lý lứa tuổi, tâm lý học sư phạm, các kiến thức cơ bản về các hoạt động sư phạm trong nhà trường phổ thông, biết cách thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động phát triển nghề nghiệp trong trường phổ thông; nắm vững những kiến thức về cơ cấu tổ chức, phân cấp, phân quyền trong các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, nắm vững luật, văn bản dưới

7. Nội dung chương trình

7.1	<i>Kiến thức giáo dục đại cương</i>	42TC
7.1.1.	Lý luận chính trị	13
7.1.2.	Khoa học xã hội – Nghiên cứu khoa học	4
	- <i>Bắt buộc</i>	2
	- <i>Tự chọn</i>	2
7.1.3.	Nhân văn - Nghệ thuật	6
	- <i>Bắt buộc</i>	6
	- <i>Tự chọn</i>	0
7.1.4.	Ngoại ngữ	10
7.1.5.	Toán - Tin - KHTN - Công nghệ - Môi trường	9
	- <i>Bắt buộc</i>	7
	- <i>Tự chọn</i>	2
7.1.6.	Giáo dục thể chất	4TC
7.1.7.	Giáo dục quốc phòng	165t
7.2	<i>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</i>	82 TC
7.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	12
	+ <i>Bắt buộc</i>	10
	+ <i>Tự chọn</i>	2
7.2.2.	Kiến thức ngành	57
	+ <i>Bắt buộc</i>	41
	+ <i>Tự chọn</i>	16
7.2.3.	KT/TTTN/KLTN/HP thay thế	13
7.2.3.1	<i>Kiến tập sư phạm</i>	2
7.2.3.2	<i>Thực tập sư phạm</i>	5
7.2.3.3	<i>Khoá luận tốt nghiệp</i>	6
7.2.3.4	<i>Học phần thay thế khoá luận</i>	6
	+ <i>Bắt buộc</i>	3
	+ <i>Tự chọn</i>	3

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
		Tiểu học								
17	117025	Giáo dục môi trường	2	18	18	6	90	2		Sinh học
VI	Giáo dục thể chất		4							
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	10		20	90	1		Bóng -ĐK
	Giáo dục thể chất 2 (<i>Chọn 1 trong 5 học phần</i>)		2							
a	191031	Bóng chuyền	2			30	90	2		Bóng -ĐK
b	191032	Thể dục Aerobic	2			30	90	2		Bóng -ĐK
c	191033	Bóng đá	2			30	90	2		Bóng -ĐK
d	191034	Bóng rổ	2			30	90	2		Bóng -ĐK
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2			30	90	2		Bóng -ĐK
VII	Giáo dục quốc phòng (tiết)		165							TT GDQP
B	KIẾN THỨC GD CHUYÊN NGHIỆP		82							
I	Kiến thức cơ sở ngành		12							
18	181001	Tâm lý học Tiểu học	4	36	48		180	3		Tâm lý
19	182006	Giáo dục học Tiểu học	4	36	48		180	4	18	Giáo dục
20	198010	Quản lý HCNN & QLGD	2	18	24		90	8		Giáo dục
21	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	243001	Sinh lý trẻ em & GDSK	2	18	18	6	90	6		Sinh học
b	243002	Sinh lý học người và ứng dụng	2	18	18	6	90	6		Sinh học
II	Kiến thức ngành		57							
22	142015	Ngôn ngữ học đại cương (TH)	2	18	18	6	90	1		Ngữ văn
23	142042	Tiếng Việt 1 (TH)	2	18	18	6	90	2	22	Ngữ văn
24	142046	Tiếng Việt 2 (TH)	3	27	30	6	135	3	23	Ngữ văn
25	142100	Tiếng Việt 3 (TH)	2	18	18	6	90	7	24	Ngữ văn
26	142056	Văn học 1 (TH)	2	18	18	6	90	1		Ngữ văn
27	142002	Văn học 2 (TH)	3	27	30	6	135	4	26	Ngữ văn
28	141055	Số học	3	27	30	6	135	2	16	Toán
29	143000	Cơ sở Tự nhiên & Xã hội	3	27	15	21	135	4	18 21	Địa lí
30	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>									
a	145161	RLKN sử dụng Tiếng	3	27	30	6	135	6	24	Ngữ văn

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
43	Chọn 1 trong 4 học phần									
a	181003	Rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	2		60		90	6	20	Giáo dục học
b	181170	Thực hành công tác đội và tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp	2	12	36	0	90	6	20	Giáo dục học
c	182058	Giáo dục hòa nhập	2	18	24		90	6	20	Giáo dục học
d	182059	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở Tiểu học	2	18	24		90	6	20	Giáo dục học
III	KT/TTTN/KLTN/HP thay thế		13							
44	141010	Kiến tập sư phạm	2			60		5		
45	141060	Thực tập tốt nghiệp	5			150		8		
46	141087	Khóa luận tốt nghiệp	6							
47	Học phần thay thế KLTN		6							
47.1	Chọn 1 trong 2 học phần		3							Ngữ Văn
	142059	Bồi dưỡng học sinh năng khiếu Tiếng Việt ở Tiểu học	3	27	30	6	135	8	25	Ngữ văn
	142050	Kiến thức Tiếng Việt trong trường Tiểu học	3	27	30	6	135	8	25	Ngữ văn
47.2	141014	Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn Toán ở Tiểu học	3	27	30	6	135	8	34	Toán
Tổng			124							

2. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

- 2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mac – Lênin
- 2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mac – Lênin
- 2.3. Vai trò của triết học Mac – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 2: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG (9LT; 08TL; 0TH)

1. VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC

- 1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất
- 1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức
- 1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

2. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

- 2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật
- 2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật

3. LÝ LUẬN NHẬN THỨC

- 3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng
- 3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức
- 3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức
- 3.4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức
- 3.5. Tính chất của chân lý

CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ (14LT; 10TL; 0TH)

1. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

- 1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội
- 1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- 1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội
- 1.4. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên

2. GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC

- 2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp
- 2.2. Dân tộc
- 2.3. Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại

3. NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI

- 3.1. Nhà nước
- 3.2. Cách mạng xã hội

4. Ý THỨC XÃ HỘI

- 4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội
- 4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội

5. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI

- 5.1. Khái niệm con người và bản chất con người
- 5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người
- 5.3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò cá nhân chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử
- 5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam

4. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

9.2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN / Political economics of Marxism and Leninism

- Số tín chỉ: 2 (21;18; 0)
- Mã học phần: 196060
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Năng lực đạt được: Người học biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo; Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Khái quát lịch sử hình thành, đối tượng, phương pháp, chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về hàng hóa, tiền tệ, thị trường, các quy luật kinh tế chủ yếu của sản xuất hàng hóa; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Ý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước

2.3. Mục tiêu về thái độ

Xây dựng và nâng cao lập trường tư tưởng chính trị, ý thức hệ của chủ nghĩa Mác – Lênin đối với người học.

Người học nhận thức rõ hơn về con đường đi lên CNXH ở nước ta hiện nay.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN (4LT; 3TL; 0TH)

I. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin

1. Chủ nghĩa trọng thương
2. Chủ nghĩa trọng nông
3. Kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh
4. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

II. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin

1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin
2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin

III. Chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin

1. Chức năng nhận thức

Chương 5: KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM (3LT; 3TL; 0TH)

I. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

II. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở VN

III. Các quan hệ lợi ích ở Việt nam

1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế
2. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích

Chương 6: CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM (3LT; 3TL; 0TH)

I. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa
2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

II. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế
2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam
3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam

4. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Bộ GD & ĐT (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.

9.3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC/ Scientific socialism

- Số tín chỉ: 2 (21; 18; 0)
- Mã học phần: 196065
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Học phần có 7 chương, cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học: xác định đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXHKKH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

Năng lực đạt được: Người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Sinh viên lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học có được kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKKH, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có khả năng luận chứng được khách thể và đối tượng nghiên cứu của một khoa học và của một vấn đề nghiên cứu, phân biệt được những vấn đề chính trị - xã hội trong đời sống hiện thực.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng; Có niềm tin vào mục tiêu và sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo; tin tưởng con đường XHCN mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã lựa chọn.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

(4LT; 0 TL; 0TH)

1. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học
2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của CNXHKKH
3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH

CHƯƠNG 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

(3LT; 3TL; 0TH)

1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân.

- 1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân

1.2. Sự biến đổi có tính qui luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên XHCN

2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên XHCN

3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên XHCN ở Việt Nam

3.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên XHCN ở Việt Nam

3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên XHCN ở Việt Nam

CHƯƠNG 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN XHCN (3LT; 3TL; 0TH)

1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên CNXH

1.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc

1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam

2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH

2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo

2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước hiện nay

3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 7: VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH (3LT; 3TL; 0TH)

1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình

1.1. Khái niệm gia đình

1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội

1.3 Chức năng cơ bản của gia đình

2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH

2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội

2.2. Cơ sở chính trị - xã hội

2.3. Cơ sở văn hóa

2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ

3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH

3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH

3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH

4. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

9.4. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM/ HISTORY OF VIETNAMESE COMMUNIST PARTY

- Số tín chỉ: 2 (21; 18; 0)
- Mã học phần: 198030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Mô tả học phần

Nội dung của học phần: Nội dung của học phần: Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm 3 chương và chương nhập môn. Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. Chương 1: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 -1975). Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (1975- đến nay).

Năng lực đạt được: Người học nắm vững về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam; vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đối với tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đến nay. Xác lập được niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Từ đó thấy được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Cung cấp cho sinh viên những tri thức có tính hệ thống quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930) và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Những nội dung lịch sử cơ bản, hệ thống, khách quan về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm (1945 -1975) Đồng thời cũng thấy được vai trò lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề đặt ra, có phương pháp nhận thức biện chứng khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, và công cuộc đổi mới đất nước hiện nay; phê phán những quan điểm sai trái về lịch sử của Đảng, đồng thời giúp người học gắn tư duy lý luận với thực tiễn, vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc vào hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động và sáng tạo; Vận dụng những vấn đề lý luận để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ

2.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)

2.2.1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965

2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975

2.2.3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954- 1975

Chương 3: ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018)

(3LT; 3TL; 0TH)

3.1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)

3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981

3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982- 1986

3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018).

3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội 1986-1996

3.2.2 Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế 1996-nay.

3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới.

4. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%.

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm:10

9.5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH/ HO CHI MINH'S IDEOLOGY

- Số tín chỉ: 2 (21; 18; 0)

- Mã học phần: 197035

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử Đảng - Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học

Năng lực đạt được: Người học hiểu đúng hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Từ đó hình thành cho người học năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác để rèn luyện và hoàn thiện bản thân trên lập trường quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Biết vận dụng kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội, qua đó thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo đất nước của Đảng cộng sản Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương I: KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2LT; 0 TL; 0TH)

I. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh

a) Thống nhất tính Đảng và tính khoa học

b) Thống nhất lý luận và thực tiễn

c) Quan điểm lịch sử - cụ thể

d) Quan điểm toàn diện và hệ thống

e) Quan điểm kế thừa và phát triển

2. Một số phương pháp cụ thể

IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận

a) Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

b) Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của cách mạng Việt Nam, muốn thắng lợi phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo

c) Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công – nông làm nền tảng

d) Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

e) Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

a) Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

b) Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan

c) Một số đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a) Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

b) Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a) Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ

b) Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội

2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để bảo đảm nền độc lập dân tộc vững chắc

3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định

2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa

3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị

4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ

Chương IV: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN (2 LT; 4 TL; 0 TH)

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh

a) Đảng là đạo đức, là văn minh

b) Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng

c) Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

1. Nhà nước dân chủ

2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng.

3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế

Chương VI: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI (SLT; 6 TL ; 0TH)

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

a) Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hoá

b) Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa

a) Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng

b) Văn hóa là một mặt trận

c) Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng

a) Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng

b) Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội

2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

a) Trung với nước, hiếu với dân

b) Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

c) Thương yêu con người, sống có tình, có nghĩa

d) Tinh thần quốc tế trong sáng

3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng

a) Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức

b) Xây đi đôi với chống

c) Tu dưỡng đạo đức suốt đời

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người

IV. XÂY DỰNG VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người

2. Về xây dựng đạo đức cách mạng

4. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị

9.6. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG/GENERAL LAW

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)
- Mã học phần: 197030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần gồm: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Để đạt được mục tiêu đó, nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản luật một số ngành luật gồm: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỉ luật học đường, kỉ cương xã hội.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên nắm vững và phân tích được những vấn đề lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật. Đồng thời trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sinh viên biết vận dụng những kiến thức đã học trong việc giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi học tập, làm việc, và trong cộng đồng dân cư. Biết phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày. Có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.

2.3 Mục tiêu thái độ:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản để từ đó giúp cho sinh viên tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật; Vận dụng kiến thức của học phần Pháp luật đại cương vào trong quá trình học tập và công tác trên thực tiễn sau này.

3. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

CHƯƠNG I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC

(LT: 02; TL: 01; TH: 0)

I. Nguồn gốc nhà nước.

VI. Thực hiện pháp luật. Vi phạm pháp luật. Trách nhiệm pháp lý.

1. Thực hiện pháp luật.
 - a. Khái niệm.
 - b. Các hình thức thực hiện pháp luật.
2. Vi phạm pháp luật.
 - a. Khái niệm và các dấu hiệu của vi phạm pháp luật.
 - b. Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật.
 - c. Các loại vi phạm pháp luật.
3. Trách nhiệm pháp lý.
 - a. Khái niệm, đặc điểm của trách nhiệm pháp lý.
 - b. Các loại trách nhiệm pháp lý

VII. Pháp chế XHCN.

1. Khái niệm.
2. Những yêu cầu cơ bản của pháp chế XHCN.
3. Các biện pháp tăng cường pháp chế XHCN.

CHƯƠNG 3: LUẬT HIẾN PHÁP

(LT: 02; TL: 02; TH: 0)

I. Khái quát chung về luật hiến pháp.

1. Định nghĩa Luật hiến pháp.
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.

1. Khái quát về bộ máy nhà nước chxhcn việt Nam
 - a. Khái niệm
 - b. Phân loại hệ thống các cơ quan nhà nước
2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta
 - a. Nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân
 - b. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo
 - c. Nguyên tắc tập trung, dân chủ
 - d. Nguyên tắc pháp chế XHCN
 - e. Nguyên tắc đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc
3. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước
 - a. Vị trí, tính chất
 - b. Chức năng

III. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

1. Khái niệm, nguồn gốc, bản chất và tính chất của quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân;
2. Quy định của Liên hợp quốc và điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân;
3. Quy định Hiến pháp 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân;
4. Ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (sau đây viết tắt là XHCN);

- a. Khái niệm quyền sở hữu
- b. Nội dung quyền sở hữu
- 2. Thừa kế.
 - a. Khái niệm thừa kế
 - b. Người để lại di sản thừa kế
 - c. Người hưởng thừa kế
 - d. Hình thức thừa kế
- 3. Hợp đồng dân sự.
 - a. Khái niệm hợp đồng dân sự
 - b. Hình thức hợp đồng dân sự
 - c. Nội dung hợp đồng dân sự
- 4. Trách nhiệm dân sự
 - a. Khái niệm trách nhiệm dân sự
 - b. Các hình thức trách nhiệm dân sự

B. Luật hôn nhân và gia đình

I. Khái quát chung về luật hôn nhân và gia đình.

- 1. Định nghĩa luật hôn nhân gia đình
- 2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Nội dung cơ bản.

- 1. Kết hôn.
 - a. Khái niệm kết hôn
 - b. Điều kiện kết hôn
- 2. Quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, cha mẹ và con.
 - a. Quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng
 - b. Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con
- 3. Chấm dứt hôn nhân.
 - a. Khái niệm
 - b. Các trường hợp chấm dứt hôn nhân
 - c. Hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hôn nhân

CHƯƠNG 7: LUẬT HÌNH SỰ

(LT: 02; TL: 01; TH: 03)

I. Khái quát chung về luật hình sự.

- 1. Định nghĩa Luật hình sự
- 2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Tội phạm.

- 1. Khái niệm, đặc điểm của tội phạm.
 - a. Khái niệm
 - b. Đặc điểm
- 2. Phân loại tội phạm.

III. Hình phạt và các biện pháp tư pháp.

- 1. Hình phạt.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

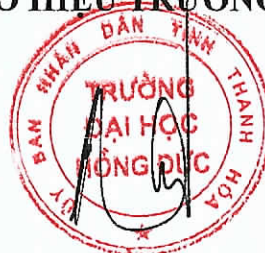
[1]. Lê Văn Minh (chủ biên), (2016), *Pháp luật đại cương*, Nxb Lao động (Quyển 1).

9.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Lê Minh Toàn (chủ biên), (2012), *Giáo trình pháp luật đại cương*, Nxb Chính trị Quốc gia (Quyển 1).

[2]. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan, (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, Nxb Công an nhân dân (Quyển 2).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

2.2. Đặc trưng và chức năng của văn hoá

- 2.2.1. Tính hệ thống và chức năng tổ chức xã hội
- 2.2.2. Tính giá trị và chức năng điều tiết xã hội
- 2.2.3. Tính lịch sử gắn với chức năng giáo dục
- 2.2.4. Tính nhân bản gắn với chức năng giao tiếp

3. Định vị văn hoá Việt Nam

(LT:2, TL:1)

3.1. Không gian văn hoá Việt Nam

3.2. Thời gian văn hoá

3.3. Nguồn gốc dân tộc Việt - chủ thể văn hoá Việt Nam

B. Thực hành, thảo luận

- 1. Thuật ngữ văn hoá, phân biệt các khái niệm liên quan đến văn hoá
- 2. Mối quan hệ giữa các đặc trưng và chức năng của văn hoá
- 3. Con người - học văn - văn hoá

C. Tự học, tự nghiên cứu

- 1. Mối quan hệ giữa con người với môi trường và văn hoá
- 2. Quá trình hình thành các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam
- 3. Lựa chọn 9 biểu tượng văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên; 9 biểu tượng văn hoá ứng xử với môi trường xã hội và phân tích những biểu tượng văn hoá ấy.

4. Tiến trình văn hoá Việt Nam

(LT:2, TL:2)

A. Lí thuyết

- 1. Văn hoá Việt Nam thời tiền sử
- 2. Văn hoá Việt Nam thời sơ sử
- 3. Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc
- 4. Thời kỳ phong kiến tự chủ (Đại Việt)
- 5. Văn hoá Việt Nam thời Pháp thuộc và chống Pháp thuộc
- 6. Văn hoá Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945

B. Thực hành, thảo luận

- 1. Tại sao nói Việt Nam là một Đông Nam Á thu nhỏ? Tại sao một nghìn năm Bắc thuộc Việt Nam không bị đồng hoá?
- 2. Chứng minh giai đoạn Văn Lang - Âu Lạc là đỉnh cao của văn hoá Việt Nam thời tiền sử và sơ sử?

C. Tự học, tự nghiên cứu

- 1. Văn hoá Đại Việt - đỉnh cao của văn hoá Việt Nam thời độc lập tự chủ?
- 2. Các đặc điểm của văn hoá Việt Nam khi giao lưu tiếp xúc với văn hoá nhân loại thời hiện đại?

5. Các vùng văn hoá Việt Nam

(LT:1, TL:1)

A. Lí thuyết

- 1. Vấn đề phân vùng văn hoá và khái niệm vùng văn hoá
 - 1.1. Vấn đề phân vùng văn hoá ở Việt Nam
 - 1.2. Khái niệm vùng văn hoá?
- 2. Đặc trưng các vùng văn hoá Việt Nam
 - 2.1. Vùng văn hoá Đồng bằng Bắc bộ
 - 2.2. Vùng văn hoá Việt Bắc
 - 2.3. Vùng văn hoá Tây Bắc và miền núi Bắc bộ
 - 2.4. Vùng văn hoá duyên hải Bắc Trung bộ
 - 2.5. Vùng văn hoá duyên hải Trung và Nam Trung bộ

11. Văn hoá ẩm thực, văn hoá mặc, ở và đi lại

(LT:0, TL:2)

A. Lí thuyết

11.1. Văn hoá ẩm thực

- 11.1.1. Cơ cấu bữa ăn
- 11.1.2. Cách chế biến món ăn
- 11.1.3. Cách ăn
- 11.1.4. Đồ uống.

11.2. Văn hoá mặc

- 11.2.1. Chất liệu may mặc
- 11.2.2. Trang phục qua các thời đại và đặc trưng trong cách mặc

11.3. Văn hoá ở và đi lại

- 11.3.1. Đặc điểm ngôi nhà Việt Nam
- 11.3.2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tâm lý đi lại, phương tiện đi lại

B. Thực hành, thảo luận

1. Tại sao ăn uống được gọi là văn hoá ẩm thực ? văn hoá ẩm thực Việt Nam là gì ?
2. Về một nét đẹp trong trang phục của người phụ nữ Việt Nam ?
3. Con thuyền và biểu tượng con thuyền trong truyền thống văn hoá Việt Nam
4. *Lấy vợ hiền hoà, làm nhà hướng Nam* hay *Lấy vợ đàn bà, làm nhà hướng Nam*?

C. Tự học, tự nghiên cứu:

1. Vai trò của trâu cày trong đời sống con người Việt Nam từ xưa đến nay.
2. Thuật phong thủy trong đời sống con người Việt Nam từ xưa đến nay.

12. Văn hoá giao tiếp, nghệ thuật và phong tục cổ truyền

(LT:1, TL:2)

A. Lí thuyết

12.1. Văn hoá giao tiếp

12.1.1. Cơ tầng văn hoá nông nghiệp bản địa và sự thâm thấu trong văn hoá giao tiếp

- 12.1.2. Đặc điểm, cách thức giao tiếp
- 12.1.3. Nghệ thuật ngôn từ

12.2. Văn hoá nghệ thuật

- 12.2.1. Nghệ thuật trình diễn
- 12.2.2. Nghệ thuật sân khấu
- 12.2.3. Nghệ thuật tạo hình
- 12.2.4. Nghệ thuật kiến trúc

13. Phong tục

(LT:1, TL:2)

- 13.1. Phong tục hôn nhân
- 13.2. Phong tục tang ma.
- 13.3. Phong tục lễ tết, lễ hội.

B. Thực hành, thảo luận

1. Về một loại hình nghệ thuật cổ truyền mà anh/ chị thích ?
2. Về một lễ hội nơi quê hương, các bước tiến hành một lễ hội cổ truyền ?
3. Trọng tình và nước đôi trong giao tiếp của người Việt ?

C. Tự học, tự nghiên cứu:

1. Các loại hình nghệ thuật cổ truyền ?
2. Phong tục hôn nhân, tang ma ?
3. Phép xử thế của con người trong đời sống ?

14. Tổng kết

(LT:1, TL:2)

A. Lí thuyết

9.8. GIÁO DỤC HỌC TỰ CHỌN 1 (CHỌN MỘT TRONG 2 HỌC PHẦN)

a. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC/Research method of Educational Science

- Mã học phần: 141035
- Số tín chỉ: 2TC (18; 24; 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học tiểu học/Giáo dục học mầm non

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục. Các quan điểm trong NCKH nghiên cứu khoa học giáo dục; Hệ thống các phương pháp NCKH và cách thức vận dụng chúng trong quá trình NCKH; Logic tiến hành một công trình NCKH gồm các bước: Xây dựng đề cương NC, lý do chọn đề tài, mục đích nghiên cứu, xác định khách thể và đối tượng nghiên cứu, xây dựng giả thuyết khoa học, xác định nhiệm vụ nghiên cứu, xác định các phương pháp nghiên cứu, dàn ý nội dung công trình nghiên cứu; Giai đoạn thực hiện công trình nghiên cứu, danh mục tài liệu tham khảo và đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục.

Năng lực đạt được: Sau khi học xong học phần người học có khả năng lựa chọn các vấn đề cấp thiết trong thực tiễn giáo dục làm đề tài và xây dựng một đề cương NCKH; có khả năng vận dụng các phương pháp trong nghiên cứu KHGD; nắm vững và thực hành thành thạo các bước của một đề tài NCKHGD; áp dụng PPNCKH trong học tập, nghiên cứu và làm việc.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sinh viên có được những kiến thức về:

- Hệ thống các quan điểm vận dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục.
- Hệ thống phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.
- Các giai đoạn tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục.
- Đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Bước đầu hình thành ở sinh viên những kỹ năng như lựa chọn các vấn đề cấp thiết trong thực tiễn giáo dục làm đề tài và xây dựng một đề cương NCKH; Kỹ năng vận dụng các phương pháp trong nghiên cứu KHGD; nắm vững và thực hành thành thạo các bước của một đề tài NCKHGD; Kỹ năng nhận xét, đánh giá một đề tài NCKH.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Hình thành tư duy logic trong việc xem xét các vấn đề trong thực tiễn dạy học, giáo dục ở nhà trường; có thái độ nghiêm túc, khách quan trong NCKH và cách thức làm việc khoa học của một nhà nghiên cứu.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC

9 tiết (3LT+6 TL)

1.1. Khái niệm chung.

1.2. Hệ thống các quan điểm trong NCKHGD

1.2.1. Quan điểm hệ thống - cấu trúc

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

9. Học liệu

9.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. Phó Đức Hoà (2007), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học*, NXB ĐHSP.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Vũ Cao Đàm (2007), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Khoa học và kỹ thuật Hà Nội.

[2]. Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên) (2006), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non*, NXB ĐHSP

[3]. Phạm Viết Vượng (2004), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục* - (Chương trình giáo trình đại học), NXB ĐHQG HN.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

2.2.3. Nhóm phương pháp đặt câu hỏi vấn đáp

2.3. Năng lực và đánh giá theo định hướng phát triển năng lực

2.3.1. Khái niệm năng lực

2.3.2. Năng lực của học sinh

2.3.3. Đánh giá năng lực của học sinh

2.4. Hướng dẫn cách thức đánh giá học sinh tiểu học theo thông tư 22

2.4.1. Cơ sở khoa học của đánh giá thường xuyên học sinh tiểu học bằng nhận xét

2.4.2. Đánh giá thường xuyên bằng nhận xét tích cực thúc đẩy phát triển học tập, phát triển nhân cách học sinh tiểu học.

2.4.3. Làm thế nào để giáo viên tiểu học biết cách đánh giá thường xuyên bằng nhận xét tích cực

2.4.4. Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh

2.4.5. Làm thế nào để học sinh biết cách tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau?

2.4.6. Làm thế nào để GV và cha mẹ HS biết cách sử dụng những tình huống bằng nhận xét làm thay đổi nhận thức của các con.

2.4.7. Đánh giá định kì về kết quả học tập theo thông tư 22

2.4.8. Hồ sơ đánh giá theo thông tư 22

2.4.9. Khen thưởng học sinh theo thông tư 22

CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT TRẮC NGHIỆM VÀ THỰC HÀNH MỘT SỐ BÀI TRẮC NGHIỆM. 12(6LT+6TL)

3.1. Các loại trắc nghiệm: TN Mẫu, TN do giáo viên thiết kế; TN Khách quan, chủ quan; TN Phối hợp kiến thức và thái độ

3.2. Độ tin cậy của trắc nghiệm. Hiệu quả đánh giá trắc nghiệm

3.3. Tác dụng của phương pháp trắc nghiệm trong dạy học

3.4. Các loại câu trắc nghiệm.

3.5. Xây dựng và sử dụng các loại câu trắc nghiệm do giáo viên thiết kế.

CHƯƠNG 4. HƯỚNG DẪN CÁCH LƯỢNG HÓA CÁC NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT, KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC MÔN. 3(3LT+0TL)

4.1. Cách thức sử dụng thang đo năng lực, phẩm chất

4.2. Cách thức sử dụng các bảng tham chiếu chuẩn đánh giá

CHƯƠNG 5. XỬ LÝ VÀ PHẢN HỒI KẾT QUẢ KIỂM TRA ĐÁNH. 3(0LT+3TL)

5.1. Xử lý kết quả kiểm tra đánh giá

5.2. Phản hồi kết quả kiểm tra, đánh giá

4. Yêu cầu môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

9.9. ÂM NHẠC/MUSIC

- Mã học phần: 143055
- Số tín chỉ: 3 TC (LT: 27; BT, TL: 0; TH: 36)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Âm nhạc
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô Tả học phần

Nội dung học phần: Hệ thống những kiến thức cơ bản phổ thông; Ký - xướng âm; Kỹ năng Đọc - Ghi chép nhạc cơ bản; Nhạc cụ: Kỹ năng sử dụng nhạc cụ, kỹ thuật luyện tập và soạn đệm cho các bài hát thiếu nhi trên đàn Organ điện tử; biết vận dụng vào thực tế dạy học môn âm nhạc ở trường tiểu học.

Năng lực đạt được: Sinh viên có năng lực giải quyết các nội dung kiến thức giáo dục âm nhạc trong chương trình Tiểu học; Hướng dẫn học sinh lớp 1,2,3,4,5 tập hát chuẩn xác; Hướng dẫn học sinh lớp 4,5 tập đọc nhạc, nghe nhạc, thưởng thức âm nhạc; Đánh giá năng lực, kết quả học tập môn âm nhạc của HS tiểu học.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Sinh viên nắm được khái niệm về hệ thống những kiến thức lý thuyết âm nhạc cơ bản.
- Phương pháp ghi chép nhạc, các kỹ năng, các bước khi tiến hành đọc một bài xướng âm ở giọng đô trưởng, son trưởng, pha trưởng, la thứ tự nhiên.
- Sử dụng thành thạo đàn phím điện tử (*Đàn Organ*) soạn đệm cơ bản cho các bài hát trong chương trình Tiểu học và ca khúc thiếu nhi đơn giản.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng sau:

- Kỹ năng vận dụng các kiến thức lý thuyết âm nhạc vào các bài thực hành âm nhạc
- Kỹ năng ghi chép nhạc, xướng âm (đọc nhạc) thành thạo, đọc nhạc ghép lời cho các bài hát thiếu nhi. Đặc biệt là bài hát dành cho lứa tuổi học sinh Tiểu học.
- Kỹ năng thực hành luyện tập các bài kỹ thuật trên đàn để vận dụng soạn đệm cho các bài hát trong chương trình ở tiểu học và các ca khúc thiếu nhi; hiểu biết về kỹ năng sử dụng, thể hiện trên đàn Organ điện tử.
- Kỹ năng vận dụng các kiến thức lý thuyết âm nhạc cơ bản trong việc lựa chọn tiết tấu, âm sắc, tốc độ...vv để soạn đệm cho các bài hát dành cho học sinh tiểu học.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Sinh viên xác định được vị trí, vai trò và tầm quan trọng của học phần trong chương trình đào tạo giáo viên Tiểu học.
- Thực hiện nghiêm túc, tham gia học tập đầy đủ các giờ lên lớp theo qui định (giờ lý thuyết, bài tập thảo luận, thực hành, làm việc theo từng cá nhân, theo nhóm); hoàn thành các bài tập, bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa kì và thi hết học phần.
- Luôn có ý thức tự học, tự nghiên cứu tài liệu, tự thực hành luyện tập để cập nhật kiến thức liên quan đến nội dung chương trình học phần.
- Giáo dục sinh viên yêu thích, say mê đối với bộ môn âm nhạc.

3. Nội dung chi tiết học phần

Học phần gồm 3 nội dung chính, được chia làm 11 chương

Nội dung 1: Lý thuyết âm nhạc cơ bản (23 LT; 0 TH)

- Các quãng 3 giai điệu

5.2. Tiết tấu - Nhịp

- Các dạng trường độ

- Các loại nhịp đơn, nhịp phức

5.3. Một số sắc thái biểu hiện

5.4. Bài tập thực hành: Ký - Xướng âm giọng Đô trưởng

5.5. Ứng dụng xướng âm và hát các bài hát trong chương trình tiểu học giọng Đô trưởng.

Chương 6: Ký - Xướng âm giọng trưởng có một dấu hoá

6.1 giọng Son trưởng

- Luyện đọc cao độ gam; hợp âm rải (T); các quãng 3 giai điệu

- Tiết tấu - Nhịp

- Bài tập thực hành: Ký - Xướng âm giọng Son trưởng

- Ứng dụng xướng âm và hát các bài hát trong chương trình tiểu học.

6.2. Giọng Pha trưởng

- Luyện đọc cao độ gam; hợp âm rải (T); các quãng 3 giai điệu

- Tiết tấu - Nhịp

- Bài tập thực hành: Ký - Xướng âm giọng Pha trưởng

- Ứng dụng xướng âm và hát các bài hát trong chương trình tiểu học.

Chương 7: Ký - Xướng âm giọng La thứ

7.1. Cao độ

- Luyện đọc gam (thứ tự nhiên)

- Hợp âm rải (t)

- Các quãng 3 giai điệu

7.2. Tiết tấu - Nhịp

- Các dạng trường độ

- Các loại nhịp đơn, nhịp phức

- Bài tập thực hành: Ký - Xướng âm giọng La thứ

- Ứng dụng xướng âm và hát các bài hát trong chương trình tiểu học giọng La thứ.

Nội dung 3: Phương pháp học đàn phím điện tử (Đàn Organ); (1 LT + 24 TH)

Chương 8: Giới thiệu và phương pháp luyện kỹ thuật cơ bản giọng đô trưởng

8.1. Giới thiệu và tập làm quen với cây đàn

- Giới thiệu nốt nhạc và các quãng tám trên phím đàn Organ điện tử

- Cách thao tác và các chức năng chính trên đàn Organ điện tử

- Tư thế đánh đàn

8.2. Bài tập cơ bản luyện ngón trên tay phải

- Luyện kỹ thuật chạy 5 nốt bằng 5 ngón tay

- Luyện kỹ thuật chạy ngón bấm thu hẹp và mở rộng

- Luyện kỹ thuật chạy ngón bấm luân ngón 1 chuyển thế tay

- Rải hợp âm

8.3. Bài tập cơ bản luyện ngón trên tay trái

- Luyện kỹ thuật chạy 5 nốt bằng 5 ngón tay

- Luyện kỹ thuật chạy ngón bấm thu hẹp và mở rộng

- Luyện kỹ thuật chạy ngón bấm luân ngón 1 chuyển thế tay

- Rải hợp âm

8.4. Bài tập kết hợp hai tay

8.5. Bài tập luyện kỹ thuật chạy gam 2 quãng tám tay phải

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

- [1]. Phạm Tú Hương (2007), *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, NXB ĐHSP Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

- [1]. Xuân Tứ (2003), *Hướng dẫn dạy và học đàn Organ Tập 1 và tập 2*, NXB Âm nhạc Trường CĐSP Nhạc - Hoạ TW.
- [2]. Trịnh Hoài Thu (2011), *Phương pháp dạy học kỹ xướng âm trong đào tạo giáo viên âm nhạc phổ thông*, NXB âm nhạc.
- [3]. Cù Minh Nhật (2007), *Organ thực hành cho thiếu nhi*, NXB Âm nhạc.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt. Có tác phong sư phạm chuẩn mực. Biết cách hoà đồng và chia sẻ với mọi người, có tinh thần hợp tác làm việc vì mục tiêu chung, tinh thần hợp tác làm việc, giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên môn.

3. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: VÀI NÉT VỀ NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH 2 tiết (2LT+ 0 TL)

1. Các loại hình nghệ thuật
2. Ngôn ngữ của nghệ thuật tạo hình
3. Vai trò của nghệ thuật tạo hình trong sự phát triển xã hội và giáo dục con người.

*** Tự học, tự nghiên cứu:**

Đặc điểm của ngôn ngữ tạo hình của học sinh Tiểu học

CHƯƠNG 2: VẼ THEO MẪU BẰNG CHÌ 7 tiết (3LT+ 3 BT+1TH)

1. Khái niệm
2. Đồ dùng và cách sử dụng
3. Đường nét, hình khối, sáng tối.
4. Giới thiệu khái quát định luật xa gần và giải phẫu tạo hình
 - 4.1. Định luật xa gần
 - 4.1.1. Khái niệm về định luật xa gần
 - 4.1.2. Các đường và điểm chính trong định luật xa gần.
 - 4.2. Giải phẫu tạo hình
 - 4.2.1. Tỷ lệ người
 - 4.2.2. Tỷ lệ mặt người
5. Phương pháp vẽ theo mẫu.
 - Bước 1: Quan sát - nhận xét mẫu vẽ.
 - Bước 2: Phác bố cục bài vẽ.
 - Bước 3: Dựng hình.
 - Bước 4: Vẽ đậm nhạt (đánh bóng)
6. Bài tập 1: vẽ theo mẫu
 - Bài thực hành: Vẽ mẫu đơn là khối cơ bản (bài vẽ trên khổ giấy A3)
 - Bài tập 1: Vẽ mẫu ghép là đồ vật (bài vẽ trên khổ giấy A3).

*** Tự học, tự nghiên cứu:**

Vẽ mẫu ghép là đồ vật và quả (bài vẽ trên khổ giấy A3).

CHƯƠNG 3: MÀU SẮC 6 tiết (3LT+3TH)

1. Khái niệm về màu sắc
2. Hệ thống màu sắc
 - 2.1. Màu gốc
 - 2.2. Màu hợp nhị
 - 2.3. Màu bổ túc
 - 2.4. Màu tương phản
 - 2.5. Màu nóng và màu lạnh
 - 2.6. Độ đậm nhạt của màu sắc
 - 2.7. Hoà sắc
3. Cách pha màu và sử dụng màu sắc
 - 3.1. Dụng cụ vẽ
 - 3.2. Phương pháp pha màu
 - 3.3. Cách tô các mảng màu và xử lý nét

- 2.2. Dụng cụ
 3. Những kĩ năng cơ bản của nặn
 - 3.1. Chia đất
 - 3.2. Lăn dọc
 - 3.3. Xoay tròn
 - 3.4. Ấn bẹt
 - 3.5. Ghép khối
 4. Phương pháp nặn
 - 4.1. Nặn ghép từ những khối cơ bản
 - 4.2. Nặn từ một thỏi đất
 5. Bài tập. (bài nặn bằng đất màu dẻo)
- Bài tập 6: Nặn quả, đồ vật, con vật; nặn dáng người.
- * Tự học:** Nặn dáng người.

CHƯƠNG 7: KỸ THUẬT TẠO HÌNH BẰNG CHẤT LIỆU TỔNG HỢP

8 tiết (4LT+ 4BT+2TH)

1. Giới thiệu một số vật liệu tạo hình
 - 1.1. Vật liệu nhân tạo
 - 1.2. Vật liệu phế liệu (vật liệu tái sử dụng)
 - 1.3. Vật liệu từ thiên nhiên (vật liệu tự nhiên)
 2. Một số kỹ thuật tạo hình
 - 2.1. Kỹ thuật xé, dán
 - 2.2. Cắt dán
 - 2.3. Kỹ thuật in (Đồ họa)
 - 2.3.1. Kỹ thuật in khắc nổi (Khắc gỗ)
 - 2.3.2. Kỹ thuật in lõm (Khắc kim loại)
 - 2.3.3. In khắc đá (In phẳng)
 - 2.3.4. Kỹ thuật in xuyên (In lưới- in lụa)
 - 2.3.5. In độc bản
 3. Phương pháp tạo hình
 - Bước 1: Nghiên cứu lựa chọn chủ đề
 - Bước 2: Chuẩn bị vật liệu
 - Bước 3: Thể hiện
 4. Bài tập thực hành
- Bài tập 7: Làm một sản phẩm tạo hình theo chủ đề. “Con vật với môi trường xung quanh”
- * Tự học, tự nghiên cứu:**
- Hoàn thành sản phẩm trên lớp.
 - Kỹ thuật tranh in, Làm một sản phẩm tạo hình bằng vật liệu từ thiên nhiên, phế liệu (chủ đề tự chọn).

CHƯƠNG 8: CHỮ MỸ THUẬT VÀ ỨNG DỤNG TRONG TRANG TRÍ

7 tiết (2 LT+5 BT)

1. Các kiểu chữ cơ bản.
 - 1.1. Nguồn gốc, ý nghĩa của chữ đối với đời sống xã hội
 - 1.2. Chữ cơ bản và cấu trúc chữ cơ bản
 - 1.2.1. Kiểu chữ Baton

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Ngô Bá Công (2008), *Giáo trình Mỹ thuật cơ bản*, Nxb Đại học Sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Tạ Phương Thảo (2007), *Giáo trình trang trí*, Nxb Đại học Sư phạm.

[2]. Đàm Luyện (2007), *Giáo trình bố cục*, Nxb Đại học Sư phạm.

[3]. Phạm Thị Chinh (2007), *Lịch sử Mỹ thuật Việt nam*, Nxb Đại học sư phạm.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

ràng, hiểu và sử dụng phương tiện giao thông công cộng đơn giản. Có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hàng ngày, mô tả ngắn gọn về bản thân, gia đình, nơi chốn, sở thích, giao dịch hàng hóa và dịch vụ đơn giản. Có thể hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề quen thuộc hàng ngày, xác định được thông tin cụ thể trong các văn bản ngắn, hiểu được biển báo, thông báo, hướng dẫn sử dụng đơn giản. Có thể viết các cụm từ, câu đơn giản về những chủ đề quen thuộc như bản thân, gia đình, trường lớp, công việc, sở thích...có thể yêu cầu hoặc cung cấp thông tin cá nhân bằng văn bản, viết và trả lời tin nhắn, bưu thiếp, điền thông tin cá nhân vào biểu mẫu đơn giản. Người học biết phương pháp làm bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ tiền A2.

Người học vận dụng kiến thức đã có để giải quyết những khó khăn trong khi học. Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình. Người học vận dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm. Người học vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc. Người học có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học chấp hành nghiêm túc các quy định của học phần: Tham gia 80% số giờ quy định trong lớp học; Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, các dự án; Làm đầy đủ các bài kiểm tra, đánh giá.

Người học chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần: Hoạt động tự học trên lớp; Hoạt động theo cặp, theo nhóm trên lớp; Hoạt động tự học của cá nhân ở nhà; Hoạt động tự học theo nhóm dự án ở nhà.

3. Nội dung học phần

Nội dung của học phần giúp người học củng cố, luyện tập và thiết lập các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trình độ tiền A2., đồng thời người học còn có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực, tham gia các hoạt động tự học ở nhà như làm bài tập nhóm, bài tập Portfolio, thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

3.1. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1:

(2LT: 2,5TH: 1,5TL)

- 1.1. Course Introduction
- 1.2. Orientation
- 1.3. Diagnostic test
- 1.4. - IPA: phonemic chart
- + vowels
- + consonants
- + monothongs +
- diphthongs

Nội dung 2: Unit 1A – My name's Hannah, not Anna (3LT: 1,5TH: 1,5TL)

- 2.1. Grammar: verb *to be*, subject pronoun, possessive adjectives
- 2.2. Listening: Listen & fill in a number or a day in each space
- 2.3. Reading: Days of the week; Numbers 1 – 20; Greetings

9.4. Speaking: weather and seasons

9.5. Writing: weather and seasons

Nội dung 10: Unit 6A, Unit 6B, Unit 6C

(3LT: 1,0TH: 2,0TL)

10.1. Grammar: object pronouns,

10.2. Listening: phone language, the dates, numbers

10.3. Reading: : phone language, the dates, numbers

10.4. Speaking: discussing views on : phone language, the dates, numbers

10.5. Writing: describing places

Nội dung 11: Unit 7A, Unit 7B, Unit 7C

(3LT: 1,5TH: 1,5TL)

11.1. Grammar: past simple

11.2. Listening: sentence stress, time expressions

11.3. Reading: a memorable night

11.4. Speaking: discussing a memorable night

11.5. Writing: a memorable night

Nội dung 12: Unit 9A, Unit 9B, Unit 9C

(2LT: 2TH: 2TL)

12.1. Grammar: nouns, comparatives

12.2. Listening & Reading : nouns, comparatives

12.3. Speaking: comparing landscapes,

12.4. Writing: describing a meal

Nội dung 13: Unit 10A, Unit 10B, Unit 10C

(2LT: 2TH: 2TL)

13.1. Grammar: superlative adjectives

13.2. Listening & Reading : holiday, places

13.3. Speaking: holiday, places

Nội dung 14: Unit 12A, Unit 12B, Unit 12C

(2LT: 1,0TH: 2,0TL)

14.1. Grammar: relative clauses, defining and non-defining clauses

14.2. Listening & Reading : films, personal information, episode

14.3. Speaking: fortune-telling, make an interview

14.4. Instruction for final test

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

9.12. TIẾNG ANH 2/English 2

- Số tín chỉ: 3 (27; 18; 18)
- Mã học phần: 133032
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình Ngữ Pháp căn bản Tiếng Anh (Trình độ B) và English File Pre-Intermediate (3rd edition). Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA, trọng âm từ, trọng âm câu. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: các thì trong tiếng Anh, động từ khuyết thiếu, câu điều kiện, câu giả định, thể bị động, lời nói gián tiếp, danh động từ và động từ nguyên thể, cấu trúc used to, be used to.... Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình *Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, 2013. English File – Elementary 3rd Edition*. Oxford University Press.

Năng lực đạt được: Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử,... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu kiến thức:

Người học nhớ và hiểu kiến thức về ngữ âm tiếng Anh trong phát âm, nghĩa các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trình độ A2. Người học có thể nghe hiểu từ khóa, nghe hiểu và nhận biết được các thông tin chính trong hội thoại và đoạn nói ngắn, các cách thức giao tiếp trong khi Nói: biết cách giao tiếp những chủ đề quen thuộc liên quan tới bản thân, công việc và cuộc sống hằng ngày; có thể hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản; có thể mời, đề nghị, xin lỗi, cảm ơn. Người học nhớ và hiểu các chiến thuật đọc hiểu: khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, đưa ra suy luận... Người học biết cách đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Người học nhớ và hiểu các kỹ thuật Viết những dạng văn bản ngắn như tin nhắn, thư tín, văn miêu tả, văn kể chuyện. Người học biết phương pháp làm bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ A2.

2.2. Mục tiêu kỹ năng

Người học vận dụng lý thuyết về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã nhớ và hiểu để sử dụng cho kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ A2. Cụ thể: Có thể hiểu những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày, hiểu được ý chính trong các thông

3.4. Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something

3.5. Defining relative clauses

3.6. Non-defining relative clauses

Nội dung 4: Grammar, Unit 1A, 1B (2LT: 1TH: 1TL)

4.1. Grammar: Still and yet, Anymore / any longer / no longer, Although/ though/even though, In spite of / despite, Even, word order in questions,

4.2. Listening: Spelling and numbers

4.3. Speaking: common verb phrases, giving information about a friend

4.4. Reading: "Who know you better- your mother or your best friend?"

4.5. Writing: Describe a person

Nội dung 5: Unit 1C, 2A, 2B (3LT: 1,0TH: 1,0TL)

5.1. Grammar: Present continuous, Past simple: regular and irregular verbs, Past continuous

5.2. Listening: Listen to a description of a picture and holidays

5.3. Speaking: Describe a picture and a holiday

5.4. Reading: Read about holidays and a description of a photo

5.5. Writing: Describe a favourite photo

Nội dung 6: Unit 2C, 3A (2LT: 1,5TH: 1,5TL)

6.1. Grammar: time sequences and connectors, be going to (plans and predictions)

6.2. Listening: Listen to three travellers' plans and dreams

6.3. Speaking: using picture to retell a story

6.4. Reading: Read the story of *Hannah and Jamie* and read about *Top airports in the world*

Nội dung 7: Unit 3B; Unit 3C (2LT: 1,0TH: 1,0TL)

7.1. Grammar: present continuous, defining relative clause

7.2. Listening: the dates, guessing words

7.3. Reading: the dates, the ways to create new words

7.4. Speaking: make arrangement, defining words

7.5. Writing: write an informal email

Nội dung 8: Unit 4A; Unit 4B (2LT: 1,5TH: 1,5TL)

8.1. Grammar: present perfect or past simple

8.2. Listening: teenage carers, shopping

8.3. Reading: annoying habits of teenagers, the style interview

8.4. Speaking: teenagers and their parents, shopping

8.5. Writing: teenagers' habits

Nội dung 9: Unit 4C; Revise S check, Progress test 2 (2LT: 1,5TH: 1,5TL)

9.1. Grammar: something, anything, nothing

9.2. Listening: Sven's weekend

9.3. Reading: spending weekend in the UK

9.4. Speaking: making weekend more interesting

9.5. Writing: your weekend

Nội dung 10: Unit 5A, 5B (2LT: 1,0TH: 1,0TL)

10.1. Grammar: comparative adjectives and adverbs, as...as, superlatives (+ ever + present perfect)

10.2. Listening: Listen to a talk about how to live more slowly

10.3. Speaking: Talk about changes in life

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2011), *English File Pre-Intermediate 3rd edition*. Nhà xuất bản Văn hóa thông tin.

[2]. Nguyễn Thị Quyết (2018), *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B*. Nhà xuất bản Thanh Hoá.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Cambridge ESOL (2013), *Cambridge Preliminary English Test 3*. Cambridge University Press.

[2]. Cambridge ESOL (2014), *Cambridge Preliminary English Test 4*. Cambridge University Press.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

trả lời đã được chuẩn bị trước để thực hiện một cuộc phỏng vấn. Người học có thể xác định được các kết luận chính trong các văn bản, nhận diện mạch lập luận của văn bản đang đọc dù không nhất thiết phải thật chi tiết, hiểu các thông tin trong các văn bản sử dụng hàng ngày như thư từ, tờ thông tin và các công văn ngắn. Người học có thể viết thư cá nhân hoặc lời nhắn với các mục đích như mời rủ, nhắc nhở, xin lỗi, gợi ý, đề nghị, giải thích, viết các ghi chú để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản. Người học có thể sáng tác các câu chuyện bắt đầu với câu chủ đề cho trước về sự kiện nảy sinh trong cuộc sống hàng ngày, thể giới tự nhiên hoặc tình huống bất ngờ xảy ra. Người học biết phương pháp làm bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ B1.

Người học vận dụng kiến thức đã có để giải quyết những khó khăn trong khi học. Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình. Người học vận dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm. Người học vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc. Người học có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Người học chấp hành nghiêm túc các quy định của học phần: Tham gia 80% số giờ quy định trong lớp học; Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, các dự án; Làm đầy đủ các bài kiểm tra, đánh giá.

Người học chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần: Hoạt động tự học trên lớp; Hoạt động theo cặp, theo nhóm trên lớp; Hoạt động tự học của cá nhân ở nhà; Hoạt động tự học theo nhóm dự án ở nhà.

3. Nội dung học phần

Các nội dung phân bố đều trong 13 tuần. Mỗi nội dung bài học bao gồm các phần ngữ pháp và thực hành nghe, nói, đọc, viết.

3.1. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Bài 7A & Bài 1.2

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

- 1.1. Course Introduction
- 1.2. Course Orientation
- 1.3. Unit 7 & Unit 1.2;
 - 1.3.1. Grammar: Infinitive with “to”
 - 1.3.2. Listening: First meeting with girlfriend’s parents
 - 1.3.3. Reading: How to survive for the first meeting, a story about friendship
 - 1.3.4. Speaking: describing people
 - 1.3.5. Writing: words and phrases for writing an email.

Nội dung 2: Bài 7B & Bài 1.1

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

- 2.1. Grammar: use of gerund
- 2.2. Listening: an interview on a singing course
- 2.3. Reading: Happiness is...
- 2.4. Speaking: giving opinion
- 2.5. Writing: 10 sentences about likes/dislikes

Nội dung 3: Bài 7C & Bài 8.1

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

- 3.1. Grammar: have to, must
- 3.2. Listening: Max talking about his learning foreign language.
- 3.3. Vocabulary: modifiers
- 3.4. Speaking: Talk to a partner about his/her learning English
- 3.5. Writing: A formal email

- 11.3. Reading: Early bird!
- 11.4. Speaking: Your wake-up
- 11.5. Writing: write a letter

Nội dung 12: Bài 12A & Bài 12.1

(3LT: 1TH: 1TL)

- 12.1. Grammar: past perfect
- 12.2. Listening: news story
- 12.3. Reading: News around the world
- 12.4. Speaking: Practice telling news
- 12.5. Writing: a story

Nội dung 13: Bài 12B & Bài 12.2

(2LT: 1TL)

- 12.1. Grammar: reported speech
- 12.2. Listening: conversation
- 12.3. Reading: Here's a secret
- 12.4. Speaking: Practice telling a gossip
- 12.5. Writing: a gossip of a famous person

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của SV.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2011), *English File-Pre-intermediate 3rd edition*. Oxford University Press.

[2]. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET*. Richmond Publishing.

9.14. TIN HỌC/ INFORMATICS

- Số tín chỉ: 2 (10, 0,40)
- Mã học phần: 173080
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mạng máy tính & Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Các kiến thức cơ bản về thông tin và xử lý thông tin, cấu trúc chung của máy tính, biểu diễn thông tin trong máy tính. Các khái niệm về dữ liệu, phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính, Internet và virus máy tính. Tìm kiếm và khai thác, sử dụng tài nguyên thông tin trên máy tính và trên Internet. Sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm xử lý bảng tính Excel và phần mềm trình chiếu Powerpoint.

Năng lực đạt được: sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Nắm vững các khái niệm cơ bản về: tin học, thông tin, dữ liệu, phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính, Internet ...

Hiểu được các nguyên lý thiết kế, cấu trúc tổng quát của máy tính; cấu tạo, chức năng của các thành phần cơ bản trong máy tính, biểu diễn và xử lý thông tin trong máy tính.

Nắm được vai trò, chức năng của hệ điều hành, hiểu biết về một số hệ điều hành thông dụng.

Nắm được kiến thức về hệ điều hành Windows và các phần mềm phục vụ công tác văn phòng gồm: phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm trình chiếu và phần mềm xử lý bảng.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sử dụng thành thạo máy tính, khai thác các phần mềm trong máy tính, khai thác và sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows, Internet.

Sử dụng thành thạo các phần mềm Word, Excel và Powerpoint để soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính và trình chiếu bài thuyết trình, báo cáo.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Hình thành tư duy khoa học và thực tiễn về tin học và công nghệ thông tin, vai trò của môn học đối với việc nghiên cứu và học tập những học phần kế tiếp.

Hình thành ý thức bảo vệ và phát triển tài nguyên thông tin cũng như khai thác sử dụng tài nguyên thông tin và các sản phẩm công nghệ thông tin.

Hình thành ý thức lao động hợp tác, làm việc theo nhóm, kích thích niềm say mê nghiên cứu và có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của từng công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại.

Có thái độ văn minh, lịch sự khi tham gia vào các hoạt động cộng đồng mạng.

Module A3: Internet và một số ứng dụng

(LT : 2; TL : 0; TH : 2)

3.1. Mạng máy tính

3.1.1. Khái niệm mạng máy tính

3.1.2. Phân loại mạng máy tính

3.2. Internet

3.2.1. Khái niệm Internet

3.2.2. Nhà cung cấp dịch vụ Internet

3.2.3. Một số khái niệm thường dùng

3.2.4. Khai thác thông tin từ Internet

3.2.5. Thư điện tử - Email

3.3. Virus máy tính

3.3.1. Khái niệm

3.3.2. Nguyên lý lây lan

3.3.3. Phân loại

3.3.4. Cách nhận biết và phòng tránh

3.4. Một số phần mềm ứng dụng khác

Module A4: Phần mềm soạn thảo văn bản

(LT: 0; TL: 0; TH: 15)

4.1. Giới thiệu

4.1.1. Khởi động và thoát khỏi

4.1.2. Cửa sổ làm việc

4.1.3. Các thao tác với tệp văn bản

4.1.4. Các thao tác trên một khối văn bản

4.1.5. Soạn thảo và điều chỉnh văn bản

4.2. Định dạng và in ấn văn bản

4.3.1. Định dạng ký tự

4.3.2. Định dạng đoạn văn bản

4.3.3. Một số định dạng khác

4.3.3.1. Định dạng cột báo

4.3.3.2. Định dạng chữ cái to đầu đoạn

4.3.3.3. Định dạng đường viền

4.3.3.4. Định dạng ký tự đầu đoạn

4.3.4. Định dạng trang in và in văn bản

4.3. Chèn đối tượng vào văn bản

4.4.1. Chèn ký tự đặc biệt

4.4.2. Chèn chữ nghệ thuật

4.4.3. Chèn tranh

4.4.4. Chèn các hình ảnh đồ họa

4.4.5. Chèn công thức toán học

4.4.6. Chèn biểu đồ

4.4.7.

6.2. Các thao tác với cửa sổ bảng tính

6.2.1. Các thao tác với WorkSheet

6.2.2. Nhập, sửa dữ liệu

6.2.3. Các thao tác với vùng dữ liệu

6.3. Định dạng bảng tính và in ấn

6.3.1. Định dạng dữ liệu

6.3.1.1. Các kiểu dữ liệu

6.3.1.2. Định dạng các kiểu dữ liệu

6.3.1.3. Căn chỉnh dữ liệu

6.3.1.4. Kẻ khung cho vùng dữ liệu

6.3.2. Định dạng trang in và in bảng tính

6.4. Các hàm thông dụng

6.4.1. Nguyên tắc sử dụng hàm

6.4.2. Một số hàm thông dụng

6.5. Biểu đồ

6.5.1. Các bước xây dựng biểu đồ

6.5.2. Hiệu chỉnh biểu đồ

6.6. Quản trị dữ liệu bảng tính

6.6.1. Các khái niệm cơ bản

6.6.2. Sắp xếp dữ liệu

6.6.3. Trích lọc dữ liệu

6.6.4. Tổng hợp dữ liệu theo nhóm Subtotal

6.6.5. Phân tích dữ liệu bằng kỹ thuật Pivot Table

6.6.6. Một số hàm trong cơ sở dữ liệu

6.7. Một số xử lý khác

6.7.1. Tính toán trên nhiều bảng tính

6.7.2. Tìm kiếm và thay thế

6.7.3. Một số lỗi thường gặp

4. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận (nếu có), dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ, thành phần và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

9.15. TOÁN CAO CẤP/ADVANCED MATHEMATICS

- Số tín chỉ: 3 (27; 30; 6)
- Mã học phần: 143015
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Toán – khoa GDTH
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Trang bị cho Sinh viên các kiến thức về Tập hợp, ánh xạ, các quan hệ tương đương và quan hệ thứ tự; Mệnh đề, logic vị từ, công thức, luật, quy tắc suy luận; Các cấu trúc Đại số cơ bản (Nhóm, vành, trường); Vành đa thức một ẩn.

Năng lực đạt được:

- + Năng lực vận dụng kiến thức của học phần vào giải các bài toán ở trường phổ thông, các bài toán suy luận logic ở Tiểu học,...
- + Phát triển năng lực hợp tác thể hiện SV làm việc theo nhóm, cần sự hợp tác của các thành viên trong nhóm.
- + Phát triển năng lực học Toán bao gồm: năng lực tư duy logic, năng lực giải quyết vấn đề.
- + Có năng lực vận dụng các kiến thức vừa học để giải thích các vấn đề toán học ở phổ thông; Những cơ sở của lý thuyết tập hợp; những cơ sở của lôgic toán; phép toán hai ngôi và các cấu trúc đại số.
- + Có khả năng tự học, tự nghiên cứu thông qua các nhiệm vụ được giáo viên giao.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Hiểu rõ các kiến thức về Tập hợp, quan hệ, ánh xạ, giải tích tổ hợp, suy luận, chứng minh, phép toán hai ngôi, các cấu trúc đại số, vành đa thức một ẩn ... để có thể vận dụng thực hiện các hoạt động giảng dạy môn Toán ở tiểu học.

Hiểu sâu sắc về các phép toán của tập hợp; Các tính chất của quan hệ tương đương, quan hệ thứ tự; Các tính chất của ánh xạ; Các phép toán của logic mệnh đề; Cách thực hiện các phép toán giữa các hàm mệnh đề... để soi sáng và hiểu được bản chất của quan hệ Lớn hơn, Bé hơn, các suy luận... trong môn Toán ở Tiểu học

Hiểu rõ quy tắc suy luận; Các cấu trúc Đại số cơ bản để biết được nguồn gốc của các phép tính trong tập hợp tự nhiên và nâng cao kỹ năng dạy học Toán ở Tiểu học

Hiểu các kiến thức để có thể đánh giá kết quả hoạt động học tập môn Toán và sự tiến bộ của học sinh.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Biết cách xác định: một tập hợp; ảnh và tạo ảnh của một phần tử, của một tập hợp; lớp tương đương, tập thương đối với một quan hệ tương đương.

Biết chứng minh: một quan hệ là (hoặc không phải) quan hệ tương đương, quan hệ thứ tự; một ánh xạ là (hoặc không phải) đơn ánh, toàn ánh, song ánh; các công thức của Giải tích tổ hợp; các công thức là một luật; các quy tắc suy luận.

Biết tìm: ánh xạ ngược của một ánh xạ; nghiệm hữu tỷ của một phương trình cho trước.

Chứng minh được các công thức của Giải tích tổ hợp và vận dụng giải các bài toán, các công thức của logic mệnh đề tương đương với nhau; các công thức là một luật; các quy tắc suy luận.

Biết chỉ ra các cấu trúc cơ bản: Nửa nhóm, vị nhóm, nhóm, vành, trường và các tính chất cơ bản của chúng.

II. Logic vị từ

1. Hàm mệnh đề, các phép toán logic trên hàm mệnh đề.
2. Lượng từ, Quy tắc suy luận trong logic vị từ.

III. Suy luận và chứng minh

1. Suy luận
2. Chứng minh
3. Suy luận và chứng minh trong dạy học Toán Tiểu học.

Chương III: Nhóm (7LT; 8BT,TL; 2 TH)

I. Phép toán hai ngôi

1. Định nghĩa, ví dụ.
2. Các tính chất thường gặp.
3. Các phần tử đặc biệt đối với một phép toán hai ngôi.

II. Nửa nhóm, vị nhóm

1. Định nghĩa, ví dụ
2. Các tính chất cơ bản.

III. Nhóm

1. Định nghĩa, ví dụ và các tính chất.
2. Nhóm con.
3. Nhóm thương, nhóm xyclic và nhóm con chuẩn tắc.
4. Đồng cấu nhóm.
5. Đối xứng hoá.

Chương IV: Vành và trường (3LT; 5BT,TL; 1TH)

I. Vành.

1. Định nghĩa và ví dụ.
2. Các tính chất.
3. Vành con, miền nguyên, idêan.
4. Đồng cấu vành

II. Trường

1. Định nghĩa, ví dụ.
2. Trường con, trường các thương

Chương V: Vành đa thức một ẩn (5LT; 5BT,TL; 1TH)

1. Xây dựng vành đa thức một ẩn
2. Phép chia có dư trong vành đa thức
3. Đa thức khả nghịch, đa thức bất khả quy
4. ƯCLN của các đa thức
5. Thuật toán Ôclit
6. Nghiệm của đa thức
7. Lược đồ Hoocne

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

9.16. TOÁN HỌC TỰ CHỌN 1/ Maths Optional 1 (Chọn 1 trong 2 học phần)

a. HÌNH CAO CẤP/Advanced geometry

- Mã học phần: 141000
- Số tín chỉ: 2TC (18; 18; 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Toán
- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, Số học

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Trang bị cho Sinh viên những khái niệm liên quan về: Không gian véc tơ, không gian afin; không gian véc tơ Euclid, không gian Euclid, các hình hình học.

Năng lực đạt được:

Năng lực vận dụng thành thạo kiến thức để giải được các bài toán về không gian véc tơ; các bài toán trong không gian Afin và không gian véc tơ Ốclit.

Năng lực vận dụng các kiến thức môn học giải thích và hiểu rõ cơ sở của các kiến thức về yếu tố hình học ở tiểu học;

Hình thành năng lực phát triển chương trình môn học;

Năng lực tự học và tự bồi dưỡng và làm việc theo nhóm.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Nắm chắc các khái niệm về Không gian véc tơ, không gian afin; không gian véc tơ Euclid, không gian Euclid, các hình hình học.

Hiểu sâu sắc các kiến thức về cơ sở và số chiều, hệ véc tơ độc lập tuyến tính và phụ thuộc tuyến tính, tọa độ của một véc tơ ánh xạ tuyến tính, các tính chất của các loại không gian...

Áp dụng được những kiến thức về Hình cao cấp vận dụng vào giải các bài toán ở trường phổ thông, các bài toán suy luận logic ở Tiểu học...

Vận dụng sáng tạo các kiến thức về khoảng cách, góc, tỷ số, các hình hình học... trong việc học Toán và các hoạt động dạy học môn Toán ở Tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có kỹ năng:

Biết thực hiện được các phép toán trong không gian véc tơ, chứng minh được một hệ véc tơ cho trước là độc lập tuyến tính, phụ thuộc tuyến tính, tìm được tọa độ của một véc tơ đối với một cơ sở cho trước, biết xác định số chiều của một không gian véc tơ.

Chứng minh một ánh xạ là ánh xạ tuyến tính và tìm ma trận của nó trong 1 cơ sở, tìm véc tơ riêng và giá trị riêng của một ánh xạ tuyến tính cho trước, tìm một không gian con.

Biết xét sự tương giao giữa các mặt phẳng, viết phương trình tham số và phương trình tổng quát của đường thẳng, viết phương trình tổng quát của mặt phẳng, viết được công thức đổi tọa độ.

Biết tìm ảnh và tạo ảnh của một phần tử qua một ánh xạ Afin, tìm được các phẳng bất biến và điểm bất động của biến đổi Afin cho trước, viết được biểu thức *tọa độ của của một biến đổi Afin*.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong việc vận dụng kiến thức môn học giải thích các vấn đề về yếu tố hình học ở tiểu học;

- 4.2. Các tính chất của ánh xạ Affin
- 4.3. Biến đổi Affin
- 4.4. Phẳng bất biến và điểm bất động của biến đổi Affin

Chương III: Không gian Euclid (4LT: 5BT, TL: 2TH)

- 1. Không gian véc tơ Euclid
 - 1.1. Định nghĩa
 - 1.2. Độ dài và góc của hai véc tơ
 - 1.3. Quan hệ trực giao trong không gian véc tơ Euclid
 - 1.4. Phép biến đổi tuyến tính trực giao
- 2. Không gian Euclid
 - 2.1. Định nghĩa
 - 2.2. Hệ tọa độ vuông góc (Mục tiêu trực chuẩn)
 - 2.3. Khoảng cách giữa hai điểm
 - 3. Phẳng trong các không gian Euclid hai chiều và ba chiều
 - 3.1. Mặt phẳng trong không gian Euclid ba chiều
 - 3.2. Hai đường thẳng
 - 3.3. Phép chiếu vuông góc
 - 3.4. Khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng
 - 3.5. Khoảng cách giữa hai đường thẳng trong không gian Euclid ba chiều
 - 4. Góc
 - 4.1. Góc của hai nửa đường thẳng
 - 4.2. Góc giữa hai đường thẳng
 - 4.3. Góc của hai mặt phẳng
 - 4.4. Góc giữa đường thẳng và mặt phẳng
 - 5. Các phép biến đổi đẳng cự
 - 5.1. Ánh xạ trực giao giữa các không gian Euclid
 - 5.2. Biến đổi đẳng cự

Chương IV: Các khái niệm hình học (3LT: 2BT, TL: 1 TH)

- 1. Khái niệm chung về đường, mặt, khối
 - 1.1. Khái niệm hình
 - 1.2. Mặt cầu và hình cầu
 - 1.3. Đường gấp khúc
 - 1.4. Khái niệm đường, mặt, khối
- 2. Đa giác. Khối đa diện. Khối tròn xoay
 - 2.1. Đa giác
 - 2.2. Khối đa diện
 - 2.3. Khối tròn xoay
- 3. Đo diện tích và thể tích. Các hình đẳng hợp
 - 3.1. Diện tích đa giác
 - 3.2. Thể tích khối đa diện
 - 3.3. Phương pháp diện tích và phương pháp thể tích để giải các bài toán hình học
 - 3.4. Các hình đẳng hợp

4. Yêu cầu môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

b. CƠ SỞ CỦA LÝ THUYẾT TOÁN TIỂU HỌC/Theoretical Foundations of primary schools Mathematics

- Mã học phần: 141023
- Số tín chỉ: 2TC (18; 18; 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Toán
- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, số học

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về mô hình toán học hiện đại và cơ sở vật lý của các khái niệm cơ bản trong chương trình toán Tiểu học : Các tập hợp số, các yếu tố hình học, đại lượng và đo đại lượng.

Năng lực đạt được:

Năng lực vận dụng thành thạo kiến thức để giải thích được những khái niệm ban đầu về số, hình phẳng, diện tích hình phẳng, khối lượng và đo khối lượng, thời gian và chuyển động trong toán Tiểu học theo cơ sở của toán học hiện đại.

Hình thành năng lực phát triển chương trình môn học;

Năng lực tự học và tự bồi dưỡng và làm việc theo nhóm.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Nắm chắc những khái niệm cơ bản trong chương trình Toán Tiểu học: Số tự nhiên, quan hệ thứ tự, các phép toán đối với các số tự nhiên ở Tiểu học, phân số, số hữu tỷ không âm; Đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng, một số hình phẳng và diện tích của chúng; Khối lượng, đo khối lượng, thời gian và chuyển động.

Hiểu sâu sắc các vấn đề: Định nghĩa số tự nhiên, quan hệ thứ tự và các phép toán theo quan điểm của lý thuyết tập hợp; khái niệm phân số, số hữu tỷ không âm, quan hệ thứ tự và các phép toán theo quan điểm hiện đại; Cơ sở đại số của lý thuyết về số tự nhiên và phân số; Quan điểm của hình học Euclid và lý thuyết độ đo về các khái niệm hình học cơ bản ở Tiểu học; Cơ sở toán học hiện đại của các khái niệm về khối lượng và đo khối lượng trong toán Tiểu học; Lý thuyết độ đo.

Áp dụng được những kiến thức về cơ sở của lý thuyết toán Tiểu học để vận dụng vào giải các bài toán ở trường Tiểu học.

Vận dụng sáng tạo các kiến thức về cơ sở của lý thuyết toán Tiểu học... trong việc học Toán và các hoạt động dạy học môn Toán ở Tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Giải thích được những khái niệm ban đầu về số tự nhiên, phân số, số hữu tỷ không âm; so sánh các số, các phép toán trên các tập hợp số tự nhiên, phân số, số hữu tỷ không âm.

Giải thích các khái niệm đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng, hình phẳng, diện tích hình phẳng theo quan điểm của toán học hiện đại; theo quan điểm của hình học afin và hình học Oclid.

Giải thích quan niệm về diện tích theo tinh thần của lý thuyết độ đo.

Giải thích các khái niệm về khối lượng và đo khối lượng trong toán Tiểu học theo cơ sở của toán học hiện đại

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong việc vận dụng kiến thức môn học giải thích các khái niệm Toán học ở tiểu học;

Nội dung 2: Chương II: Cơ sở toán học của các khái niệm hình học ở Tiểu học
(4LT; 5BT,TL; 2TH)

1. Các khái niệm hình học cơ bản trong toán tiểu học

- 1.1. Đoạn thẳng và độ dài của nó
- 1.2. Một số hình phẳng và diện tích của nó

2. Các khái niệm hình học cơ bản ở Tiểu học nhìn từ quan điểm của hình học Euclid và lý thuyết độ đo

2.1. Không gian affine và không gian Euclid. Đoạn thẳng và độ dài của đoạn thẳng

2.2. Quan niệm về diện tích theo tinh thần lý thuyết độ đo

Nội dung 3: Chương III: Cơ sở toán học hiện đại của các khái niệm về khối lượng và đo khối lượng trong toán Tiểu học. Thời gian và chuyển động

(6LT; 5BT,TL; 3TH)

1. Khái niệm về khối lượng và đo khối lượng trong toán Tiểu học

- 1.1. Định nghĩa
- 1.2. Ví dụ

2. Khối lượng và đo khối lượng trong vật lý học

- 2.1. Khái niệm khối lượng
- 2.2. Bản chất của phép đo khối lượng bằng cân
- 2.3. Về tính cộng được của khối lượng

3. Thời gian

- 3.1. Sự hình thành khái niệm ban đầu về thời gian
- 3.2. Các tính chất của thời gian

4. Chuyển động

- 4.1. Các khái niệm ban đầu về chuyển động
- 4.2. Phương pháp tọa độ

4. Yêu cầu môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Trần Diên Hiền, Nguyễn Thủy Chung, *Cơ sở Toán học của môn Toán tiểu học*, NXB ĐHSP.

9.17. GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG/Environmental Education

- Mã học phần: 117025
- Số tín chỉ: 2TC (18; 18; 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Sinh học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Bao gồm các kiến thức về khái niệm và khái quát về khoa học môi trường, các kiến thức về sinh quyển, môi trường đất, môi trường nước, môi trường không khí và sự thích nghi của sinh vật. Một số kiến thức cơ bản về khái niệm, đánh giá tài nguyên đất, rừng, nước và không khí. Các kiến thức cơ bản về cấu trúc của sự sống, các chu trình sinh địa hoá, dòng tuần hoàn năng lượng trong hệ sinh thái, hiệu suất và cân bằng sinh thái. Các kiến thức cơ bản về sự tác động của con người đến môi trường qua các giai đoạn phát triển và sự ô nhiễm môi trường và các kiến thức cơ bản về dân số, năng lượng và sự phát triển bền vững. Qua đó giới thiệu cho SV các kiến thức về phương pháp tiếp cận giáo dục môi trường, nội dung giáo dục môi trường và luật bảo vệ môi trường.

Chương trình được xây dựng theo hướng tích hợp các kiến thức môi trường cơ bản và hiện đại, phù hợp với nhận thức của sinh viên SP Tiểu học.

Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích được các vấn đề cơ bản về môi trường sống; Khái niệm môi trường, các chức năng chủ yếu của môi trường, phân loại môi trường; các vấn đề về tài nguyên thiên nhiên; Phân tích được mối quan hệ qua lại giữa con người và môi trường; Phân tích được thực trạng môi trường và giải thích được nguyên nhân gây ra các vấn đề suy thoái môi trường; Phát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; Tham gia thực hiện được công tác giáo dục môi trường; Phân tích mối quan hệ của môn học với các môn khoa học khác; Biết lựa chọn lối sống phù hợp, thân thiện với môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Có kiến thức, hiểu biết về môi trường: Các thành phần của môi trường, cơ sở sinh thái học của các vấn đề về môi trường, tính phức tạp và mối quan hệ nhiều chiều giữa các thành phần của môi trường; tính hạn chế của tài nguyên thiên nhiên; khả năng chịu tải của môi trường; quan hệ giữa môi trường với sự phát triển kinh tế xã hội. Giải thích cơ bản được những ảnh hưởng của các yếu tố môi trường tác động lên đời sống của con người. Thấy được tác hại của vấn đề ô nhiễm môi trường và mất cân bằng sinh thái. Hiểu được vai trò của sự phát triển bền vững và khai thác tài nguyên hợp lý. Từ đó có thể vận dụng một cách có hiệu quả trong dạy học ở bậc tiểu học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Có kỹ năng, phương pháp hành động để nâng cao năng lực trong việc lựa chọn phong cách sống thích hợp với việc sử dụng một cách hợp lý và khôn ngoan các nguồn tài nguyên thiên nhiên để họ có thể tham gia có hiệu quả vào việc phòng ngừa và giải quyết các vấn đề MT cụ thể nơi họ ở và làm việc. Đây là mục tiêu về khả năng hành động (practice) cụ thể. Có kỹ năng lựa chọn nội dung, phương pháp giáo dục môi trường trong trường tiểu học.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của các vấn đề MT như một nguồn lực để sinh sống, lao động và phát triển, đối với bản thân họ cũng như đối với cộng đồng, quốc gia của họ và quốc tế, từ đó có thái độ, cách ứng xử đúng đắn trước các vấn đề

2.3. Phân loại theo mục đích sử dụng tài nguyên

II. Đánh giá tài nguyên

III. Tài nguyên đất, rừng và khí hậu

1. Tài nguyên đất
2. Tài nguyên rừng
3. Tài nguyên khí hậu

IV. Tài nguyên nước, biển và đại dương

1. Tài nguyên nước
2. Tài nguyên biển và đại dương

Bài 4. Các nguyên lý sinh thái học ứng dụng trong khoa học môi trường (2LT: 2TL)

I. Cấu trúc của sự sống và cơ chế hoạt động của hệ sinh thái

1. Cấu trúc của sự sống
2. Cơ chế hoạt động của hệ sinh thái
 - 2.1. Khái niệm hệ sinh thái
 - 2.2. Chuỗi thức ăn và lưới thức ăn
 - 2.3. Tháp sinh thái

II. Các chu trình sinh địa hoá

1. Khái niệm chu trình sinh địa hoá
2. Chu trình sinh địa hoá
 - 2.1. Chu trình cacbon
 - 2.2. Chu trình nitơ
 - 2.3. Chu trình photpho
 - 2.4. Chu trình nước
3. Các con đường chính của việc tuần hoàn lại vật chất vào chu trình

III. Dòng năng lượng trong hệ sinh thái

1. Khái niệm
2. Sự chuyển hoá năng lượng (dòng năng lượng trong chuỗi thức ăn)
 - 2.1. Đối với sinh vật sản xuất
 - 2.2. Đối với sinh vật tiêu thụ

IV. Hiệu suất sinh thái

V. Cân bằng sinh thái và đa dạng sinh học

1. Cân bằng sinh thái
2. Môi quan hệ giữa những cá thể trong quần thể
 - 2.1. Quan hệ hỗ trợ
 - 2.2. Quan hệ cạnh tranh
3. Tác động tổng hợp của các nhân tố sinh thái đến sự biến động số lượng cá thể của quần thể
4. Môi quan hệ sinh thái giữa các loài trong quần xã sinh vật
 - 4.1. Quan hệ hỗ trợ
 - 4.2. Quan hệ đối địch
5. Sự mất cân bằng sinh thái
6. Sự cân bằng sinh thái và đa dạng sinh học

Bài 5. Sự tác động của con người đối với môi trường(4LT: 4TL)

I. Lịch sử tác động của con người đối với môi trường

1. Thời kỳ nguyên thủy
2. Thời kỳ nông nghiệp
3. Thời kỳ công nghiệp và cách mạng khoa học kỹ thuật

Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Lê Văn Khoa (2011), *Môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường*, NXB Giáo dục Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Kim Tiến, Lê Văn Trường (Chủ biên) (2008), *Giáo dục môi trường*, NXB Giáo dục Hà Nội.

[2]. Lê Văn Khoa (2011), *Môi trường và con người*, NXB Giáo dục Hà Nội.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

Giáo dục thể chất 2/ Physical edycation

Chọn 1 trong 5 học phần:

a. Học phần tự chọn môn Bóng chuyền

- Số tín chỉ: 02 (30, 0)
- Mã học phần: 191031
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

Nội dung học phần:

Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng)

Năng lực đạt được:

Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay trước mặt và cao tay trước mặt); biết được kỹ thuật chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng, đập bóng cơ bản số 4. Tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.

Tài liệu tham khảo chính:

Giáo trình chính

[1]. Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn (2007), *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

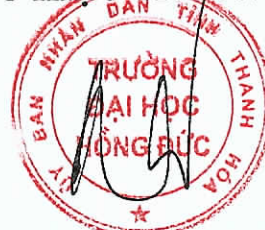
[2]. Ủy ban TDTT (2003), *Luật bóng chuyền*, NXB TDTT, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

[3]. Nguyễn Quang (2001), *Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền* NXB TDTT, Hà Nội.

[4]. Ủy ban TDTT (1998), *Bóng chuyền bóng rổ*, NXB TDTT Hà Nội.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

c. Học phần tự chọn môn Bóng rổ

- Số tín chỉ: 02 (30,0)
- Mã học phần: 191034
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

Nội dung học phần:

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ. Qua đó, người học tổ chức một trận đấu, làm trọng tài các trận đấu bóng rổ;

Năng lực đạt được:

Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng rổ; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển bóng rổ; tổ chức một trận đấu, một giải đấu, làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng rổ.

Tài liệu tham khảo chính

Giáo trình chính

[1]. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB, ĐHSP.

Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Văn Trung, Phạm Văn Thảo (2003), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB, TDTT.

[3]. Ủy ban thể dục thể thao (2006), *Luật Bóng rổ*, NXB TDTT.

[4]. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), *Giáo trình bóng rổ*, NXB ĐH Thái Nguyên.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

e. Học phần tự chọn môn võ Vovinam.

- Số tín chỉ: 02 (30,0)
- Mã học phần: 191035
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

Nội dung học phần:

Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TDDT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chào mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.

Năng lực đạt được:

Sau khi học xong học phần này sinh viên thực hành thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam-Việt Võ Đạo (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chào mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam).

Tài liệu tham khảo chính

Giáo trình chính

[1]. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu và các cộng sự “*Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*” tập 1, NXB TDDT, 2008.

Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Chánh Tứ (2014). *Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*

[3]. Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Nhu khí công quyền 2 - Vovinam*, NXB TDDT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

II. Học phần 2: Công tác quốc phòng và an ninh

- Số đơn vị học trình: 02
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Chính trị
- Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

Năng lực đạt được:

+ Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay

+ Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

+ Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Tài liệu tham khảo chính

Giáo trình chính

[1]. Bộ giáo dục và Đào tạo (2010), *Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1*, Nxb. Giáo dục.

[2]. Bộ giáo dục và Đào tạo (2012), *Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự*, Nxb Giáo dục.

Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2017 và 2020), *Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh*.

[2]. *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

IV. Học phần 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

- Số đơn vị học trình: 4
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Quân sự
- Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Nội dung học phần 4, kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật trang bị cho sinh viên thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn.

Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác khi có tình huống xảy ra.

Năng lực đạt được:

Nhớ được tính năng tác dụng của súng tiểu liên AK, khái niệm về ngắm bắn, biết cách ngắm trúng, ngắm chụm vào mục tiêu cố định.

Có khả năng vận dụng linh hoạt vào trong quá trình công tác sau này khi có tình huống xảy ra.

Hiểu về cấu tạo, chuyển động và các tư thế, động tác ném lựu đạn.

Hiểu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu tiến công.

Hiểu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu phòng ngự.

Hiểu được nhiệm vụ chủ yếu khi làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.

Tài liệu tham khảo chính

Giáo trình chính

[1]. BGD&ĐT (2012), *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2*, NXB giáo dục Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Tổng Tham Mưu - Cục Quân huấn (2012), *Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh*, NXB Quân đội nhân dân Việt Nam.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Sinh viên cần nghiêm túc chấp hành đúng quy chế lớp học, tích cực thực hiện tốt nội dung học tập. Đồng thời hiểu được rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của kiến thức môn học trong học tập, trong đời sống, đặc biệt là trong hoạt động nghề nghiệp.
- Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn tâm lý học tiểu học
- Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.
- Tự tin, bản lĩnh, năng động, sáng tạo, khẳng định năng lực của bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN I: TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Chương 1. Tâm lý học là một khoa học (LT: 3; TL: 3)

1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học
 - 1.1. Khái niệm tâm lý học
 - 1.2. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học
2. Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý
 - 2.1. Bản chất hiện tượng tâm lý người theo quan điểm TLH DVBC
 - 2.2. Chức năng của tâm lý
 - 2.3. Phân loại các hiện tượng tâm lý
3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý
 - 3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận chỉ đạo việc nghiên cứu tâm lý
 - 3.2. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý

Chương 2. Sự hình thành, phát triển tâm lý, ý thức (LT: 3; TL: 9)

1. Cơ sở sinh lý thần kinh của tâm lý
 - 1.1. Não bộ và tâm lý
 - 1.2. Hoạt động thần kinh cấp cao và tâm lý
2. Cơ sở xã hội của tâm lý
 - 2.1. Hoạt động
 - 2.1.1. Khái niệm hoạt động
 - 2.1.2. Đặc điểm của hoạt động
 - 2.1.3. Cấu trúc của hoạt động
 - 2.1.4. Vai trò của hoạt động đối với sự nảy sinh, hình thành tâm lý
 - 2.2. Giao tiếp
 - 2.2.1. Khái niệm giao tiếp
 - 2.2.2. Chức năng của giao tiếp
 - 2.2.3. Các loại giao tiếp
 - 2.2.4. Vai trò của giao tiếp đối với sự nảy sinh, hình thành tâm lý
 - 2.3. Quan hệ xã hội, nền văn hóa xã hội và tâm lý
3. Sự hình thành và phát triển ý thức
 - 3.1. Khái niệm ý thức
 - 3.2. Cấu trúc của ý thức
 - 3.3. Các cấp độ của ý thức
 - 3.4. Sự hình thành và phát triển ý thức cá nhân
4. Chú ý - Điều kiện của hoạt động có ý thức
 - 4.1. Khái niệm chú ý
 - 4.2. Các thuộc tính của chú ý
 - 4.3. Các loại chú ý

- 2.4.3. Phân loại năng lực
- 2.4.4. Môi quan hệ giữa năng lực với tư chất, thiên hướng, tri thức, kỹ năng, kỹ xảo
- 3. Tình cảm, ý chí
 - 3.1. Tình cảm
 - 3.1.1. Khái niệm tình cảm
 - 3.1.2. Đặc điểm của tình cảm
 - 3.1.3. Các qui luật của tình cảm
 - 3.1.4. Vai trò của tình cảm
 - 3.2. Ý chí
 - 3.2.1. Khái niệm ý chí
 - 3.1.2. Các phẩm chất của ý chí
 - 3.1.3. Hành động ý chí
 - 3.1.4. Hành động tự động hóa
- 4. Sự hình thành và phát triển nhân cách
 - 4.1. Giáo dục và nhân cách
 - 4.2. Hoạt động và nhân cách
 - 4.3. Giao tiếp và nhân cách
 - 4.4. Sự tự hoàn thiện nhân cách
- 5. Sự sai lệch trong sự phát triển nhân cách
 - 5.1. Chuẩn mực hành vi
 - 5.2. Phân loại các sai lệch hành vi và cách khắc phục

PHẦN II. TÂM LÝ HỌC TIỂU HỌC

Chương 5. Lý luận về sự phát triển tâm lý học sinh tiểu học (LT: 3; TL: 6)

- 1. Lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em
 - 1.1. Khái niệm chung về sự phát triển tâm lý trẻ em
 - 1.1.1. Khái niệm về trẻ em.
 - 1.1.2. Khái niệm về sự phát triển tâm lý trẻ em.
 - 1.1.3. Quy luật về sự phát triển tâm lý trẻ em.
 - 1.2. Sự chia các giai đoạn lứa tuổi
 - 1.2.1. Quan niệm về giai đoạn phát triển tâm lý
 - 1.2.2. Phân chia giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em
 - 1.2.3. Lứa tuổi học sinh tiểu học
- 2. Tiền đề của sự phát triển tâm lý học sinh tiểu học
 - 2.1. Đặc điểm phát triển thể chất
 - 2.2. Tâm lý sẵn sàng đi học
 - 2.3. Đặc điểm cuộc sống nhà trường

Chương 6. Đặc điểm tâm lý của học sinh tiểu học (LT: 6; TL: 3)

- 1. Nhận thức của học sinh tiểu học

- 1.3. Sự hình thành kỹ năng, kỹ xảo và thói quen cho học sinh tiểu học.
- 1.4. Sự phát triển trí tuệ của học sinh tiểu học.
 - 1.4.1. Khái niệm về sự phát triển trí tuệ.
 - 1.4.2. Các chỉ số của sự phát triển trí tuệ.
 - 1.4.3. Mối quan hệ giữa dạy học và sự phát triển trí tuệ
 - 1.4.4. Một số phương hướng dạy học tăng cường sự phát triển trí tuệ cho học sinh tiểu học.

2. Một số vấn đề TLH giáo dục tiểu học

- 2.1. Khái niệm đạo đức và hành vi đạo đức
 - 2.1.1. Đạo đức
 - 2.1.2. Hành vi đạo đức
- 2.2. Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức
 - 2.2.1. Tri thức và niềm tin đạo đức
 - 2.2.2. Động cơ và tình cảm đạo đức
 - 2.2.3. Thói quen đạo đức.
 - 2.2.4. Mối quan hệ giữa các yếu tố tâm lý trong cấu trúc của hành vi đạo đức
- 2.3. Các con đường giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học
 - 2.3.1. Giáo dục nhà trường Tiểu học
 - 2.3.2. Tập thể học sinh tiểu học
 - 2.3.3. Giáo dục gia đình
 - 2.3.4. Hoạt động tự giáo dục của HS tiểu học
3. Một số vấn đề Tâm lý học nhân cách giáo viên tiểu học
 - 3.1. Giáo dục tiểu học và người giáo viên tiểu học
 - 3.2. Đặc điểm lao động sư phạm của người GV tiểu học
 - 3.3. Cấu trúc nhân cách của người giáo viên tiểu học
 - 3.3.1. Mô hình nhân cách người giáo viên tiểu học
 - 3.3.2. Phẩm chất nhân cách người giáo viên tiểu học
 - 3.3.3. Năng lực của người giáo viên tiểu học
 - 3.4. Các con đường hình thành nhân cách của giáo viên tiểu học

4. Yêu cầu môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

9.19. GIÁO DỤC HỌC TIỂU HỌC/Primary Education

- Mã học phần: 182006
- Số tín chỉ: 4TC (36; 48; 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần này bao gồm hệ thống lý luận về các chức năng, nhiệm vụ của giáo dục học; vai trò của các yếu tố trong sự hình thành, phát triển nhân cách; mục tiêu giáo dục Việt Nam và những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường; người giáo viên tiểu học; Quá trình dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học ở tiểu học, các hình thức tổ chức dạy học; Quá trình giáo dục, nguyên tắc giáo dục, phương pháp giáo dục ở tiểu học, các hình thức tổ chức giáo dục; Kết hợp giáo dục nhà trường - gia đình và xã hội trong công tác giáo dục học sinh...

Năng lực đạt được: Sau khi học xong học phần người học có khả năng Xác định các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình hình thành nhân cách học sinh; Có năng lực lựa chọn và vận dụng các phương pháp, nguyên tắc trong quá trình dạy học và giáo dục ở trường tiểu học; giải quyết được các tình huống nảy sinh trong hoạt động dạy học, giáo dục ở tiểu học. Xác định được nội dung, nhiệm vụ, các kỹ năng cơ bản của hoạt động dạy học và giáo dục ở nhà trường tiểu học; Hình thành các phẩm chất và năng lực của người giáo viên trong tương lai.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về các khái niệm, phạm trù của giáo dục học, vai trò của các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; người giáo viên tiểu học; những cơ sở lý luận khoa học cơ bản, hiện đại về quá trình dạy học và giáo dục, trên cơ sở đó giúp họ nghiên cứu, vận dụng vào công tác giáo dục và dạy học ở nhà trường tiểu học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Hình thành một số kỹ năng cơ bản như: Xác định các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình hình thành nhân cách học sinh; có khả năng vận dụng nguyên tắc dạy học, nguyên tắc giáo dục ở tiểu học; biết cách lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp... có khả năng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp giải quyết các tình huống thực tiễn giáo dục và thực hiện chương trình giáo dục tiểu học 2018. Có kỹ năng cơ bản của hoạt động dạy học và giáo dục ở nhà trường tiểu học

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của người giáo viên tiểu học.

3. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA GIÁO DỤC HỌC

CHƯƠNG 1. GIÁO DỤC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC. 6 (3LT+3TL)

1.1. Giáo dục là một hiện tượng đặc trưng của xã hội loài người

1.2. Chức năng của giáo dục học.

1.3. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu giáo dục học.

1.3.1. Đối tượng của giáo dục học.

- 4.5. Người giáo viên tiểu học đối với việc không ngừng nâng cao trình độ nghề nghiệp và những lời khuyên đối với giáo viên trẻ mới vào nghề.

Phần II: LÝ LUẬN DẠY HỌC TIỂU HỌC

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA LÝ LUẬN DẠY HỌC TIỂU HỌC. 12(6LT+6TL)

1.1. Quá trình dạy học tiểu học

- 1.1.1. Khái niệm về quá trình dạy học và cấu trúc của quá trình dạy học
- 1.1.2. Bản chất của quá trình dạy học tiểu học
- 1.1.3. Các nhiệm vụ dạy học ở trường tiểu học
- 1.1.4. Lô gíc và động lực của quá trình dạy học tiểu học

1.2. Nguyên tắc dạy học tiểu học.

- 1.2.1. Khái niệm về nguyên tắc dạy học tiểu học
- 1.2.2. Hệ thống các nguyên tắc dạy học tiểu học

1.3. Nội dung dạy học tiểu học

- 1.3.1. Khái niệm về nội dung dạy học tiểu học.
- 1.3.2. Xu thế đổi mới nội dung dạy học ở tiểu học

1.4. Kế hoạch dạy học, chương trình dạy học, sách giáo khoa và các tài liệu dạy học khác ở tiểu học.

CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC DẠY HỌC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC. 9(3LT+6TL)

2.1. Phương pháp và phương tiện dạy học ở tiểu học

- 2.1.1. Khái niệm về phương pháp dạy học
- 2.1.2. Hệ thống các phương pháp dạy học ở tiểu học
- 2.1.3. Vấn đề đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học
- 2.1.4. Phương tiện dạy học ở tiểu học

2.2. Các hình thức tổ chức dạy học ở trường tiểu học

- 2.2.1. Khái niệm chung về hình thức tổ chức dạy học
- 2.2.2. Các hình thức tổ chức dạy học trong nhà trường tiểu học

2.3. Phương pháp đánh giá học sinh tiểu học theo tinh thần đổi mới giáo dục

- 2.3.1. Các phương pháp và kỹ thuật đánh giá học sinh tiểu học
- 2.3.2. Đánh giá theo định hướng phát triển năng lực
- 2.3.3. Hướng dẫn cách thức đánh giá học sinh tiểu học theo thông tư 22

PHẦN III: LÝ LUẬN GIÁO DỤC TIỂU HỌC

CHƯƠNG 1. QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC. 9(3LT+6TL)

1.1. Khái niệm và cấu trúc của quá trình giáo dục tiểu học.

1. 2. Bản chất của quá trình giáo dục tiểu học.

1.3. Những đặc điểm của quá trình giáo dục tiểu học.

1.4. Lô gíc và động lực của quá trình giáo dục tiểu học

CHƯƠNG 2. NGUYÊN TẮC GIÁO DỤC TIỂU HỌC. 9(3LT+6TL)

2.1. Khái niệm chung về nguyên tắc giáo dục.

2.2. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục.

CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC TIỂU HỌC. 9(3LT+6TL)

3. 1. Khái niệm chung.

3.2. Hệ thống các phương pháp giáo dục tiểu học.

3. 3. Việc lựa chọn và vận dụng các phương pháp giáo dục ở tiểu học.

Chương 4. KẾT HỢP GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI TRONG VIỆC GIÁO DỤC HỌC SINH TIỂU HỌC. 3(3LT+0TL)

9.20. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC/ STATE ADMINISTRATIVE MANAGEMENT AND EDUCATIONAL MANAGEMENT

- Mã học phần: 198000

- Số tín chỉ: 2TC (18; 24; 0)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học các học phần Triết học Mác - Lênin, Tâm lý học, Giáo dục học.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo cụ thể là: Bản chất, nguyên tắc tổ chức nước CHXH CN Việt Nam, lý luận về QLHCNN và QL GD và ĐT, luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT của bộ Giáo dục & Đào tạo.

Năng lực đạt được: Sau khi học xong học phần người học có khả năng, vận dụng những hiểu biết về quản lý hành chính nhà nước và QLGD vào thực tiễn nghề nghiệp, khả năng vận dụng các quy định luật pháp (luật công chức, viên chức, luật GD; điều lệ GD các cấp học) vào điều kiện thực tiễn nghề nghiệp và giải quyết các tình huống thực tiễn có liên quan.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học có kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo cụ thể là: Bản chất, nguyên tắc tổ chức nước CHXH CN Việt Nam, lý luận về QLHCNN và QL GD và ĐT, luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT của bộ Giáo dục & Đào tạo.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Hình thành ở người học một số kỹ năng cơ bản: Kỹ năng nhận biết cơ cấu tổ chức nhà nước về GD-ĐT, cơ cấu quản lý, phân cấp quản lý trong GD-ĐT; kỹ năng vận dụng đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về GD-ĐT vào thực tiễn nghề nghiệp, kỹ năng vận dụng các quy định luật pháp (luật công chức, viên chức, luật GD; điều lệ GD các cấp học) vào điều kiện thực tiễn nghề nghiệp...

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, tin tưởng vào đường lối chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, có thái độ chấp hành nghiêm túc luật pháp và những văn bản pháp quy và xác định đúng đắn trong việc rèn luyện, tu dưỡng phấn đấu vươn lên trong học tập, rèn nghề đáp ứng yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC, QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC, QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

9 tiết (3LT+ 6 TL)

1.1. Nhà nước CHXHCN Việt nam

1.1. Bản chất của nhà nước cộng hòa XHCN Việt nam

1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nhà nước

1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước cộng hòa XHCN Việt nam

1. 2. Quản lí hành chính nhà nước

4. Yêu cầu môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Phạm Viết Vượng (2006), *Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục & đào tạo*, NXB Đại học sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo

- [1]. Quốc Hội (2008), Luật số 22/2008/QH12 ngày 13/ 11/ 2008. *Luật Cán bộ, công chức*
- [2]. Quốc Hội (2008), Luật số 58/2008/QH12 ngày 15/ 11/ 2010, *Luật viên chức*.
- [3]. Quốc Hội (2019), Luật số 52/2019/QH14 của Quốc Hội, *luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức*.
- [4]. Quốc Hội (2014), Luật số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019, *Luật Giáo dục*.
- [5]. Quốc Hội (2014), *Nghị quyết số 88/2014/QH1 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông*.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

I. Cơ thể người là một khối thống nhất

1. Cơ sở

2. Cơ chế điều hoà chức năng trong cơ thể

II. Cấu quy luật chung của sinh trưởng và phát triển

1. Khái niệm sinh trưởng và phát triển

2. Đặc điểm sinh trưởng và phát triển

3. Hiện tượng tăng tốc

4. Các giai đoạn phát triển của trẻ

4.1. Giai đoạn sơ sinh

4.2. Giai đoạn bú mẹ

4.3. Giai đoạn vườn trẻ (1- 3 tuổi)

4.4. Giai đoạn tuổi thơ đầu tiên (mẫu giáo từ 3 - 6 tuổi)

4.5. Giai đoạn học sinh tiểu học (7-11 tuổi)

4.6. Giai đoạn dậy thì (nữ 12 - 15, nam 13 - 16 tuổi)

Chương 2. Hệ thần kinh (2LT: 2TL: 1TH)

I. Chức năng của hệ thần kinh

II. Cấu tạo, chức năng của tế bào thần kinh

1. Cấu tạo của noron

2. Chức năng của noron

III. Cấu tạo, chức phận của hệ thần kinh

3.1. Thần kinh ngoại biên

3.1.1. Dây thần kinh

3.1.2. Cơ quan thụ cảm

3.2. Thần kinh trung ương

3.2.1. Tuỷ sống

3.2.2. Não

3.3. Hệ limbic

IV. Sự phát triển của hệ thần kinh theo lứa tuổi

4.1. Sự phát triển của tuỷ sống

4.2. Phát triển của não

Chương 3: Hoạt động thần kinh cấp cao (3LT: 3TL)

I. Học thuyết thần kinh của Pavlov

1. Nguyên tắc định tính

2. Nguyên tắc cấu trúc

3. Nguyên tắc phân tích và tổng hợp

II. Phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện

1. Đặc điểm của phản xạ không điều kiện

2. Đặc điểm phản xạ có điều kiện

3. Điều kiện và cơ chế xuất hiện phản xạ có điều kiện

4. Phân loại phản xạ có điều kiện

III. Ưc chế phản xạ có điều kiện

1. Ưc chế ngoài

- Ưc chế ngoại lai

- Ưc chế vượt hạn

2. Ưc chế trong

- Ưc chế tắt

- Ưc chế chậm

1. Sinh lý sinh dục nam
2. Sinh lý sinh dục nữ
3. Sự phát triển giới tính của trẻ em
4. Giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học

Chương 6. Hệ vận động (1LT: 1TL)

I. Hệ xương

1. Chức năng
2. Cấu tạo của xương

II. Hệ cơ

1. Chức năng
2. Cấu tạo của cơ
3. Cơ chế co cơ
4. Đặc điểm phát triển hệ cơ - xương của học sinh tiểu học

III. Sự phát triển tư thế

1. Khái niệm
2. Các loại tư thế
 - Tư thế bình thường
 - Tư thế không bình thường
3. Các biện pháp đề phòng tư thế sai lệch ở trẻ

Chương 7. Hệ tuần hoàn (1LT: 1TL)

I. Máu

1. Chức năng của máu
2. Các thành phần của máu
3. Tính chất của máu

II. Miễn dịch

1. Khái niệm
2. Phân loại

III. Đặc điểm của máu theo lứa tuổi

1. Sự tạo máu
2. Thành phần, tính chất của máu ở trẻ em

IV. Sự tuần hoàn máu

1. Cấu trúc của hệ tuần hoàn
2. Sinh lý tuần hoàn
3. Đặc điểm tuần hoàn theo lứa tuổi ở trẻ em

Chương 8. Hệ hô hấp (1LT: 1TL: 1TH)

I. Cấu tạo và chức năng của hệ hô hấp

1. Cấu tạo hệ hô hấp
 - 1.1. Đường dẫn khí
 - 1.2. Phổi
2. Sinh lý hô hấp
 - Cử động hô hấp
 - Dung tích sống

II. Sự trao đổi khí ở phổi và mô

1. Sự trao đổi khí ở phổi
2. Sự trao đổi khí ở mô

III. Đặc điểm hệ hô hấp ở trẻ em

1. Về cấu tạo

- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm...
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Trần Trọng Thủy (2006), *Sinh lý học trẻ em*, NXB Giáo dục Hà Nội.

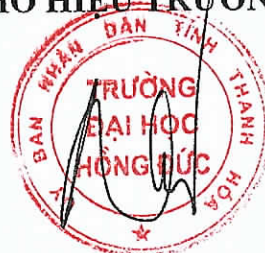
9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Lê Thanh Vân (2002), *Giáo trình sinh lý học trẻ em*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

[2]. Tạ Thúy Lan – Trần Thị Loan (2004), *Giải phẫu – Sinh lý người*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

[3]. Lê Quang Long (Chủ biên) – Trương Xuân Dung – Tạ Thúy Lan – Trần Thị Loan – Nguyễn Quang Mai – Quách Thị Tài (1997), *Bài giảng sinh lý người và động vật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

2. Đặc điểm sinh trưởng và phát triển

3. Hiện tượng tăng tốc

4. Các giai đoạn phát triển của trẻ

4.1. Giai đoạn sơ sinh

4.2. Giai đoạn bú mẹ

4.3. Giai đoạn vườn trẻ (1- 3 tuổi)

4.4. Giai đoạn tuổi thơ đầu tiên (mẫu giáo từ 3 - 6 tuổi)

4.5. Giai đoạn học sinh tiểu học (7-11 tuổi)

4.6. Giai đoạn dậy thì (nữ 12 - 15, nam 13 - 16 tuổi)

Chương 2. Hệ thần kinh (2LT: 2TL)

I. Chức năng của hệ thần kinh

II. Cấu tạo, chức năng của tế bào thần kinh

1. Cấu tạo của noron

2. Chức năng của noron

III. Cấu tạo, chức phận của hệ thần kinh

3.1. Thần kinh ngoại biên

3.1.1. Dây thần kinh

3.1.2. Cơ quan thụ cảm

3.2. Thần kinh trung ương

3.2.1. Tuỷ sống

3.2.2. Não

3.3. Hệ limbic

IV. Vệ sinh hệ thần kinh

Chương 3: Hoạt động thần kinh cấp cao (3LT: 3TL)

I. Học thuyết thần kinh của Pavlov

1. Nguyên tắc định tính

2. Nguyên tắc cấu trúc

3. Nguyên tắc phân tích và tổng hợp

II. Phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện

1. Đặc điểm của phản xạ không điều kiện

2. Đặc điểm phản xạ có điều kiện

3. Điều kiện và cơ chế xuất hiện phản xạ có điều kiện

4. Phân loại phản xạ có điều kiện

III. Ức chế phản xạ có điều kiện

1. Ức chế ngoài

- Ức chế ngoại lai

- Ức chế vượt hạn

2. Ức chế trong

- Ức chế tắt

- Ức chế chậm

- Ức chế phân biệt

IV. Các quy luật của hoạt động thần kinh cấp cao

1. Quy luật chuyển từ hưng phấn sang ức chế

2. Quy luật lan toả và tập trung

3. Quy luật cảm ứng qua lại

4. Quy luật tính hệ thống

4. Một số bệnh lây qua đường tình dục và cách phòng tránh

- 4.1. Bệnh lậu
- 4.2. Bệnh giang mai
- 4.3. HIV/AIDS

5. Vệ sinh đường sinh dục

Chương 6. Hệ vận động (1LT: 1TL: 1TH)

I. Hệ xương

- 1. Chức năng
- 2. Cấu tạo của xương

II. Hệ cơ

- 1. Chức năng
- 2. Cấu tạo của cơ
- 3. Cơ chế co cơ
- 4. Đặc điểm phát triển hệ cơ - xương của học sinh tiểu học

III. Sự phát triển tư thế

- 1. Khái niệm
- 2. Các loại tư thế
 - Tư thế bình thường
 - Tư thế không bình thường
- 3. Các biện pháp để phòng tư thế sai lệch ở trẻ

Chương 7. Hệ tuần hoàn (1LT: 1TL: 1TH)

I. Máu

- 1. Chức năng của máu
- 2. Các thành phần của máu
- 3. Tính chất của máu

II. Miễn dịch

- 1. Khái niệm
- 2. Phân loại

III. Đặc điểm của máu theo lứa tuổi

- 1. Sự tạo máu
- 2. Thành phần, tính chất của máu ở trẻ em

IV. Sự tuần hoàn máu

- 1. Cấu trúc của hệ tuần hoàn
- 2. Sinh lý tuần hoàn
- 3. Đặc điểm tuần hoàn theo lứa tuổi ở trẻ em

Chương 8. Hệ hô hấp (1LT: 1TL: 1TH)

I. Cấu tạo và chức năng của hệ hô hấp

- 1. Cấu tạo hệ hô hấp
 - 1.1. Đường dẫn khí
 - 1.2. Phổi
- 2. Sinh lý hô hấp
 - Cử động hô hấp
 - Dung tích sống

II. Sự trao đổi khí ở phổi và mô

- 1. Sự trao đổi khí ở phổi
- 2. Sự trao đổi khí ở mô

III. Vệ sinh hô hấp và hô hấp nhân tạo

IV. Vấn đề ăn uống

V. Đặc điểm trao đổi chất của trẻ em

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm...
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Trần Trọng Thủy (2006), *Sinh lý học trẻ em*, NXB Giáo dục Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Lê Thanh Vân (2002), *Giáo trình sinh lý học trẻ em*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

[2]. Tạ Thúy Lan – Trần Thị Loan (2004), *Giải phẫu – Sinh lý người*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

[3]. Lê Quang Long (Chủ biên) – Trương Xuân Dung – Tạ Thúy Lan – Trần Thị Loan – Nguyễn Quang Mai – Quách Thị Tài (1997), *Bài giảng sinh lý người và động vật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

từ, nghĩa của từ, trường nghĩa, các quan hệ trong trường nghĩa); Chương 4 - Đại cương về ngữ pháp học (gồm: đối tượng ngữ pháp học; ý nghĩa ngữ pháp, hình thức ngữ pháp, phương thức ngữ pháp, phạm trù ngữ pháp, quan hệ ngữ pháp); Chương 5 - Đại cương về phong cách học (gồm: các phong cách chức năng, phương tiện tu từ và biện pháp tu từ, phân tích tu từ học).

Chương I. đại cương về ngôn Ngữ học (6LT: 5BT, TL: 2TH)

1. Ngôn ngữ và ngôn ngữ học

1.1. Khái niệm ngôn ngữ

1.2. Ngôn ngữ học

2. Bản chất xã hội của ngôn ngữ

2.1. Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội

2.2. Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội đặc biệt

3. Chức năng của ngôn ngữ

3.1. Chức năng làm phương tiện giao tiếp

3.2. Chức năng làm công cụ tư duy

3.3. Mỗi quan hệ giữa ngôn ngữ với giao tiếp, mỗi quan hệ giữa ngôn ngữ với tư duy.

4. Hệ thống tín hiệu ngôn ngữ

4.1. Bản chất tín hiệu của ngôn ngữ

4.2. Tính hệ thống của ngôn ngữ

5. Nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ

5.1. Nguồn gốc của ngôn ngữ

5.2. Sự phát triển của ngôn ngữ

6. Phân loại ngôn ngữ

6.1. Phân loại ngôn ngữ theo nguồn gốc

6.2. Phân loại ngôn ngữ theo loại hình

Chương II. đại cương về ngữ âm học (4LT: 4BT, TL: 1 TH)

1. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của ngữ âm học

1.1. Khái niệm ngữ âm

1.2. Đối tượng, nhiệm vụ của ngữ âm học

1.3. Phương pháp nghiên cứu của ngữ âm học

2. Bản chất của ngữ âm

2.1. Bản chất tự nhiên của ngữ âm

2.2. Bản chất xã hội của ngữ âm

3. Âm tiết

3.1. Khái niệm âm tiết

3.2. Một số quan điểm nghiên cứu âm tiết

3.3. Cấu tạo và phân loại âm tiết

4. Âm vị

4.1. Khái niệm âm vị

4.2. Âm vị âm đoạn và âm vị siêu âm đoạn

4.3. Biến thể âm vị

5. Các hiện tượng ngôn điệu

5.1. Ngữ điệu

5.2. Trọng âm

5.3. Thanh điệu

2.4. Biện pháp tu từ

3. Phân tích phong cách học

4. Yêu cầu môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Mai Ngọc Chừ - Hoàng Trọng Phiến - Vũ Đức Nghiệu (2001), *Cơ sở ngôn ngữ học và Tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Thiện Giáp - Nguyễn Minh Thuyết (2000), *Dẫn luận ngôn ngữ học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2]. Đỗ Hữu Châu – Bùi Minh Toán (2005), *Đại cương ngôn ngữ học – Tập 1,2*, Nxb Giáo dục, HN.

[3]. F.de Saussure (1985), *Ngôn ngữ học đại cương*, Nxb Giáo dục Hà Nội.

[4]. Nguyễn Thái Hoà - Cù Đình Tú (1997), *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, HN.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học luôn luôn có ý thức trau dồi vốn từ tiếng Việt, giữ gìn và phát triển tiếng Việt, bồi dưỡng tình yêu tiếng Việt. Người học có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, có tác phong sư phạm chuẩn mực, có tinh thần hợp tác làm việc.

3. Nội dung chi tiết học phần

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về đại cương tiếng Việt như nguồn gốc của tiếng Việt, quá trình phát triển của tiếng Việt, đặc điểm loại hình của tiếng Việt; Giới thiệu kiến thức về ngữ âm học tiếng Việt như âm tiết tiếng Việt, hệ thống âm vị tiếng Việt, Vấn đề chính âm, chính tả trong nhà trường; Về Từ vựng - ngữ nghĩa học tiếng Việt như quan niệm về từ tiếng Việt, đặc điểm của từ tiếng Việt, các thành phần ý nghĩa trong từ; hiện tượng nhiều nghĩa của từ, trường nghĩa và các từ có quan hệ với nhau về trường nghĩa.

Học phần gồm 3 chủ đề chính cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ âm và từ vựng tiếng Việt. Các chủ đề này gồm: Kiến thức chung về nguồn gốc của tiếng Việt; kiến thức về ngữ âm học tiếng Việt như hệ thống âm vị, âm tiết tiếng Việt, chính tả tiếng Việt; Kiến thức về từ vựng - ngữ nghĩa học tiếng Việt như: cấu tạo từ, các kiểu từ xét theo cấu tạo, các thành phần ý nghĩa của từ, trường nghĩa, các lớp từ vựng tiếng Việt; từ đó, người học có thể hiểu vận dụng giải quyết các vấn đề về ngữ âm và từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt trong quá trình học tập và nghiên cứu cũng như trong giảng dạy môn tiếng Việt ở trường tiểu học.

Chương I. Đại cương về tiếng Việt (4 tiết)

(Lí thuyết: 2 tiết, BT, TL: 2 tiết, Thực hành: 0)

1. Nguồn gốc và sự phát triển của tiếng Việt

1.1. Nguồn gốc của tiếng Việt

1.2. Sự phát triển lịch sử của tiếng Việt

2. Đặc điểm loại hình của tiếng Việt

Tự học

1. Nguồn gốc, ngữ hệ và quá trình phát triển tiếng Việt

2. Đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập

Chương II. Ngữ âm học tiếng Việt (18 tiết)

(Lí thuyết: 8 tiết, BT, TL: 7, Thực hành: 3)

1. Âm tiết tiếng Việt

1.1. Đơn vị âm tiết trong các ngôn ngữ phân tích - âm tiết tính

1.2. Đặc điểm của âm tiết tiếng Việt

1.3. Phân loại âm tiết tiếng Việt

2. Âm vị tiếng Việt

2.1. Quan niệm về đơn vị âm vị trong tiếng Việt

2.2. Hệ thống âm vị tiếng Việt

2.2.1. Hệ thống âm đầu

2.2.2. Hệ thống âm đệm

2.2.3. Hệ thống âm chính

2.2.4. Hệ thống âm cuối

2.2.5. Hệ thống thanh điệu

3. Chữ viết tiếng Việt và chính tả chữ Việt

3.1. Khái quát chung về chữ viết

3.2. Chữ viết tiếng Việt

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Đinh Trọng Lạc - Lê A - Hoàng Văn Thung (1998), *Giáo trình tiếng Việt 1,2,3*, Nxb Giáo dục.

9.2. Tài liệu tham khảo

- [1]. Diệp Quang Ban (2005) *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [2]. Đỗ Hữu Châu (1998), *Từ vựng ngữ nghĩa học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3]. Đoàn Thiện Thuật (1980), *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Đại học và TH chuyên nghiệp, Hà Nội.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

bản gồm các nội dung : Khái niệm đoạn văn, cấu trúc đoạn văn, khái niệm văn bản, tính liên kết trong văn bản, các phương tiện liên kết . Về Phong cách học, gồm các kiến thức về phong cách chức năng tiếng Việt, các phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt.

Chương 1. Ngữ pháp Tiếng Việt hiện đại (19LT: 22BT, TL: 4TH)

- 1.1. Từ loại tiếng Việt
 - 1.1.1. Khái niệm từ loại
 - 1.1.2. Tiêu chí phân định từ loại tiếng Việt
 - 1.1.3. Hệ thống từ loại tiếng Việt
 - 1.1.4. Sự chuyển loại của từ loại tiếng Việt
- 1.2. Cụm từ tiếng Việt
 - 1.2.1. Khái niệm cụm từ
 - 1.2.2. Các loại cụm từ
- 1.3. Câu tiếng Việt
 - 1.3.1. Khái niệm câu
 - 1.3.2. Các đặc trưng cơ bản của câu
 - 1.3.3. Hệ thống thành phần câu tiếng Việt
 - 1.3.4. Các kiểu câu xét theo cấu tạo ngữ pháp
 - 1.3.5. Các kiểu câu xét theo mục đích nói
- 1.4. Ngữ pháp văn bản
 - 1.4.1. Đối tượng và nhiệm vụ của ngữ pháp văn bản
 - 1.4.2. Văn bản
 - Khái niệm văn bản
 - Đặc trưng văn bản
 - Kết cấu văn bản
 - Tính liên kết của văn bản
 - 1.4.3. Đoạn văn
 - Khái niệm đoạn văn
 - Cấu trúc đoạn văn

Chương 2: Phong cách học Tiếng Việt hiện đại (8LT: 8BT, TL: 2TH)

- 2.1. Các phong cách chức năng tiếng Việt
 - 2.1.1. Phong cách hành chính
 - 2.1.2. Phong cách khoa học
 - 2.1.3. Phong cách báo
 - 2.1.4. Phong cách chính luận
 - 2.1.5. Phong cách sinh hoạt
- 2.2. Phương tiện tu từ tiếng Việt
 - 2.2.1. Phương tiện tu từ từ vựng
 - 2.2.2. Phương tiện tu từ ngữ nghĩa
 - 2.2.3. Phương tiện tu từ ngữ pháp
 - 2.2.4. Phương tiện tu từ văn bản
- 2.3. Biện pháp tu từ tiếng Việt
 - 2.3.1. Biện pháp tu từ từ vựng
 - 2.3.2. Biện pháp tu từ ngữ nghĩa
 - 2.3.3. Biện pháp tu từ ngữ pháp
 - 2.3.4. Biện pháp tu từ văn bản
 - 2.3.5. Biện pháp tu từ ngữ âm

9.25. TIẾNG VIỆT 3/Vietnamese Language 3

- Mã học phần: 141100
- Số tín chỉ: 2TC (18; 18; 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương, Tiếng Việt 1, Tiếng Việt 2,

Rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt.

1. Mô Tả học phần

Nội dung học phần: Học phần gồm 2 chủ đề chính là ngữ dụng học và từ Hán Việt, cụ thể là cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ dụng học như: nghĩa của từ trong ngữ cảnh (sự chiếu vật), câu trong ngôn bản (vấn đề hành vi ngôn ngữ và lý thuyết lập luận) nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn; kiến thức cơ bản về từ Hán Việt như khái niệm, đặc điểm, cấu tạo của từ Hán Việt, bổ sung vốn từ Hán Việt; từ đó, người học có thể hiểu vận dụng giải quyết các vấn đề cơ bản về ngữ dụng, từ Hán Việt trong quá trình học tập và nghiên cứu cũng như trong việc vận dụng kiến thức liên quan đến giảng dạy môn tiếng Việt ở trường tiểu học.

Năng lực đạt được: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản về ngữ dụng học, từ Hán Việt; phân tích được việc sử dụng ngôn ngữ (từ và câu) trong ngữ cảnh; Kỹ năng phân tích nghĩa hàm ngôn trong văn bản nghệ thuật; Kỹ năng nhận diện và giải nghĩa từ Hán Việt; Kỹ năng tạo lập các từ Hán Việt.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học hiểu biết một cách hệ thống kiến thức cơ bản về ngữ cảnh, từ trong ngữ cảnh, sự chiếu vật; hiểu biết một cách hệ thống kiến thức về nghĩa tường minh, nghĩa hàm ngôn. Trên cơ sở được bổ sung về vốn từ Hán Việt, người học sẽ có một sự hiểu biết sâu rộng và hệ thống kiến thức cơ bản về từ Hán Việt, từ đó vận dụng kiến thức vào dạy tiếng Việt ở trường Tiểu học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có kỹ năng phân tích, giải nghĩa của từ trong ngữ cảnh; Phân tích nghĩa tường minh và nghĩa hàm ngôn trong văn bản nghệ thuật; Có khả năng nhận diện, giải nghĩa và phân loại từ ngữ Hán Việt; Có kỹ năng học tập tích cực như: kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đọc tài liệu tham khảo.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức sử dụng ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh, đạt được hiệu quả giao tiếp như mong muốn. Luôn luôn trau dồi, bổ sung thêm vốn từ Hán – Việt để làm giàu thêm vốn từ vựng của bản thân; có ý thức sử dụng từ Hán – Việt đúng với đặc điểm phong cách của nó và luôn có ý thức bồi dưỡng tình yêu Tiếng Việt.

3. Nội dung chi tiết học phần

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về ngữ dụng học – một chuyên ngành mới của ngôn ngữ học như: nghĩa của từ trong ngữ cảnh (sự chiếu vật), câu trong ngôn bản (vấn đề hành vi ngôn ngữ và lý thuyết lập luận) nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn; những kiến thức cơ bản nhất về từ Hán Việt như khái niệm, đặc điểm của từ Hán Việt; đồng thời học phần còn bổ túc vốn từ Hán Việt cho sinh viên thông qua việc giải nghĩa và bình giảng phân tích giá trị sử dụng một số từ ngữ Hán – Việt trong một số tác phẩm có sử dụng từ ngữ Hán Việt của các tác giả văn học Việt Nam và Trung Quốc.

Chương 2: Bổ túc từ Hán Việt (10LT: 10BT, TL: 4TH)

I. Khái quát về từ Hán Việt

1. Nguồn gốc và quá trình hình thành từ Hán – Việt :
 - 1.1. Nguồn gốc
 - 1.2. Quá trình hình thành
2. Khái niệm từ Hán Việt
3. Đặc điểm của từ Hán – Việt
4. Vị trí, vai trò của từ Hán – Việt trong hệ thống từ vựng tiếng Việt

II. Từ Hán Việt trong chương trình Tiểu học

1. Tình hình dạy học từ Hán – Việt trong nhà trường Tiểu học
2. Từ Hán – Việt trong chương trình và sách giáo khoa tiếng Việt ở Tiểu học

III. Bổ túc vốn từ Hán Việt thông qua việc giải nghĩa và bình giảng, phân tích giá trị sử dụng một số từ ngữ Hán – Việt trong một số tác phẩm có sử dụng từ Hán Việt

1. *Thơ Đường*
 - Khuê oán (Vương Xương Linh)
 - Hoàng hạc lâu (Thôi Hiệu)
 - Phong kiều dạ bạc (Trương Kế)
2. *Thơ văn cổ Việt Nam (trích)*
 - Nam quốc sơn hà (Lí Thường Kiệt)
 - Chiều dãi đò (Lí Công Uẩn)
 - Hịch tướng sĩ (Trần Quốc Tuấn)
 - Cáo bình Ngô (Nguyễn Trãi)
 - Chinh phụ ngâm (Đặng Trần Côn)
3. *Thơ Hồ Chí Minh*
 - Vọng nguyệt
 - Mộ
 - Khán “Thiên gia thi hữu cảm”
 - Nguyên tiêu
 - Thất cửu

IV. Ôn tập

4. Yêu cầu môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

9.26. VĂN HỌC 1/Literatury 1

- Mã học phần: 142056
- Số tín chỉ: 2TC (18; 18; 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần Văn học 1 đảm bảo cung cấp cho các sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học một hệ thống tri thức lý luận cơ bản về lý luận văn học và thi pháp học, góp phần quan trọng hình thành tư duy lý luận cũng như bồi đắp tình yêu, sự rung cảm thẩm mỹ sâu sắc đối với tinh hoa văn hóa dân tộc, tinh hoa văn học nước ngoài.

Năng lực đạt được: Người học có hệ thống kiến thức chung về Lý luận văn học và Thi pháp học, Người học hình thành và phát triển được kỹ năng phân tích, tổng hợp. So sánh, đối chiếu và có khả năng lý giải thỏa đáng các hiện tượng văn học đã từng xuất hiện trong lịch sử. Đồng thời bước đầu hình thành tư duy lý luận, có thể phân tích tác phẩm văn học trên phương diện thi pháp, có thể dạy học văn thông qua việc dạy học môn Tiếng Việt ở trường Tiểu học sau này và có thể tham gia nghiên cứu khoa học.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học hiểu biết hệ thống kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở về Lý luận văn học và Thi pháp học. Trên cơ sở áp dụng hệ thống kiến thức về Lý luận văn học và Thi pháp học để hình thành và phát triển được kỹ năng phân tích, tổng hợp. So sánh, đối chiếu và có khả năng lý giải thỏa đáng các hiện tượng văn học. Vận dụng kiến thức để phân tích tác phẩm văn học trên phương diện thi pháp. Vận dụng kiến thức phục vụ học tập và nghiên cứu. Từ đó vận dụng sáng tạo các kiến thức để phân tích, lý giải các vấn đề có liên quan đến phân môn Tiếng Việt ở Tiểu học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có kỹ năng nhận diện, phân tích tác phẩm Văn học, nghiên cứu về các tác giả văn học cụ thể theo từng giai đoạn, thể loại khác nhau; Kỹ năng nghiên cứu các vấn đề về Lý luận và Thi pháp học nhằm góp phần vào việc tìm hiểu và lý giải những vấn đề khoa học có liên quan đến kiến thức Tiếng Việt ở Tiểu học. Ngoài ra còn có khả năng làm việc nhóm, khả năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập. Khả năng thích ứng với yêu cầu dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ chấp hành đúng các quy định của học phần; Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, có tác phong sư phạm chuẩn mực, có tinh thần hợp tác làm việc. Chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập trong và ngoài lớp của học phần

3. Nội dung chi tiết học phần

- Học phần bao gồm 14 nội dung. Mỗi nội dung thuộc 02 phần chính

(1) **Lý luận văn học:** Người học được cung cấp một cách khái quát các vấn đề chung về kiến thức về lý luận văn học như: Đối tượng, nội dung, chức năng của văn chương; Hình tượng và nhân vật; Ngôn ngữ văn chương; Đề tài, chủ đề, kết cấu, cốt truyện; Đặc trưng cơ bản của một số thể loại văn học như: thơ, truyện kí, kịch....

(2) **Thi pháp học:** Người học được trang bị kiến thức chung về Thi pháp học như: Thi pháp nhân vật; thi pháp không gian, thời gian nghệ thuật; thi pháp chi tiết nghệ thuật...

- Các nội dung của bài học được sắp xếp lần lượt như sau:

2.5.3 Thi pháp tạo hình qua các chi tiết.

4. Yêu cầu môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Hà Minh Đức (2003), *Lí luận văn học*, NXB Giáo dục Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Văn Long - Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Phạm Thị Việt (2001), *Đại cương văn học*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

[2]. Trần Đình Sử (1993), *Thi pháp học hiện đại*, NXB Giáo dục Hà Nội.

[3]. Nguyễn Lộc (1999), *Văn học Việt Nam (nửa cuối thế kỷ XVIII – hết thế kỉ XIX)*, NXB Giáo dục Hà Nội.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

- 1.1.2.2. Tính truyền miệng
- 1.1.2.3. Tính dị bản
- 1.1.3. Hệ thống thể loại văn học dân gian Việt Nam
- 1.1.4. Những giá trị cơ bản của văn học dân gian Việt Nam. Vai trò, tác dụng của văn học dân gian đối với sự phát triển trí tuệ, bồi đắp tâm hồn cho học sinh Tiểu học
- 1.2. Truyện dân gian
 - 1.2.1. Thần thoại
 - 1.2.2. Truyền thuyết
 - 1.2.3. Cổ tích
- 1.3. Các thể loại văn vần dân gian
 - 1.3.1. Ca dao
 - 1.3.2. Tục ngữ
 - 1.3.3. Câu đố

Chương 2: Hệ thống hóa kiến thức về văn học viết Việt Nam qua các thời kì
(6LT: 7BT, TL: 2TH)

- 2.1. Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX
 - 2.1.1. Các giai đoạn phát triển
 - 2.1.2. Đặc điểm về nội dung
 - 2.1.3. Đặc điểm thi pháp
- 2.2. Văn học Việt Nam từ thế kỉ XX đến 1945
 - 2.2.1. Hoàn cảnh lịch sử xã hội
 - 2.2.2. Quá trình hiện đại hóa văn học
 - 2.2.3. Diện mạo văn học
- 2.3. Văn học Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến 1975
 - 2.3.1. Hoàn cảnh lịch sử xã hội
 - 2.3.2. Đặc điểm cơ bản của văn học từ năm 1945 đến 1975
 - 2.3.3. Thành tựu văn học

Chương 3: Văn học thiếu nhi Việt Nam (8LT: 8BT, TL: 1TH)

- 3.1. Khái quát về văn học thiếu nhi Việt Nam
 - 3.1.1. Đặc điểm văn học thiếu nhi
 - 3.1.2. Quá trình phát triển và thành tựu của văn học thiếu nhi
- 3.2. Những tác giả, tác phẩm tiêu biểu
 - 3.2.1. Tô Hoài
 - 3.2.2. Trần Đăng Khoa

Chương 4: Văn học thiếu nhi nước ngoài (8LT: 8BT, TL: 1TH)

- 4.1. Khái quát chung về văn học thiếu nhi nước ngoài
- 4.2. Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu
 - 4.2.1. Tác giả Laphongten và truyện ngụ ngôn của Laphongten
 - 4.2.1.1. Tác giả Laphongten
 - 4.2.1.2. Giới thiệu truyện ngụ ngôn của Laphongten
 - 4.2.2. Tác giả Andecxen và truyện cổ của Andecxen
 - 4.2.2.1. Tác giả Andecxen
 - 4.2.2.2. Giới thiệu truyện cổ Andecxen
 - 4.2.3. Tác giả Macxim Gorki và tác phẩm *Thời thơ ấu*
- 4.3.1.1. Tác giả Macxim Gorki
- 4.3.1.2. Tác phẩm *Thời thơ ấu*

9.28. SỐ HỌC/Arithmetics

- Mã học phần: 141055
- Số tín chỉ: 3TC (27; 30; 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Toán
- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Trang bị cho Sinh viên những khái niệm liên quan về: Tập hợp; Tập số tự nhiên; Tập số nguyên; Tập số hữu tỉ; Tập số thực; Tập số phức; Tập hợp tương đương; Tập hợp vô hạn; Tập hợp hữu hạn; Các phép toán trên tập hợp số tự nhiên; Hệ ghi số g- phân và các dấu hiệu chia hết, lý thuyết chia hết trên tập hợp số nguyên, sự mở rộng các tập hợp số.

Năng lực đạt được:

Người học có năng lực vận dụng các kiến thức môn học để giải thích và hiểu rõ cơ sở Toán học của các vấn đề về Số tự nhiên, phân số ở tiểu học;

Năng lực giải thành thạo các dạng toán cơ bản về số học;

Hình thành năng lực phát triển chương trình môn học;

Năng lực tự học và tự bồi dưỡng và làm việc theo nhóm.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Hiểu rõ các khái niệm về Tập hợp, tập số tự nhiên, tập số nguyên, tập số hữu tỉ, tập số thực, tập số phức, tập hợp tương đương, tập hợp hữu hạn và tập hợp vô hạn, các phép toán trên tập hợp số tự nhiên, hệ ghi số g- phân và các dấu hiệu chia hết, lý thuyết chia hết trên tập hợp số nguyên.

Hiểu sâu sắc các kiến thức về sự mở rộng các tập hợp số để có một tầm nhìn rộng hơn và sâu sắc hơn đối với những nội dung kiến thức đang được dạy và học ở Tiểu học.

Áp dụng được những kiến thức về số học vận dụng vào giải các bài toán ở trường phổ thông, các bài toán suy luận logic ở Tiểu học...

Vận dụng sáng tạo các kiến thức về dấu hiệu chia hết, ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất, thuật toán Oclit,... trong việc học Toán và các hoạt động dạy học môn Toán ở Tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học biết chứng minh: các tập hợp là tương đương với nhau; một tập hợp là hữu hạn hay vô hạn; sự chia hết; một phương trình không có nghiệm hữu tỷ; hợp số; số nguyên tố; các tính chất của các phép toán trên các tập hợp số.

Biết tìm: ước chung lớn nhất của hai hay nhiều số, bội chung nhỏ nhất của hai hay nhiều số; nghiệm hữu tỷ của phương trình.

Làm được các bài tập về số tự nhiên và các phép toán trên tập hợp các số tự nhiên, cách giải các bài tập về hệ ghi số g – phân.

Chứng minh sự chia hết, dùng thuật toán oclit để tìm ước chung lớn nhất của hai hay nhiều số, tìm bội chung nhỏ nhất của hai hay nhiều số, cách giải các bài tập về số nguyên tố; các cách biểu diễn số hữu tỷ: phân số, số thập phân (hữu hạn hoặc vô hạn tuần hoàn), liên phân số hữu hạn, chỉ ra được ứng dụng của liên phân số trong giải phương trình vô định với hệ số nguyên; các bài tập trên tập hợp số phức.

- 2.3.2. Số nguyên tố sánh đôi
- 2.3.3. Tính chất của số nguyên tố cùng nhau.
- 2.4. Bội chung nhỏ nhất (BCNN)
 - 2.4.1. Định nghĩa.
 - 2.4.2. Công thức tìm BCNN.
 - 2.4.3. Các tính chất của BCNN.
- 2.5. Số nguyên tố
 - 2.5.1. Số nguyên tố, hợp số.
 - 2.5.2. Tập hợp số nguyên tố.
 - 2.5.3. Sàng Eratosten.
 - 2.5.4. Định lý cơ bản.
 - 2.5.5. Sự phân tích tiêu chuẩn.
 - 2.5.6. ứng dụng của định lý cơ bản.

Phần II: Sự mở rộng các tập hợp số

Chương 3: Tập hợp số hữu tỷ

(7LT: 7BT, TL: 1TH)

- 3.1. Tập hợp số hữu tỷ không âm Q_+
 - 3.1.1. Sự cần thiết và việc xây dựng tập hợp số hữu tỷ không âm.
 - 3.1.2. Xây dựng tập hợp số hữu tỷ không âm.
 - 3.1.3. Các phép toán trong Q_+ .
 - 3.1.4. Quan hệ thứ tự trong Q_+ .
 - 3.1.5. Phân số trong chương trình môn Toán trường Tiểu học.
- 3.2. Số thập phân
 - 3.2.1. Phân số thập phân.
 - 3.2.2. Số thập phân không âm.
 - 3.2.3. Các phép toán trên số thập phân.
 - 3.2.4. Biểu diễn số thập phân trên tia số.
 - 3.2.5. Quan hệ thứ tự trên tập các số thập phân không âm Q_{+10} .
 - 3.2.6. Số thập phân vô hạn tuần hoàn.
 - 3.2.7. Số thập phân trong chương trình Toán ở Tiểu học.
- 3.3. Số hữu tỷ
 - 3.3.1. Sự hạn chế của tập số hữu tỷ không âm Q_+ .
 - 3.3.2. Xây dựng tập số hữu tỷ Q .
 - 3.3.3. Các phép toán trong Q .
 - 3.3.4. Giá trị tuyệt đối.
 - 3.3.5. Quan hệ thứ tự trong Q .
 - 3.3.6. Trục số.
 - 3.3.7. Số nguyên.
 - 3.3.8. Số thập phân.
 - 3.3.9. Liên phân số hữu hạn.

Chương IV: Số thực và số phức

(3LT: 5BT, TL: 1TH)

- 4.1. Số thực
 - 4.1.1. Sự hạn chế của tập số hữu tỷ.
 - 4.1.2. Xây dựng tập số thực dựa trên khái niệm số thập phân.
 - 4.1.3. Các phép toán trên tập hợp số thực.
 - 4.1.4. Một số phương pháp khác để xây dựng tập số thực.
- 4.2. Số phức
 - 4.2.1. Sự cần thiết phải mở rộng tập số thực.

9.29. CƠ SỞ TỰ NHIÊN & XÃ HỘI/Natural & Social Facilities

- Mã học phần: 143000
- Số tín chỉ: 03 (27; 15; 21)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Nội dung của học phần được chia thành 5 chủ đề:

- Chủ đề 1: Khoa học, bao gồm các kiến thức về đặc điểm chung khái quát về giới thực vật, động vật, một số kiến thức về vật chất và năng lượng thường gặp ảnh hưởng đối với đời sống của con người.
- Chủ đề 2: Xã hội, bao gồm những kiến thức cơ bản về gia đình, trường học, quê hương
- Chủ đề 3: Lịch sử, bao gồm các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử tiêu biểu theo dòng thời gian của lịch sử Việt Nam từ buổi đầu dựng nước cho tới nay.
- Chủ đề 4: Địa lý, bao gồm những kiến thức cơ bản về Trái Đất và Bản đồ, địa lý các châu lục và địa lí Việt Nam .
- Chủ đề 5: Thực hành tham quan thiên nhiên, lịch sử và địa lí

Năng lực đạt được:

SV có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về môn cơ sở tự nhiên xã hội bao gồm: Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học. Bên cạnh đó, SV có kĩ năng lựa chọn và vận dụng những kiến thức đã học để dạy học các môn: khoa học, lịch sử và địa lý ở tiểu học. SV rèn luyện được năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và có khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp sau này.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm vững được những kiến thức cơ bản về sự trao đổi chất và sự sinh sản ở thực vật, động vật và vật chất, năng lượng; SV phân tích khái quát cơ thể người, nguyên nhân và cách phòng tránh một số bệnh thông thường và tai nạn thường gặp khi ở nhà, ở trường và trên đường cho học sinh; SV trình bày được các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử tiêu biểu tương đối có hệ thống theo dòng thời gian của lịch sử Việt Nam từ buổi đầu dựng nước cho tới nay. Và biết được tổ chức gia đình, trường học, quê hương hiện nay ở địa phương mình.; SV trình bày được các sự vật, hiện tượng và các mối quan hệ địa lý đơn giản ở Việt Nam và ở các châu lục trên thế giới.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- *Phát triển các kỹ năng cá nhân trong việc lựa chọn và vận dụng những kiến thức đã học để dạy học các môn TN&XH, khoa học, lịch sử và địa lý ở tiểu học*

2. Tầm quan trọng của động vật

2.1. Đối với tự nhiên

2.2. Đối với con người

Nội dung 4, chủ đề Khoa học (tiếp theo): Động vật

(LT: 2, BT, TL: 1; TH: 1)

3. Đặc điểm sinh học của một số động vật thường gặp

3.1. Một số đại diện động vật không xương sống

3.2. Một số đại diện của động vật có xương sống

4. Ảnh hưởng của các yếu tố vô sinh lên đời sống động vật và sự thích nghi của chúng

Nội dung 5, chủ đề Khoa học (tiếp theo): Vật chất và năng lượng

(LT: 2, BT, TL: 2; TH: 1)

1. Nước và tầm quan trọng của nước

1.1. Thành phần và cấu trúc của phân tử nước

1.2. Một số tính chất và hằng số vật lý quan trọng của nước

2. Vai trò và đặc điểm của khí quyển, ánh sáng, âm thanh

2.1. Khí quyển

2.2. Ánh sáng

2.3. Âm thanh

3. Một số chất khí thường gặp trong khí quyển: Ôxy, Nitơ, Hidrô, khí cacbonic

4. Nhận biết một số kim loại thông thường: Sắt, đồng, nhôm

5. Những hiểu biết về thủy tinh, đồ gốm và vật liệu xây dựng khác: Thủy tinh, đồ gốm, xi măng

6. Nguồn năng lượng

6.1. Năng lượng

6.2. Các nguồn năng lượng

6.3. Các nguồn năng lượng sạch

Nội dung 6: Chủ đề Xã hội

(LT: 2, BT, TL: 1; TH: 2)

1. Gia đình:

1.1. Khái niệm về gia đình và hộ.

1.2. Vai trò và chức năng của gia đình.

1.3. Môi quan hệ trong gia đình.

1.4. Quy mô gia đình và chất lượng cuộc sống.

2. Trường học:

2.1. Vai trò, mục tiêu và nhiệm vụ của trường tiểu học.

2.2. Lớp học

3. Quê hương

3.1. Khái quát về quê hương.

3.2. Tìm hiểu về quê hương (xã, huyện, tỉnh).

- 2.2. Cấu tạo bên trong của Trái Đất.
- 3. Sự vận động của Trái Đất
 - 3.1. Vận động tự quay quanh trục của Trái Đất.
 - 3.2. Vận động quay quanh Mặt Trời của Trái Đất.
- 4. Sử dụng quả địa cầu và bản đồ
 - 4.1. Quả địa cầu.
 - 4.2. Bản đồ.
- 5. Một số thành phần lớp vỏ địa lý
 - 5.1. Các lục địa và đại dương.
 - 5.2. Khí quyển.

Nội dung 12, Chủ đề Địa lí (tiếp theo): Khái quát về địa lý các châu lục
(LT: 2, BT, TL: 1; TH: 1)

- 1. Châu Phi
 - 1.1. Vị trí địa lý và hình dạng lãnh thổ.
 - 1.2. Đặc điểm tự nhiên.
 - 1.3. Đặc điểm dân cư và kinh tế.
- 2. Châu Mỹ
 - 2.1. Vị trí địa lý.
 - 2.2. Đặc điểm tự nhiên.
 - 2.3. Đặc điểm dân cư và kinh tế.
- 3. Châu Á
 - 3.1. Vị trí địa lý.
 - 3.2. Đặc điểm tự nhiên.
 - 3.3. Đặc điểm dân cư và kinh tế.
- 4. Châu Âu
 - 4.1. Vị trí địa lý.
 - 4.2. Đặc điểm tự nhiên.
 - 4.3. Đặc điểm dân cư và kinh tế.
- 5. Châu Đại Dương và châu Nam Cực
 - 5.1. Vị trí địa lý.
 - 5.2. Đặc điểm tự nhiên.
 - 5.3. Đặc điểm dân cư và kinh tế.

Nội dung 13, Chủ đề Địa lí (tiếp theo): Địa lý Việt Nam
(LT: 3, BT, TL: 1; TH: 1)

- 1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên.
 - 1.1. Vị trí địa lý
 - 1.2. Điều kiện tự nhiên
- 2. Dân cư và các ngành kinh tế
 - 2.1. Dân cư

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kì: trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kì: trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Lê Văn Trường (chủ biên) (2007), *TN & XH và PPDHTN & XH ở Tiểu học (tập 1)*, NXB Giáo dục.

[2]. Bùi Phương Nga (chủ biên) (2007), *PPDHTN & XH ở Tiểu học*, NXB Giáo dục. 2007.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, SGK, SGV Tự nhiên-Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí các lớp 1, 2, 3, 4, 5.

[2]. Nguyễn Quang Mai (chủ biên) (2004), *Sinh lí học người và động vật*, NXB Khoa học kỹ thuật Hà Nội.

[3]. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên) (2000), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB giáo dục.

[4]. Hoàng Thị Sản -Trần Văn Ba (2001), *Hình thái giải phẫu học thực vật*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[5]. Nguyễn Trọng Hiếu (chủ biên) (2006), *Địa lý tự nhiên đại cương 1*, NXB DHSP Hà Nội.

[6]. Mạng Internet: trang website: <http://www.google.com.vn> <http://www.gso.gov.vn>.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

Có ý thức trau dồi vốn từ tiếng Việt, giữ gìn và phát triển sự trong sáng, giàu đẹp của ngôn ngữ dân tộc.

3. Nội dung chi tiết học phần

Học phần bao gồm 6 nội dung chính: Học phần cung cấp khái quát những kiến thức cơ bản về các nội dung của học phần. Cụ thể: Kỹ năng đọc (bao gồm nội dung, mục tiêu của việc rèn kỹ năng đọc; các hình thức đọc); kỹ năng nghe – nói (bao gồm nội dung, mục tiêu của việc rèn luyện kỹ năng nghe – nói; các hình thức nghe – nói; kỹ năng viết chữ (bao gồm nội dung, mục tiêu của việc rèn luyện kỹ năng viết văn bản (bao gồm nội dung, mục tiêu của việc rèn luyện kỹ năng viết văn bản; các kiểu văn bản dạy ở Tiểu học); Kỹ năng kể chuyện (bao gồm nội dung mục tiêu của rèn luyện kỹ năng kể chuyện; các thể loại truyện ở Tiểu học); Kỹ năng dùng từ đặt câu (bao gồm nội dung, mục tiêu của việc dùng từ, đặt câu; phát hiện và chữa lỗi sai về từ và câu; đồng thời giúp người học rèn luyện các kỹ năng này vận dụng trong dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học và trong giao tiếp.

Chương 1: Luyện kỹ năng năng đọc (5LT: 6BT, TL: 1TH)

I. Lý thuyết

1. Đặc điểm, bản chất của hoạt động đọc. Các hình thức đọc ở Tiểu học
 - 1.1. Đặc điểm, bản chất của hoạt động đọc
 - 1.2. Mục đích, yêu cầu của việc rèn kỹ năng đọc
 - 1.3. Các hình thức đọc ở Tiểu học
2. Mục tiêu, nội dung của việc rèn kỹ năng đọc ở Tiểu học
3. Rèn kỹ năng đọc thành tiếng
 - 3.1. Rèn kỹ năng đọc đúng
 - 3.2. Luyện kỹ năng đọc diễn cảm
4. Rèn kỹ năng đọc thầm

II. Thực hành

Tập đọc đúng và đọc diễn cảm các bài văn, thơ trong chương trình Tập đọc ở Tiểu học

III. Xemina: Vai trò của việc rèn luyện kỹ năng đọc

IV. Tự học:

- Các hình thức đọc ở Tiểu học
- Luyện đọc văn kể chuyện, văn nghị luận
- Luyện đọc các kiểu văn bản: văn miêu tả, văn kể chuyện

Chương 2: Luyện kỹ năng viết chữ (5LT: 4BT, TL: 1TH)

I. Lý thuyết

1. Chữ viết Tiếng Việt và các nguyên tắc chính tả chữ Việt
2. Mục đích, nội dung của việc luyện kỹ năng viết chữ ở Tiểu học
3. Luyện kỹ năng viết chữ
 - 3.1. Giới thiệu bảng chữ cái và chữ số tiếng Việt
 - 3.2. Luyện viết các nét cơ bản
 - 3.3. Luyện viết các chữ cái thường

4.2. Luyện kĩ năng nói độc thoại

II. Thực hành

Tập nghe - nhớ, hiểu văn bản, tập nói một số vấn đề một mình và trước đông người.

III. Xêmina: Ứng xử một tình huống sư phạm

IV. Tự học:

Tìm hiểu đặc điểm của ngôn ngữ độc thoại, ngôn ngữ đối thoại

Chương 5: Luyện kĩ năng kể chuyện (4LT: 6BT, TL: 1TH)

I. Lí thuyết

1. Mục đích, yêu cầu của việc luyện kĩ năng kể chuyện
2. Mục tiêu, nội dung của việc luyện kĩ năng kể chuyện ở Tiểu học
3. Luyện kĩ năng kể chuyện

II. Thực hành

Tập kể các loại truyện: truyện dân gian, truyện lịch sử, truyện danh nhân văn hóa. Luyện kĩ năng kể chuyện qua một số thể loại truyện ở chương trình tiếng Việt Tiểu học

III. Xêmina: Vai trò của ngữ điệu và các yếu tố kèm ngôn ngữ trong kể chuyện

IV. Tự học:

Tìm hiểu các loại truyện trong chương trình Tiểu học. Tập kể các loại truyện: Truyện dân gian, truyện lịch sử, truyện danh nhân văn hóa.

Chương 6: Luyện kĩ năng dùng từ, đặt câu (3LT: 4BT, TL: 1TH)

I. Lí thuyết

1. Mục đích, yêu cầu rèn luyện kĩ năng dùng từ
2. Mục đích của việc luyện kĩ năng đặt câu

II. Thực hành:

- Phát hiện lỗi sai về từ, câu: đề xuất cách sửa

III. Xêmina: Vai trò của việc rèn kĩ năng dùng từ, đặt câu ở Tiểu học

IV. Tự học:

Làm các bài tập về phát hiện lỗi dùng từ, đặt câu và đề xuất cách sửa

4. Yêu cầu môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận; thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

b. TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH/Vietnamese Practice

- Mã học phần: 142101
- Số tín chỉ: 3TC (27; 30; 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương, Tiếng Việt 1, Tiếng Việt 2, Tiếng Việt 3, Ngữ pháp chức năng.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức chung về giao tiếp, văn bản, về kĩ năng dùng từ, đặt câu, tạo lập đoạn văn, văn bản, cách phát hiện và sửa lỗi sai về dùng từ, đặt câu, xây dựng đoạn văn.

Năng lực đạt được: Người học có kỹ năng tạo lập, phân tích văn bản, kĩ năng dùng từ đặt câu, kĩ năng viết chính tả. Có khả năng làm việc theo nhóm, tự học và tự nghiên cứu; Có năng lực tự học, tự tích lũy kiến thức về tiếng Việt; Có năng lực thực hành tiếng Việt trong giảng dạy môn Tiếng Việt trường tiểu học; Có năng lực hướng dẫn cho học sinh tiểu học kĩ năng giao tiếp, xây dựng, phân tích văn bản; Có năng lực đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt của học sinh tiểu học.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học hiểu biết một cách hệ thống kiến thức cơ bản về giao tiếp và văn bản, về từ, câu, đoạn văn, phát hiện và sửa lỗi sai về từ, câu, đoạn văn. Trên cơ sở đó, người học biết vận dụng kiến thức để dạy môn Tiếng Việt ở trường tiểu học

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có kĩ năng tạo lập, phân tích văn bản, kĩ năng dùng từ, đặt câu, tạo lập đoạn văn, kĩ năng phát hiện và sửa lỗi về từ, câu, đoạn văn, kĩ năng hướng dẫn cho học sinh tiểu học kĩ năng giao tiếp, xây dựng, phân tích văn bản. Có kĩ năng học tập tích cực như: kĩ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng thuyết trình, kĩ năng đọc tài liệu tham khảo.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức dùng từ, câu, đoạn văn, văn bản; có ý thức rèn luyện, trau dồi, giữ gìn sự giàu đẹp của tiếng Việt.

3. Nội dung chi tiết học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết sơ giản về tiếng Việt (từ, câu, đoạn văn, văn bản). Người học được rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt như: kĩ năng dùng từ; kĩ năng đặt câu; kĩ năng viết đoạn văn và kĩ năng xây dựng các thể loại văn bản.

Chương 1: Giao tiếp và văn bản (7LT: 8BT, TL: 2TH)

1. Giao tiếp và hoạt động giao tiếp

- 1.1. Định nghĩa
- 1.2. Các nhân tố giao tiếp
- 1.3. Mục đích và hiệu quả của giao tiếp

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Bùi Minh Toán (2002), *Tiếng Việt thực hành*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

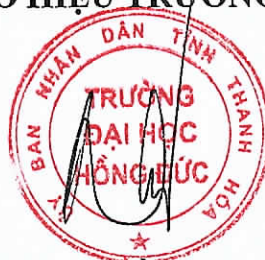
9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (1999), *Tiếng Việt thực hành*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Lê A (2001), *Giáo trình Tiếng Việt thực hành B*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[3]. Vương Hữu Lễ - Đinh Xuân Quỳnh (2003), *Tiếng Việt thực hành, NXB Thuận Hóa (Huế)*.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

Biết tính các số đặc trưng của một biến ngẫu nhiên như: Kỳ vọng, Phương sai,....

Giải một số bài toán về các phân phối quan trọng quen thuộc (phân phối nhị thức, phân phối chuẩn, phân phối poisson, phân phối hình học, phân phối student,...).
Giải các bài toán này bằng cách áp dụng các định lý về giới hạn.

Biết ước lượng về: Giá trị trung bình (kỳ vọng) của một biến ngẫu nhiên trong phân phối chuẩn, ước lượng về xác suất trong phân phối nhị thức.

Biết kiểm định giả thiết thống kê về: Kỳ vọng trong phân phối chuẩn, xác suất trong phân phối nhị thức....

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong việc giải thích các vấn đề về yếu tố thống kê ở tiểu học;

Có tinh thần tự giác học tập và tự nghiên cứu bài giảng, tài liệu tham khảo,...;
Tham gia tích cực và có hiệu quả các hoạt động học tập;

Phát huy tối đa khả năng sáng tạo thông việc thực hiện các hoạt động học tập;

Yêu thích môn học nói riêng và yêu thích học Toán.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương I. Các kiến thức bổ trợ (2LT: 1BT, TL: 0TH)

I. Hoán vị

1.1. Định nghĩa

1.2. Định lý

1.3. Ví dụ

II. Chỉnh hợp không lặp

2.1. Định nghĩa

2.2. Định lý

2.3. Ví dụ

III. Chỉnh hợp lặp

3.1. Định nghĩa

3.2. Ví dụ

IV. Tổ hợp

4.1. Định nghĩa

4.2. Định lý

V. Nhị thức Niu Tơn

Chương II: Biến cố ngẫu nhiên và xác suất (8LT: 9BT, TL: 2TH)

I. Khái niệm cơ bản về xác suất

1.1. Đối tượng nghiên cứu của xác suất

1.2. Biến cố ngẫu nhiên

1.3. Quan hệ giữa các biến cố

1.4. Các phép tính trên các biến cố

II. Định nghĩa xác suất

2.1. Định nghĩa xác suất cổ điển

2.2. Định nghĩa xác suất thống kê

2.3. Định nghĩa xác suất hình học

2.4. Tính chất của xác suất

III. Biến cố ngẫu nhiên độc lập

3.1. Định nghĩa 1

3.2. Định nghĩa 2

3.3. Ví dụ

- 3.5. Phân phối khi bình phương
- 3.6. Phân phối Student
- 3.7. Phân phối F (Fisher- shedecor)

IV. Biến ngẫu nhiên liên tục và phân phối xác suất của nó

- 4.1. Khái niệm về biến ngẫu nhiên và hàm phân phối
- 4.2. Tính chất của hàm phân phối
- 4.3. Các số đặc trưng
 - Định nghĩa
 - Ví dụ

Bài tập chương III

Chương IV. Thống kê Toán (9LT: 10BT, TL: 2TH)

I. Mẫu quan sát và cách trình bày mẫu

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Biểu đồ và tổ chức đồ
- 1.3. Ví dụ

II. Ước lượng tham số

- 2.1. Mẫu ngẫu nhiên
- 2.2. Phân phối mẫu
- 2.3. Các số đặc trưng mẫu
- 2.4. Ước lượng tham số
 - Khoảng ước lượng của kỳ vọng μ trong phân phối chuẩn
 - Khoảng ước lượng của xác suất p trong phân phối nhị thức

III. Kiểm định giả thiết thống kê

- 3.1. Thiết lập bài toán
- 3.2. Một số bài toán kiểm định giả thiết
 - Kiểm định về kỳ vọng trong phân phối chuẩn (dạng đã cho biết độ lệch chuẩn và dạng chưa cho biết độ lệch chuẩn);
 - Kiểm định về xác suất trong phân phối nhị thức;
 - Kiểm định giá trị trung bình của tổng thể khi phương sai chưa biết;
 - Kiểm định giả thiết về tỉ lệ hay xác suất;
 - So sánh hai giá trị trung bình của hai mẫu quan sát;
 - So sánh hai xác suất.

IV. Yếu tố thống kê trong môn toán ở trường tiểu học

- 4.1. Nội dung yếu tố thống kê ở trường Tiểu học.
- 4.2. Ví dụ

Bài tập chương IV

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

b. PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT DẠY HỌC VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC Ở TIỂU HỌC/IT application in teaching at primary school

- Mã học phần: 141040
- Số tín chỉ: 3TC (27; 30; 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Toán
- Điều kiện tiên quyết: Tin học

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần được chia thành 4 chương, bao gồm các nội dung chính: Giới thiệu một số thiết bị phương tiện kỹ thuật hỗ trợ dạy học hiện đại (Phương tiện dạy học mới và máy vi tính, sử dụng các thiết bị hỗ trợ phương pháp dạy học); Khái niệm về phần mềm dạy học và giới thiệu một số phần mềm toán học như: phần mềm toán học Equation Editor, phần mềm tính toán trong EXCEL, phần mềm vẽ hình Draw và Paint, phần mềm Geomete's Sketchpad 4.0, phần mềm Window movie maker, phần mềm Violet thiết kế bài giảng điện tử và phần mềm thiết kế trình diễn bài dạy; Thực hành soạn giáo án điện tử (Khái niệm giáo án điện tử, thực hành soạn giáo án điện tử và trình diễn bằng phần mềm Power point, thực hành soạn giáo án điện tử và thiết kế bằng phần mềm Violet); Khai thác trao đổi thông tin qua mạng Internet.

Năng lực đạt được: Người học có năng lực độc lập học tập, nghiên cứu; năng lực vận dụng các phương tiện kỹ thuật trong dạy học Toán TH; năng lực khai thác và sử dụng các phần mềm toán học trong DH toán ở TH; năng lực giao tiếp dưới dạng hoạt động xêmina, có năng lực hoạt động tập thể,....

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Hiểu biết các loại phương tiện có tác dụng hỗ trợ dạy học. Phân loại được các phương tiện.

Biết cách khai thác một số phần mềm có tác dụng hỗ trợ dạy học ở tiểu học nói chung, dạy học toán tiểu học nói riêng. Biết khai thác và tìm kiếm thông tin trên mạng internet.

Vận dụng sáng tạo các kiến thức về công nghệ thông tin vào dạy học môn Toán ở trường Tiểu học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Biết cách sử dụng một số PTKT trình chiếu như: Máy chiếu qua đầu Overhead, máy chiếu đa năng Projector.

Biết cách phân loại các loại PTKT nhằm đảm bảo các nguyên tắc sử dụng an toàn về điện, an toàn thị giác,....

Thao tác thành thạo một số phần mềm như: Phần mềm Equation, Paint, Draw, PowerPoint, VioLET,....

Biết khai thác thông tin trên mạng Internet, trao đổi thông tin qua mạng thành thạo.

Soạn và sử dụng một số giáo án điện tử, và trình diễn bằng phần mềm PowerPoint.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong việc giúp GV hiểu rõ và vận dụng các phương tiện kỹ thuật trong dạy học Toán TH; khai thác và sử dụng các phần mềm toán học trong DH toán ở TH;;

1.3. Yêu cầu.

§2. Thực hành soạn giáo án điện tử. Trình diễn bằng phần mềm Power point

2.1. Yêu cầu một bài thực hành.

2.2. Thực hành soạn giáo án điện tử trình diễn bằng phần mềm Power point.

2.3. Khởi tạo bài dạy trên Power point.

2.4. Ví dụ.

2.5. Thực hành trình diễn bằng phần mềm Power point.

§3. Thực hành soạn giáo án điện tử. Thiết kế bằng phần mềm VioLET

3.1. Hướng dẫn cài đặt.

3.2. Hướng dẫn sử dụng

3.3. Thực hành trình diễn bằng phần mềm VioLET.

Chương IV: KHAI THÁC TRAO ĐỔI THÔNG TIN QUA MẠNG INTERNET (7LT: 8BT, TL: 1TH)

§1. Mạng Internet

1.1. Khái niệm mạng Internet.

1.2. Thực hành vào mạng Internet.

<http://mail.yahoo.com/>

<http://WWW.google.com/>

1.3. Thực hành tạo BLog.

§2. Khai thác trao đổi thông tin qua mạng Internet.

2.1. Khai thác thông tin trên Internet.

2.2. Thư điện tử (Email: Gmail, Yahoo,...).

2.3. Thực hành Chat.

4. Yêu cầu môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Đào Thái Lai (Chủ biên) (2006), *Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

932. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC/Teaching Method of Vietnamese at Primary School

- Mã học phần: 142025

- Số tín chỉ: 2TC (36; 36; 12)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương, Tiếng Việt 1, Tiếng Việt 2, Văn học 1, Văn học 2.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về PPDHTV, những kiến thức cơ bản và có hệ thống về vị trí, nhiệm vụ, đặc điểm chương trình và sách giáo khoa, cơ sở khoa học, các phương pháp dạy học (biện pháp và hình thức tổ chức dạy học, quy trình dạy học) của từng phân môn Học văn, Tập viết, Chính tả, Tập đọc, Luyện từ và câu, Kể chuyện, Tập làm văn; về kế hoạch dạy học, các yêu cầu chuẩn bị một bài dạy và các thao tác tiến hành trong từng tiết dạy. Học phần cũng giới thiệu, cập nhật chương trình SGK mới và đổi mới PPDHTV theo chương trình SGK mới (2018)

Năng lực đạt được: Người học có kiến thức chung về PPDHTV, những kiến thức cơ bản và có hệ thống về vị trí, nhiệm vụ, đặc điểm chương trình và sách giáo khoa, cơ sở khoa học, các phương pháp dạy học (biện pháp và hình thức tổ chức dạy học, quy trình dạy học). Trên cơ sở đó, vận dụng giảng dạy được môn Tiếng Việt ở trường tiểu học.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học có kiến thức chung về PPDHTV, những kiến thức cơ bản và có hệ thống về vị trí, nhiệm vụ, đặc điểm chương trình và sách giáo khoa, cơ sở khoa học, các phương pháp dạy học (biện pháp và hình thức tổ chức dạy học, quy trình dạy học), cập nhật chương trình SGK mới, đổi mới PPDHTV theo chương trình SGK mới (2018).

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có kỹ năng tự phân tích, nghiên cứu tìm hiểu mục tiêu, nội dung, cấu trúc chương trình, sách giáo khoa, sách giáo viên, các tài liệu tham khảo; kỹ năng thiết kế bài dạy Tiếng Việt, tổ chức các hoạt động dạy học Tiếng Việt, phân tích đánh giá thực tế dạy học Tiếng Việt ở tiểu học; kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học môn Tiếng Việt của học sinh Tiểu học. Có kỹ năng học tập tích cực như: kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đọc tài liệu tham khảo.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học; có quan điểm đúng đắn trong đổi mới phương pháp dạy học tiếng Việt phù hợp với đối tượng học sinh tiểu học, có ý thức cập nhật chương trình và đổi mới PPDH theo chương trình SGK (2018).

3. Nội dung chi tiết học phần

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học, bao gồm các kiến thức đại cương như: mục đích, nội dung; các nguyên tắc, hình thức, biện pháp và cách thức tổ chức dạy học; cơ sở khoa học của quá trình dạy học tiếng Việt ở Tiểu học.

Học phần cũng trang bị và rèn luyện cho người học những kiến thức, kỹ năng tổ chức quá trình dạy học các phân môn: Học văn, Tập viết, Chính tả, Luyện từ và câu,

1.4.2- Phân môn *Học văn* trong SGK *Tiếng Việt 1*

1.4.3- Quy trình dạy học các kiểu bài *Học văn*

Chương 2: Phương pháp dạy học Tập viết và chính tả (3LT: 5BT, TL: 1TH)

A- PHÂN MÔN TẬP VIẾT

1- Mục đích, nội dung và phân bố CT của phân môn *Tập viết*

2- Vở *Tập viết* ở Tiểu học

3- Nguyên tắc và phương pháp dạy Tập viết

4- Quy trình dạy học Tập viết

B- PHÂN MÔN CHÍNH TẢ

1- Mục đích, nội dung và phân bố CT của phân môn *Chính tả*

2- Phân môn *Chính tả* trong SGK *Tiếng Việt* ở Tiểu học

3- Cơ sở khoa học của việc dạy chính tả

4- Nguyên tắc dạy chính tả

5- Quy trình dạy học *Chính tả*

Chương 3: Phương pháp dạy học Luyện từ và câu (4LT: 5BT, TL: 0TH)

1- Mục đích, nội dung và phân bố CT của *Luyện từ và câu*

2- Phân môn *Luyện từ và câu* trong SGK *Tiếng Việt* ở Tiểu học

3- Quy trình dạy học *Luyện từ và câu*

Câu hỏi thảo luận (Bài tập)

1- Tập giảng phân môn *Luyện từ và câu* các lớp 2,3,4,5.

2- Soạn giáo án phân môn *Luyện từ và câu* các lớp 2,3,4,5.

Chương 4: Phương pháp dạy học Tập đọc (4LT: 4BT, TL: 1TH)

1- Mục đích, nội dung và phân bố CT của phân môn *Tập đọc*

2- Phân môn *Tập đọc* trong SGK *Tiếng Việt*

3- Quy trình dạy học kiểu bài *Tập đọc*

Chương 5: Phương pháp dạy học Kể chuyện (4LT: 5BT, TL: 1TH)

1- Mục đích, nội dung và phân bố CT của phân môn *Kể chuyện*

2- Phân môn *Kể chuyện* trong SGK *Tiếng Việt* ở Tiểu học

3- Quy trình dạy học *Kể chuyện*

Chương 6: Phương pháp dạy học Tập làm văn (4LT: 5BT, TL: 0TH)

1- Mục đích, nội dung và phân bố CT của phân môn *Tập làm văn*

2- Phân môn *Tập làm văn* trong SGK *Tiếng Việt* ở Tiểu học

3- Nguyên tắc dạy học Tập làm văn

4- Phương pháp dạy Tập làm văn

5- Quy trình dạy học các kiểu bài *Tập làm văn*

4. Yêu cầu môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

9.33. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TOÁN Ở TIỂU HỌC /Math teaching methods in Primary School

- Mã học phần: 141025

- Số tín chỉ: 3TC (27; 30; 6)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Toán

- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, Số học, Xác suất thống kê

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Cung cấp những vấn đề chung về PPDH Toán ở tiểu học: Khái quát chung về bộ môn PPDH Toán ở trường Sư phạm; Mục tiêu, nội dung, PPDH, phương tiện, kế hoạch và đánh giá trong dạy học môn toán ở tiểu học. Đồng thời vận dụng PPDH vào dạy các nội dung cụ thể trong chương trình môn toán ở tiểu học.

Năng lực đạt được:

Năng lực độc lập học tập, nghiên cứu;

NL vận dụng PP tư duy toán học;

Phát triển NL nghề nghiệp: NL phát triển chương trình; NL thiết kế và thực hiện kế hoạch bài học; NL lựa chọn PP và hình thức dạy học; NL đánh giá học sinh;

NL vận dụng kiến thức toán học vào việc dạy học toán ở trường TH;

NL phát triển chuyên môn của bản thân;

Năng lực giao tiếp, hợp tác dưới dạng hoạt động xêmina, có năng lực hoạt động tập thể...

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Hiểu biết các vấn đề cơ bản về lý luận dạy học môn toán ở tiểu học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học.

Hiểu sâu sắc mục tiêu, nội dung, PPDH, chương trình và nguyên tắc dạy học môn Toán ở tiểu học.

Áp dụng những kiến thức về lý luận dạy học và chương trình môn Toán ở tiểu học để phân tích, phát triển chương trình.

Vận dụng sáng tạo các kiến thức lý luận dạy học toán vào hoạt động thiết kế kế hoạch dạy học môn Toán ở tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.

Vận dụng sáng tạo các PPDH và hình thức dạy học môn Toán ở tiểu học vào việc thực hiện kế hoạch dạy học môn Toán ở tiểu học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Kỹ năng phân tích và phát triển chương trình môn Toán ở tiểu học.

Kỹ năng sử dụng tài liệu dạy học môn Toán ở tiểu học.

Kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp xử lý các tình huống sư phạm trong dạy học môn Toán ở tiểu học.

Kỹ năng thiết kế và thực hiện kế hoạch dạy học môn toán ở tiểu học.

Kỹ năng sử dụng CNTT trong việc tìm kiếm thông tin, thiết kế giáo án điện tử và thực hiện kế hoạch dạy học môn toán ở tiểu học.

- + Sự cần thiết phải đổi mới PPDH toán ở tiểu học;
- + Các định hướng đổi mới PPDH toán ở tiểu học;
- + Từng hình thức tổ chức học tập theo định hướng đổi mới PPDH toán ở tiểu học..

2.5. Phương tiện dạy học toán

- 2.5.1. Đại cương về phương tiện dạy học.
- 2.5.2. Sử dụng phương tiện dạy học.
- 2.5.3. Sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông như là công cụ dạy học.

2.6. Đánh giá việc học tập của học sinh.

- 2.6.1. Đại cương về đánh giá.
- 2.6.2. Những khái niệm cơ bản trong đánh giá.
- 2.6.3. Các kiểu quá trình đánh giá.
- 2.6.4. Những kĩ thuật của quá trình đánh giá.
- 2.6.5. Trắc nghiệm.

2.7. Kế hoạch dạy học toán.

- 2.7.1. Kế hoạch năm học.
- 2.7.2. Kế hoạch bài dạy toán.

Kiểm tra 1 tiết, nội dung: kiến thức thuộc mục 2.1, 2.3, 2.4

Chương 3: PPDH nội dung môn toán ở trường TH (14LT: 26BT, TL: 5TH)

3.1. DH Số và Phép tính ở tiểu học.

- 3.1.1. DH số Tự nhiên ở tiểu học.
- 3.1.2. DH phân số ở tiểu học.
- 3.1.3. DH số thập phân ở tiểu học.

Kiểm tra giữa kì 1 tiết, nội dung: mục 3.1.1, 3.1.2, 3.1.3

- 3.1.4. DH Yếu tố Đại số ở tiểu học.

Thảo luận về các con đường và các phương pháp mở rộng hệ thống số ở tiểu học.

3.2. DH Đại lượng và Đo đại lượng ở tiểu học.

- 3.2.1. Các Đại lượng trong chương trình toán tiểu học.
- 3.2.2. DH Đại lượng và Đo đại lượng ở tiểu học.

3.3. DH Yếu tố Thống kê ở TH

- 3.3.1. Yếu tố Thống kê ở tiểu học.
- 3.3.2. DH Yếu tố Thống kê ở tiểu học.

3.4. DH Yếu tố Hình học ở tiểu học.

- 3.4.1. Yếu tố Hình học ở tiểu học.
- 3.4.2. DH Yếu tố Hình học ở tiểu học.

3.5. DH Giải toán có lời văn ở tiểu học.

- 3.5.1. PPDH Giải toán có lời văn ở tiểu học.
- 3.5.2. Thực hành DH Giải toán có lời văn ở tiểu học.

Kiểm tra 1 tiết, nội dung: mục 3.4 và 3.5

9.34. RÈN KỸ NĂNG GIẢI TOÁN TIỂU HỌC/Teaching skills in math problem-solving in Primary School

- Mã học phần: 141030
- Số tín chỉ: 3TC (27; 30; 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Toán
- Điều kiện tiên quyết: PPDH Toán Tiểu học 1, Toán học tự chọn 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Cung cấp cơ sở lí luận của việc dạy học giải bài tập toán ở tiểu học; các phương pháp thường dùng trong giải toán tiểu học. Đồng thời vận dụng các phương pháp giải toán vào giải và hướng dẫn học sinh tiểu học giải các dạng toán điển hình và các dạng toán cụ thể trong chương trình môn toán ở tiểu học.

Năng lực đạt được:

Năng lực độc lập học tập, nghiên cứu;
Năng lực vận dụng PP tư duy toán học;
Năng lực vận dụng các PP giải toán ở tiểu học để giải và hướng dẫn học sinh tiểu học giải toán;

Năng lực giao tiếp, hợp tác dưới dạng hoạt động xêmina, có năng lực hoạt động tập thể...

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Hiểu biết các vấn đề cơ bản về lí luận của việc dạy học giải bài tập toán ở tiểu học.

Hiểu sâu sắc khái niệm các phương pháp thường dùng trong giải toán tiểu học, các bước giải toán khi dùng các phương pháp giải toán đó.

Áp dụng các phương pháp thường dùng trong giải toán tiểu học để nhận dạng bài toán; cách trình bày lời giải.

Vận dụng sáng tạo các phương pháp thường dùng trong giải toán tiểu học để giải và hướng dẫn học sinh giải toán.

Vận dụng sáng tạo các phương pháp thường dùng trong giải toán tiểu học vào việc thực hiện kế hoạch dạy học môn Toán ở tiểu học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Kỹ năng nhận dạng bài toán và lựa chọn phương pháp thích hợp để giải toán ở tiểu học.

Kỹ năng vận dụng các phương pháp giải toán vào giải thành thạo các dạng toán ở tiểu học.

Kỹ năng hướng dẫn học sinh tiểu học giải toán.

Kỹ năng sử dụng tài liệu dạy học môn Toán ở tiểu học.

Kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp xử lý các tình huống trong dạy học giải toán ở tiểu học.

Kỹ năng thiết kế đề toán và hướng dẫn học sinh thực hiện thiết kế.

Kỹ năng tìm hiểu và nghiên cứu vấn đề về giải toán ở tiểu học.

Năng lực tự học và phát triển bản thân.

Kỹ năng sử dụng CNTT trong việc tìm kiếm thông tin.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong việc phát triển năng lực nghề nghiệp cho bản thân;

- 2.1.2. Ứng dụng PP dùng sơ đồ đoạn thẳng để giải toán đơn.
- 2.1.3. Ứng dụng PP dùng sơ đồ đoạn thẳng để giải toán hợp.
- 2.1.4. Một số ứng dụng khác của PP dùng sơ đồ đoạn thẳng.
- Làm BT nhóm về các ứng dụng của PP dùng sơ đồ đoạn thẳng.
 - Làm BT cá nhân các BT về ứng dụng của PP dùng sơ đồ đoạn thẳng.
 - Tự học: 10 tiết.
- 2.2. PP chia tỉ lệ:
- Học lí thuyết các nội dung sau:
- 2.2.1. Khái niệm về PP chia tỉ lệ.
- 2.2.2. Ứng dụng PP chia tỉ lệ để giải các bài toán về tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của chúng.
- 2.2.3. Ứng dụng PP chia tỉ lệ để giải các bài toán về tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của chúng.
- 2.2.4. Ứng dụng PP chia tỉ lệ để giải các bài toán về cấu tạo số.
- 2.2.5. Ứng dụng PP chia tỉ lệ để giải các bài toán có lời văn điển hình về phân số.
- 2.2.6. Ứng dụng PP chia tỉ lệ để giải các bài toán có nội dung hình học.
- 2.2.7. Ứng dụng PP chia tỉ lệ để giải các bài toán về chuyển động đều.
- 2.2.8. Ứng dụng PP chia tỉ lệ để giải các bài toán về tìm ba số khi biết tổng hoặc hiệu và tỉ số của chúng.
- 2.2.9. Ứng dụng PP chia tỉ lệ để giải các bài toán vui và toán cổ ở tiểu học.
- Làm BT nhóm về các ứng dụng của PP chia tỉ lệ.
 - Làm BT cá nhân các BT về ứng dụng của PP chia tỉ lệ.
 - Tự học: 10 tiết; Kiểm tra: 1 tiết.
- 2.3. PP rút về đơn vị và PP tỉ số:
- Học lí thuyết các nội dung sau:
- 2.3.1. Khái niệm về PP rút về đơn vị và PP tỉ số.
- 2.3.2. Ứng dụng PP rút về đơn vị và PP tỉ số để giải toán về đại lượng tỉ lệ thuận.
- 2.3.3. Ứng dụng PP rút về đơn vị và PP tỉ số để giải toán về đại lượng tỉ lệ nghịch.
- 2.3.4. Ứng dụng PP rút về đơn vị và PP tỉ số để giải toán về tỉ lệ kép.
- Làm BT cá nhân các BT về ứng dụng của PP rút về đơn vị và PP tỉ số.
 - Tự học: 10 tiết.
- 2.4. PP thử chọn:
- Học lí thuyết các nội dung sau:
- 2.4.1. Khái niệm về PP thử chọn.
- 2.4.2. Ứng dụng PP thử chọn để giải toán số học.
- 2.4.3. Ứng dụng PP thử chọn để giải toán có lời văn.
- 2.4.4. Ứng dụng PP thử chọn để giải toán có nội dung hình học.
- 2.4.5. Ứng dụng PP thử chọn để giải toán về suy luận.
- Làm BT cá nhân các BT về ứng dụng của PP thử chọn.
 - Tự học: 10 tiết.
 - Kiểm tra giữa kì: 1 tiết.
- 2.5. PP thay thế:
- Học lí thuyết các nội dung sau:
- 2.5.1. Khái niệm về PP thay thế.
- 2.5.2. Ứng dụng PP thay thế để giải toán.
- Làm BT cá nhân các BT về ứng dụng của PP thay thế.
 - Tự học: 8 tiết

2.12.2. Ứng dụng PP diện tích để giải toán

- Làm BT nhóm về về ứng dụng của PP diện tích.
- Làm BT cá nhân các BT về ứng dụng PP diện tích.
- Tự học: 10 tiết
- Thảo luận: Tìm hiểu thêm về các PP thường dùng trong giải toán ở TH; PP sử dụng biểu đồ Ven; PP lập bảng; PP suy luận đơn giản; PP lựa chọn tình huống, PP sử dụng lý thuyết tổ hợp,...
- Kiểm tra: 1 tiết.

4. Yêu cầu môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

- [1]. Trần Diên Hiền, *Rèn kỹ năng giải toán Tiểu học*, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2008.

9.2. Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ môn Toán – Khoa GDTH – ĐHHĐ, *Bài giảng môn PPDH toán Tiểu học* 2, 2016.
- [2]. Đỗ Trung Hiệu, Vũ Dương Thụy (1999), *Các Phương pháp giải toán ở Tiểu học*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [3]. Đỗ Trung Hiệu, Nguyễn Hùng Quang, Kiều Đức Thành, *Phương pháp dạy học toán tập hai (phần thực hành giải toán)-Giáo trình đào tạo giáo viên Tiểu học hệ CĐSP*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

2.4. Năng lực định hướng phát triển

- Năng lực tìm kiếm tư liệu; trình bày vấn đề;
- Năng lực phân tích đánh giá vấn đề liên quan đến quá trình dạy học môn TN & XH ở trường Tiểu học;
- Năng lực vận dụng lý thuyết vào thực hành các phương pháp dạy học môn TN & XH ở trường Tiểu học hiện nay;
- Năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy hiệu quả, giáo tiếp - ứng xử...

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Mục tiêu, nội dung chương trình, đặc điểm SGK, SGV môn TN -XH, khoa học, lịch sử và địa lí (2LT: 2TL: 0TH)

1.1. Mục tiêu chung của chương trình và nội dung chương trình. TN-XH ở tiểu học

1.2. Mục tiêu và nội dung chương trình môn TN-XH (lớp 1,2,3).

1.3. Mục tiêu và nội dung chương trình môn Khoa học (lớp 4,5).

1.4. Mục tiêu và nội dung chương trình môn Lịch sử và địa lí (lớp 4,5).

1.5. Đặc điểm sách giáo khoa, sách giáo viên

1.6. Phân tích SGV các môn TN-XH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí

Nội dung 2. Một số phương pháp dạy học đặc trưng các môn TN-XH, khoa học, lịch sử và địa lí ở tiểu học: phương pháp quan sát, phương pháp đàm thoại, phương pháp điều tra, phương pháp đặt câu hỏi (3LT: 2TL: 1TH)

2. 1. Phương pháp quan sát.

2. 2. Phương pháp đàm thoại.

2. 3. Phương pháp điều tra.

2. 4. Phương pháp đặt câu hỏi.

Nội dung 3. Một số phương pháp dạy học đặc trưng các môn TN-XH, khoa học, lịch sử và địa lí ở tiểu học (3LT: 2TL: 1TH)

3.1. Phương pháp thực hành

3.2. Phương pháp thí nghiệm

3.3. Phương pháp sử dụng đồ dùng trực quan

3.4. Phương pháp kể chuyện

Nội dung 4. Một số phương pháp dạy học đặc trưng các môn TN-XH, khoa học, lịch sử và địa lí ở tiểu học : Phương pháp thảo luận, Phương pháp đóng vai, Phương pháp trò chơi học tập, Dạy học dự án (3LT: 2TL: 1TH)

4. 2. Phương pháp đóng vai

4.3. Phương pháp trò chơi học tập

4.4. Phương pháp dạy học dự án

Nội dung 5. Một số hình thức tổ chức dạy học TN-XH, hướng dẫn tự làm đồ dùng và sưu tầm đồ dùng dạy học (1LT: 2TL: 1TH)

5.1. Một số hình thức tổ chức dạy học TN-XH ở tiểu học

5.2. Hướng dẫn tự làm đồ dùng và sưu tầm đồ dùng dạy học (tự học).

Nội dung 6. Đánh giá trong dạy học các môn TN-XH, khoa học, lịch sử và địa lí ở tiểu học (1LT: 2TL: 1TH)

6.1. Mục đích, nội dung và ý nghĩa của kiểm tra, đánh giá trong dạy học tự nhiên và xã hội

6.2. Đánh giá trong dạy học các môn TN-XH lớp 1,2,3

6.3. Đánh giá môn khoa học, lịch sử và địa lí lớp 4, 5

6.4. Các công cụ đánh giá trong dạy học Tự nhiên và Xã hội.

14.2. Một số phương pháp dạy học đặc trưng và các hình thức tổ chức dạy học chủ đề lịch sử môn lịch sử và địa lý (lớp 4,5):

14.3. Thực hành soạn giáo án và tập giảng.

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học lý thuyết và thảo luận nhóm.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao (cá nhân, nhóm), đúng thời gian quy định.
- Các bài tập phải được trình bày khoa học, rõ ràng theo yêu cầu từng nhiệm vụ học tập; được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu hay các website để hoàn chỉnh bài làm, nhưng không được sao chép lại của nhau, không được sao chép trên website.... Nếu phát hiện ra sự sao chép, sinh viên sẽ bị điểm 0.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 5 tiết giải đáp những câu hỏi, băn khoăn của người học.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%,
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%.
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Lê Văn Trường (chủ biên) (2007), *TN-XH và PPDH TN-XH ở tiểu học (tập 1,2)*, NXB giáo dục.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Sách giáo viên TN-XH 1,2,3; Khoa học, Lịch sử và Địa lí 4,5.

[2]. Robert J. Marzano (2013), *Các phương pháp dạy học hiệu quả*, NXB Giáo dục Việt Nam.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

- Luôn chủ động và sáng tạo trong việc sử dụng, phối kết hợp các phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học nhằm mang lại hiệu quả cao nhất trong dạy và học môn Đạo Đức ở Tiểu học.

3. Nội dung chi tiết học phần:

3. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN I. ĐẠO ĐỨC HỌC

Chương 1 (Lý thuyết : 02, Thảo luận : 02)

ĐẠO ĐỨC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC

I. Đạo đức, nguồn gốc, bản chất, chức năng của đạo đức

1. Khái niệm đạo đức
2. Nguồn gốc, bản chất của đạo đức
3. Chức năng của đạo đức.

II. Đạo đức học và nhiệm vụ của đạo đức học

1. Khái niệm đạo đức học
2. Nhiệm vụ của đạo đức học

III. Mối quan hệ giữa đạo đức và các hình thái ý thức xã hội khác

1. Mối quan hệ giữa đạo đức và chính trị
2. Quan hệ giữa đạo đức và pháp luật
3. Quan hệ giữa đạo đức và khoa học
4. Quan hệ giữa đạo đức và tôn giáo

Chương 2 (Lý thuyết : 02, Thảo luận : 02)

MỘT SỐ PHẠM TRÙ CƠ BẢN CỦA ĐẠO ĐỨC HỌC

I. Phạm trù là gì? Đặc điểm của phạm trù đạo đức học

II. Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học.

1. Hạnh phúc
2. Nghĩa vụ
3. Lương tâm
4. Thiện và

Chương 3 (Lý thuyết : 02, Thảo luận : 02)

MỘT SỐ NỘI DUNG GIẢNG DẠY VÀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC HIỆN NAY

1. Đạo đức mới trong gia đình
2. Đạo đức trong tình bạn
3. Đạo đức trong tình yêu
4. Đạo đức mới trong học tập
5. Đạo đức trong giao tiếp

Chương 4 (Lý thuyết : 02, Thảo luận : 02)

ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN TỘC

I. Truyền thống dân tộc, ý nghĩa của giáo dục truyền thống

II. Những truyền thống đạo đức cơ bản của dân tộc Việt Nam

1. Truyền thống yêu nước
2. Truyền thống nhân nghĩa
3. Truyền thống cần cù, sáng tạo
4. Truyền thống giáo dục.

2. Định hướng xây dựng chương trình môn Đạo đức
3. Nội dung chương trình môn Đạo đức

II. Tài liệu dạy học môn Đạo Đức.

1. Sách giáo khoa
2. Vở bài tập
3. Sách giáo viên

III. Vấn đề xây dựng bài tập trong dạy học môn Đạo Đức.

1. Bài tập về tri thức
2. Bài tập về thái độ
3. Bài tập về kỹ năng, hành vi.

Chương 4(Lý thuyết : 02, Thảo luận : 06)

PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC

I.Khái niệm

II. Một số phương pháp dạy học môn Đạo đức

1. Kể chuyện
2. Đàm thoại
3. Thảo luận nhóm
4. Động não
5. Tổ chức làm việc cá nhân
6. Tổ chức trò chơi
7. Tổ chức điều tra
8. Rèn luyện
9. Báo cáo

III. Phương tiện dạy học môn Đạo Đức

1. Các phương tiện in, vẽ
2. Các phương tiện đồ vật, mô hình
3. Các phương tiện kỹ thuật, nghe nhìn

IV. Lựa chọn và vận dụng các phương pháp, phương tiện dạy học môn Đạo Đức ở Tiểu học.

Chương 5(Lý thuyết : 02, Thảo luận : 02)

HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC

I. Khái niệm

II. Một số hình thức tổ chức dạy học môn Đạo đức

1. Bài lên lớp
2. Dạy học tại hiện trường
3. Tham quan
4. Hoạt động ngoại khóa

III. Hướng dẫn thiết kế giáo án môn Đạo đức

1. Xác định mục tiêu của bài đạo đức
2. Xác định và chuẩn bị tài liệu, phương tiện
3. Thiết kế các hoạt động dạy học chủ yếu

Chương 6(Lý thuyết : 01, Thảo luận : 02)

KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN ĐẠO ĐỨC

I. Khái niệm kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Đạo Đức

II. Phương pháp kiểm tra và đánh giá

1. Kiểm tra và đánh giá qua lời nói
2. Kiểm tra và đánh giá qua bài viết

9.37. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC THỂ DỤC Ở TIỂU HỌC/Teaching method of Gymnastics

- Mã học phần: 143030 (STC:02)
- Số tín chỉ: 2TC (15; 9; 201)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận và phương pháp giảng dạy GDTC
- Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1; 2

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Phương pháp dạy học Thể dục ở tiểu học bao gồm ba phần cơ bản. Đó là: Đặc điểm phát triển thể chất của học sinh tiểu học; Phương pháp dạy học TD ở tiểu học; Về trò chơi vận động. Sinh viên biết phân tích, xác định, mô tả và thể hiện được nhiều phương pháp phát triển thể chất, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thực hiện trò chơi vận động cho học sinh tiểu học; Lập được các loại kế hoạch, giáo án chi tiết cho môn thể dục; Tổ chức, điều khiển, giảng dạy trò chơi vận động cho HS; Góp phần hình thành thể giới quan duy vật biện chứng, nhân sinh quan khoa học, bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp cho SV, giúp cho họ tiếp tục hoàn thiện nhân cách người GV XHCN.

Năng lực đạt được: Sinh viên có năng lực nhận thức, phân tích, giảng giải và trình bày, đánh giá các vấn đề liên quan đến các kiến thức đã được học từ môn PPDH TD ở tiểu học; Có được những sáng kiến mới trong quá trình giảng dạy thể dục cho học sinh; Có năng lực tổ chức và điều hành các hoạt động thể thao cho học sinh; Xác định được mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển cho quá trình học tập, giảng dạy các môn thể thao sau này; Có ý thức tự học tập, nâng cao trình độ, tích lũy các kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên sâu về môn học PPDH thể dục ở tiểu học làm vốn kiến thức cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học sau này.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học hiểu biết một cách hệ thống kiến thức cơ bản về: Đặc điểm phát triển của học sinh tiểu học; Phương pháp dạy học môn Thể dục ở tiểu học; Phương pháp tổ chức, hướng dẫn và thực hành trò chơi vận động nhằm phát triển kỹ năng vận động và các tố chất thể lực cho học sinh tiểu học. từ đó vận dụng kiến thức vào giảng dạy thể dục ở trường Tiểu học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có kỹ năng

- Kỹ năng phát hiện và giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục ở bậc Tiểu học;

- Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá hoạt động dạy học, các hoạt động giáo dục ở trường tiểu học và các kỹ năng chuyên biệt đáp ứng yêu cầu đặc thù của bậc tiểu học;

- Kỹ năng tổ chức thành thạo hoạt động dạy học, giáo dục học sinh tiểu học theo định hướng phát triển toàn diện;

- Kỹ năng làm việc nhóm; khả năng tự học, tự nghiên cứu; khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp và làm việc độc lập;

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, đồng thời hiểu rõ được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học tập môn phương pháp dạy học thể dục trong công tác giảng dạy và huấn luyện các môn thể thao. Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức khoa học vào trong cuộc sống và trong nghề nghiệp sau này. Có ý thức rèn luyện để

V. Vệ sinh tập luyện TDDT

5.1. Tầm quan trọng của cơ sở học tập và trang thiết bị trong nhà trường đối với GD

5.2. Các tiêu chuẩn vệ sinh về cơ sở trường lớp và yêu cầu vệ sinh về học cụ.

5.3. Những yêu cầu về chế độ học tập, lao động, nghỉ ngơi của học sinh.

PHẦN III: TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG (5LT: 2BT, TL: 14TH)

I. Nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, phân loại, ý nghĩa, tác dụng của TCVD

II. Trò chơi vận động cho HS tiểu học và phương pháp tổ chức- hướng dẫn.

III. Tổ chức hướng dẫn và thực hành các trò chơi vận động bậc tiểu học

IV. Một số trò chơi nhằm phát triển kỹ năng vận động và các tố chất thể lực.

4. Yêu cầu môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tập, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ, bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện, sân tập để thực hành giảng dạy.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Nguyễn Viết Minh (Chủ biên) – Đậu Bình Hương (2007), Phương pháp dạy học thể dục và trò chơi vận động cho học sinh Tiểu học, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

9.2 Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Toán - Phạm Danh Tôn (2017), *LL & PP TDDT*, NXB TDDT Hà Nội.

[2]. Phạm Xuân Thành (Chủ biên), Tham gia biên soạn: Nguyễn Hữu Thái, Đỗ Anh Tuấn, (2014), Giáo trình *Trò chơi vận động*, NXB TDDT, Hà Nội.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

- Vận dụng linh hoạt các phương pháp giáo dục, hình thức dạy học vào việc thực hiện kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục âm nhạc chính khóa, ngoại khóa ở trường Tiểu học. Trình diễn tác phẩm và biểu diễn các bài hát ở tiểu học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Kỹ năng phân tích, đánh giá, phát triển nội dung chương trình môn âm nhạc ở tiểu học; kỹ năng sử dụng tài liệu dạy học môn Âm nhạc.

- Kỹ năng hợp tác giao tiếp với đồng nghiệp, xử lý các tình huống Sư phạm trong dạy học âm nhạc.

- Kỹ năng thiết kế và thực hiện kế hoạch dạy học môn âm nhạc ở tiểu học theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực.

- Kỹ năng vận dụng sáng tạo các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học âm nhạc theo hướng phát triển năng lực người học; nghiên cứu các vấn đề về nội dung, phương pháp giáo dục âm nhạc ở Tiểu học; sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học, sử dụng phương tiện, tìm kiếm kiếm tư liệu, thiết kế bài học âm nhạc... Và năng lực tự học, tự nghiên cứu phát triển bản thân

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Sinh viên xác định được vai trò, tác dụng của học phần trong công tác đào tạo giáo viên Tiểu học.

- Thông qua học phần sinh viên nâng cao được thị hiếu âm nhạc lành mạnh, nhận thức giá trị thẩm mỹ đúng đắn. Tôn trọng, bảo vệ, sáng tạo cái đẹp trong nghệ thuật âm nhạc; xác định được nhiệm vụ giáo dục thẩm mỹ, đạo đức, trí tuệ, thể chất cho học sinh tiểu học thông qua các hoạt động giáo dục âm nhạc.

- Sinh viên có ý thức học tập, nghiên cứu tài liệu nâng cao kiến thức năng lực cho bản thân.

- Sinh viên có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, tác phong Sư phạm chuẩn mực, hòa đồng và chia sẻ với mọi người, có tinh thần hợp tác trong làm việc vì mục tiêu chung, có thái độ thiện chí trong giải quyết các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ. Tự tin, năng động, sáng tạo khẳng định năng lực bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Học phần gồm 3 chương:

Chương I: Những vấn đề chung về giáo dục âm nhạc cho học sinh Tiểu học (4 LT)

1.1. Vai trò của giáo dục âm nhạc đối với sự hình thành và phát triển toàn diện nhân cách học sinh Tiểu học

1.1.1. Âm nhạc là một loại hình nghệ thuật

1.1.2. Âm nhạc là phương tiện giáo dục thẩm mỹ

1.1.3. Âm nhạc là phương tiện hình thành phẩm chất đạo đức

1.1.4. Âm nhạc là phương tiện thúc đẩy sự phát triển trí tuệ

1.1.5. Âm nhạc tác động đến sự phát triển sinh lý, thể chất

1.2. Mục đích, yêu cầu giáo dục âm nhạc ở Tiểu học

1.2.1. Mục đích

1.2.2. Yêu cầu đạt

1.3. Đặc điểm tâm sinh lý với khả năng âm nhạc của học sinh Tiểu học

3.1. Những vấn đề chung về hoạt động trải nghiệm âm nhạc

3.1.1. Đặc điểm của hoạt động trải nghiệm

3.1.2. Âm nhạc với hoạt động trải nghiệm sáng tạo

3.1.3. Mục tiêu của hoạt động trải nghiệm

3.1.4. Yêu cầu cần đạt

3.1.5. Nội dung, hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm

3.2. Hướng dẫn tổ chức một số hoạt động trải nghiệm âm nhạc ở trường Tiểu học

3.2.1. Các bước thiết kế hoạt động trải nghiệm âm nhạc

3.2.2. Lập kế hoạch hoạt động trải nghiệm âm nhạc sáng tạo

3.2.3. Thực hành hoạt động trải nghiệm âm nhạc sáng tạo

3.3. Thực hành tập hát các bài hát trong chương trình GD Âm nhạc Tiểu học

4. Yêu cầu môn học

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, giờ bài tập thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên); tham dự đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Do chuyên môn đặc thù, các giờ bài tập, thảo luận, thực hành phải bố trí dạy học ở phòng thực hành chuyên ngành.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận bài tập, hướng dẫn dạy thực hành và thực hành biểu diễn ca hát.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên phương pháp học tập, nghiên cứu, tìm đọc các tài liệu tham khảo liên quan đến những nội dung kiến thức học phần. Cuối học phần giảng viên bố trí ít nhất một buổi để giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

- Các giờ dạy học lý thuyết, phòng học phải đủ rộng, có đầy đủ các phương tiện như: bảng, máy chiếu, máy tính để giảng viên lên lớp thuyết trình.

- Các giờ bài tập, thảo luận, thực hành được bố trí học ở các phòng thực hành chuyên môn tập dạy và tập hát, yêu cầu phải có đầy đủ trang thiết bị dạy học, cụ thể: bảng, máy chiếu, âm thanh, đàn Organ.

- Thư viện phải cung cấp đủ tài liệu có trong đề cương chi tiết phần để sinh viên học tập, nghiên cứu.

- Máy chiếu, băng hình, băng tiếng, đài đĩa.

- Đàn Organ cho sinh viên vận dụng thực hành

- Phòng học đặc thù để tách lớp thành 2 lớp nhỏ từ 20 đến 25 sinh viên khi học thực hành.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

9.39. MỸ THUẬT TỰ CHỌN (CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN)

a. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MỸ THUẬT Ở TIỂU HỌC/Teaching Method of Art

- Số tín chỉ: 2 (18; 18; 6)
- Mã học phần: 143020
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mỹ thuật
- Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần:

- Giới thiệu Mỹ thuật (Mỹ thuật Việt Nam qua các thời kì; tranh dân gian Việt Nam; Phân tích một số tác phẩm tranh, tượng Việt Nam)
- Phương pháp dạy học Mỹ thuật (Giới thiệu chương trình môn Mỹ thuật ở Tiểu học; Một số vấn đề chung về PPDH Mỹ thuật ở Tiểu học; Những PPDH thường vận dụng để dạy MT ở TH; PPDH 5 loại bài Mỹ thuật ở TH; Tập soạn giáo án, làm đồ dùng dạy học và tập giảng).

Năng lực đạt được:

- Sinh viên nắm vững kiến thức khái quát về lịch sử mỹ thuật Việt Nam qua các thời kỳ, từ đó biết phân tích các tác phẩm tranh, tượng nghệ thuật và tranh tượng trong phân môn thường thức Mỹ thuật ở tiểu học.
- Nắm vững các phương pháp dạy học Mỹ thuật ở Tiểu học, phương pháp dạy học 5 loại bài ở Tiểu học, thành thạo soạn và làm đồ dùng dạy học, thực hành tập giảng các loại bài trong chương trình Mỹ thuật Tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Nắm vững những kiến thức lý luận cơ bản về Mỹ thuật Việt Nam (Hội họa; điêu khắc; kiến trúc); các kiến thức về phương pháp dạy học Mỹ thuật ở Tiểu học
- Nắm vững đặc điểm ngôn ngữ tạo hình của học sinh Tiểu học.
- Phương pháp đánh giá kết quả học tập ở Tiểu học theo định hướng đổi mới.
- Xây dựng kế hoạch và biết thiết kế giáo án Mỹ thuật ở Tiểu học; đánh giá việc thực hiện kế hoạch dạy học.
- Có khả năng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học và nghiên cứu chuyên ngành.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Kỹ năng phân tích tác phẩm hội họa, điêu khắc và kiến trúc.
- Kỹ năng thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với điều kiện cụ thể của học sinh và địa phương nhằm phát huy tính tích cực của học sinh trong học tập.
- Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; kỹ năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp và làm việc độc lập.
- Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học Mỹ thuật và tổ chức hoạt động giáo dục trong trường Tiểu học.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Thông qua môn học sinh viên nâng cao thị hiếu, nhận thức thẩm mỹ một cách đúng đắn. Tôn trọng, bảo vệ và sáng tạo cái đẹp, làm cho cuộc sống thêm đẹp, thêm tươi. Hiểu biết về cái đẹp truyền thống dân tộc và thời đại.
- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt. Có tác phong sư phạm chuẩn mực. Biết cách hoà đồng và chia sẻ với mọi người, có tinh thần hợp tác làm việc vì mục tiêu chung, tinh thần hợp tác làm việc nhóm, thái độ thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc chuyên môn.

- 2.2. Phương pháp dạy - học
3. Giới thiệu SGK, SGV (sách hướng dẫn)
 - 3.1. Cấu trúc SGK, SGV
 - 3.2. Cách sử dụng SGK, SGV, vở tập vẽ
4. Đặc điểm ngôn ngữ tạo hình của học sinh tiểu học - Khả năng, mức độ thể hiện tranh đề tài của HS Tiểu học:
 - 4.1. Giai đoạn 1: Từ 6 đến 8 tuổi
 - 4.2. Giai đoạn 2: Từ 8 đến 9 tuổi
 - 4.3. Giai đoạn 3: Từ 9 đến 11 tuổi

* *Tự học, tự NC*: Mục tiêu cụ thể cho vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh, tập nặn tạo dáng tự do và thường thức Mỹ thuật từ lớp 1 đến lớp 5.

Chương 4: Một số vấn đề chung và những PPDH thường vận dụng để dạy Mỹ thuật ở Tiểu học

CHƯƠNG 4: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VÀ NHỮNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC THƯỜNG VẬN DỤNG ĐỂ DẠY MỸ THUẬT Ở TIỂU HỌC

3 tiết (2LT+ 1TL)

1. Một số vấn đề chung
2. Những phương pháp dạy học thường vận dụng để dạy Mỹ thuật ở Tiểu học:
 - 2.1. Phương pháp quan sát
 - 2.2. PP trực quan
 - 2.3. PP vấn đáp
 - 2.4. PP gợi mở
 - 2.5. PP luyện tập
 - 2.6. PP liên hệ với thực tiễn
 - 2.7. PP trò chơi
 - 2.8. PP hợp tác nhóm
 - 2.9. Phương pháp đánh giá học tập môn Mỹ thuật ở Tiểu học (Thông tư 22/2016. TT/BGDĐT).

* *Tự học, tự NC*: Đọc và tìm hiểu các PPDH Mỹ thuật ở Tiểu học

CHƯƠNG 5: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC 5 LOẠI BÀI Ở TIỂU HỌC

4 tiết (3LT+ 1TL)

1. PPDH vẽ theo mẫu
2. PPDH vẽ trang trí
3. PPDH vẽ tranh
4. PPDH tập nặn tạo dáng tự do
5. PPDH thường thức Mỹ thuật

* *Tự học, tự NC*: Đọc các tài liệu về PPDH các loại bài Mỹ thuật ở Tiểu học.

CHƯƠNG 6: NHỮNG YÊU CẦU CỦA MỘT GIÁO ÁN MỸ THUẬT Ở TIỂU HỌC

5 tiết (2LT+ 3 BT)

1. Cấu trúc của giáo án, sự liên quan các phần của giáo án
2. Cách soạn
 - 2.1. Cách soạn cho giờ dạy theo PP trình bày viết bảng (chương trình mỹ thuật TH hiện hành)
 - 2.2. Cách soạn cho giờ dạy bằng công nghệ thông tin (chương trình mỹ thuật TH hiện hành)

Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành tập giảng theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy học giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm đọc tài liệu liên quan, cuối mỗi chương và cuối học phần bố trí thời gian hợp lý để giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ giá vẽ, bảng vẽ, các mẫu vẽ, bảng viết, máy chiếu, máy tính và bảng chiếu. Tài liệu học tập đầy đủ tại thư viện trường.

8. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1] Nguyễn Lăng Bình (2006), *Mỹ thuật và PPDH Mỹ thuật ở Tiểu học*, Nhà xuất bản Giáo dục.

9.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Thị Chính (2007), *Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam*, Nxb Đại học sư phạm.
- [2] Tạ Phương Thảo (2004), *Giáo trình trang trí*, Nxb Đại học Sư phạm.
- [3] Đàm Luyện (2007), *Giáo trình bố cục*, Nxb Đại học Sư phạm.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

- Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học Mỹ thuật và tổ chức hoạt động giáo dục trong trường Tiểu học.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Thông qua môn học sinh viên nâng cao thị hiếu, nhận thức thẩm mỹ một cách đúng đắn. Tôn trọng, bảo vệ và sáng tạo cái đẹp. Hiểu biết về cái đẹp truyền thống dân tộc và thời đại.

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt. Có tác phong sư phạm chuẩn mực. Biết cách hoà đồng và chia sẻ với mọi người, có tinh thần hợp tác làm việc vì mục tiêu chung, tinh thần hợp tác làm việc, giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên môn.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: VẼ TRANH TĨNH VẬT MÀU

6 tiết (2LT+ 4 BT)

1. Khái niệm chung về tranh tĩnh vật

1.2. Chuẩn bị mẫu

3. Phương pháp tiến hành

3.1. Quan sát nhận xét mẫu

3.2. Phác hình

3.3. Vẽ màu

4. Một số điều cần ghi nhớ khi vẽ màu

5. Bài tập

- **Bài tập 1:** Vẽ tập hợp mẫu là đồ vật lọ cắm hoa và các loại quả (bài vẽ trên khổ giấy A3)

- **Tự học, tự nghiên cứu:**

Vẽ tập hợp mẫu là đồ vật và các loại quả (bài vẽ trên khổ giấy A3)

CHƯƠNG 2: VẼ TRANH CHÂN DUNG

5 tiết (2LT+ 3BT)

1. Khái niệm về tranh chân dung

2. Phương pháp thể hiện

2.1. Quan sát nhận xét

2.2. Phác hình

2.3. Chính hình

2.4. Vẽ đậm nhạt (vẽ màu)

3. Bài tập

- **Bài tập 2:** Vẽ chân dung lứa tuổi học sinh tiểu học (bài vẽ trên khổ giấy A3)

- **Tự học, tự nghiên cứu:**

Vẽ chân dung cụ già (bài vẽ trên khổ giấy A3)

CHƯƠNG 3: ỨNG DỤNG CHỮ TRONG TRANG TRÍ

9 tiết (3LT+ 3 BT+3TH)

1. Vai trò của chữ trong trang trí

2. Một số kiểu chữ chính

2.1. Chữ Baton (Ba tông)

2.2. Chữ Romain (Rô mạnh)

- 2.1. Phương pháp quan sát
- 2.2. PP trực quan
- 2.3. PP vấn đáp
- 2.4. PP gợi mở
- 2.5. PP luyện tập
- 2.6. PP liên hệ với thực tiễn
- 2.7. PP trò chơi
- 2.8. PP hợp tác nhóm

2.9. Phương pháp đánh giá học tập môn Mỹ thuật ở Tiểu học (Thông tư 22/2016. TT/BGDDT).

* *Tự học, tự NC*: Đọc và tìm hiểu các PPDH Mỹ thuật ở Tiểu học

CHƯƠNG 7: CÁCH SOẠN GIÁO ÁN VÀ TỔ CHỨC MỘT GIỜ DẠY MỸ THUẬT Ở TIỂU HỌC

8 tiết (4LT+1 BT+3TH)

1. Cách soạn giáo

1.1. Cách soạn cho giờ dạy theo PP trình bày viết bảng (chương trình mỹ thuật TH hiện hành và Mỹ thuật mới)

1.2. Cách soạn cho giờ dạy bằng công nghệ thông tin (chương trình mỹ thuật TH hiện hành và Mỹ thuật mới)

2. Cách tổ chức một giờ dạy Mỹ thuật ở Tiểu học

2.1. Tổ chức cho cả lớp vẽ chung

2.2. Tổ chức vẽ theo nhóm

2.3. Tổ chức cho học sinh xem băng hình

2.4. Tổ chức học sinh vẽ ngoài trời nếu có điều kiện (bài vẽ hoa, lá hoặc tranh phong cảnh)

3. Bài tập, thực hành: -Tập soạn giáo án

-Thực hành tập giảng

* *Tự học, tự NC*: Mỗi nhóm tập soạn 5 loại bài Mỹ thuật ở Tiểu học

4. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham dự đủ ít nhất 80% số tiết học theo chương trình (số tiết lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành vẽ, thực hành tập giảng theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy học giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm đọc tài liệu liên quan, cuối mỗi chương và cuối học phần bố trí thời gian hợp lý để giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ giá vẽ, bảng vẽ, các mẫu vẽ, bảng viết, máy chiếu, máy tính và bảng chiếu. Tài liệu học tập đầy đủ tại thư viện trường.

9.40. TOÁN HỌC TỰ CHỌN 3/MATHS OPTIONAL 3 (Chọn 1 trong 2 học phần)

a. LÝ THUYẾT ĐỒNG DƯ/Modular Arithmetic

- Mã học phần: 141063
- Số tín chỉ: 2TC (18; 18; 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Toán
- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, số học, PPDH toán TH 1, 2.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Trang bị cho sinh viên những khái niệm, tính chất và các hệ quả liên quan về: Đồng dư thức; hàm Ôle, định lý Ôle, định lý PhécMa; phương trình đồng dư một ẩn; hệ phương trình đồng dư một ẩn. Cách vận dụng lý thuyết đồng dư, định lý Ôle và định lý Fe để tìm được số dư trong phép chia và chứng minh sự chia hết của một phép chia, giải phương trình, hệ phương trình đồng dư một ẩn.

Năng lực đạt được:

Năng lực vận dụng kiến thức của học phần vào giải các bài toán ở trường phổ thông, các bài toán chia hết và chia có dư ở Tiểu học,...

Phát triển năng lực hợp tác thể hiện SV làm việc theo nhóm, cần sự hợp tác của các thành viên trong nhóm.

Phát triển năng lực học Toán bao gồm: năng lực tư duy logic, năng lực giải quyết vấn đề.

Có năng lực vận dụng các kiến thức vừa học để giải thích các vấn đề toán học ở phổ thông: Ứng dụng của đồng dư thức để giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn,...

Có khả năng tự học, tự nghiên cứu thông qua các nhiệm vụ được giáo viên giao.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sinh viên nắm được các khái niệm về: Đồng dư thức, định nghĩa và các điều kiện tương đương; hàm Ôle, định lý Ôle, định lý PhécMa; phương trình đồng dư một ẩn; hệ phương trình đồng dư một ẩn.

Sinh viên hiểu: Các tính chất và các hệ quả của đồng dư thức; Cách vận dụng lý thuyết đồng dư, định lý Ôle và định lý Fe để tìm được số dư trong phép chia và chứng minh sự chia hết của một phép chia, giải phương trình, hệ phương trình đồng dư một ẩn.

Sinh viên vận dụng các ứng dụng của đồng dư thức vào giải các bài toán trong chương trình Toán phổ thông; tìm được mối liên hệ giữa phương trình đồng dư một ẩn và phương trình vô định $ax + by = c$.

Áp dụng được những kiến thức về đồng dư thức vận dụng vào giải các bài toán ở trường phổ thông, các bài toán suy luận logic ở Tiểu học...

Vận dụng sáng tạo các kiến thức về phép chia hết, phép chia có dư, định lý Fecma, định lý Ôle,... trong dạy học môn Toán ở Tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

SV biết tìm: hệ thặng dư đầy đủ và thu gọn theo một mô đun cho trước; số dư trong phép chia một lũy thừa cho một số; hai, ba chữ số cuối cùng của một lũy thừa;

SV chứng minh: sự chia hết.

SV biết giải: phương trình đồng dư một ẩn; hệ phương trình đơn giản có đến 3 phương trình; Viết nghiệm của một phương trình cho trước dưới dạng khác; Kết hợp nghiệm của các phương trình trong một hệ phương trình.

SV biết biến đổi đồng dư thức theo các tính chất tương đương của đồng dư thức.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

9. Tài liệu tham khảo chính

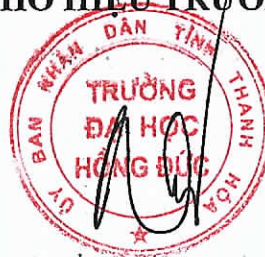
9.1. Giáo trình chính

[1]. Nguyễn Tiến Tài, Nguyễn Hữu Hoan (2008), *Lí thuyết đồng dư (Giáo trình đào tạo giáo viên trung học cơ sở)*, Dự án phát triển giáo viên Bộ giáo dục và đào tạo, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ môn Toán – Khoa GDTH – ĐHHĐ, *Bài giảng lí thuyết đồng dư*, 2016.
- [2]. Nguyễn Hữu Hoan (2007), *Lí thuyết số*, Bộ Giáo dục và Đào tạo- Dự án đào tạo giáo viên THCS, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

Phát huy tối đa khả năng sáng tạo thông việc thực hiện các hoạt động học tập;
Yêu thích môn học nói riêng và yêu thích học Toán nói chung.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Một số vấn đề chung về sáng tác bài toán ở TH (2LT: 3BT, TL: 2TH)

- 1.1. Ý nghĩa và tầm quan trọng của việc sáng tác bài toán ở TH
- 1.2. Định hướng sáng tác bài toán ở TH
- 1.3. Một số kĩ năng cần được rèn luyện để phát triển năng lực thực hành sáng tác bài toán ở TH

1.4. Một số yêu cầu khi sáng tác một bài toán

- *Kiểm tra bài 1:* Các vấn đề thuộc chương 1

Chương 2: Một số PP sáng tác bài toán ở TH (16LT: 15BT, TL: 4TH)

- 2.1. Sáng tác bài toán mới tương tự với bài toán đã giải
- 2.2. Sáng tác các bài toán ngược với bài toán đã giải
- *Kiểm tra bài 2:* Các vấn đề thuộc mục 2.1 và 2.2
- 2.3. Sáng tác bài toán bằng cách ghép nối các bài toán đơn, các bài toán điển hình lại với nhau
- 2.4. Sáng tác bài toán bằng cách khái quát hoá
- *Kiểm tra bài 3 (giữa kì):* Các vấn đề thuộc mục 2.3 và 2.4
- 2.5. Sáng tác bài toán từ một dãy tính gộp
- 2.6. Sáng tác bài toán dựa trên cách giải bằng dãy tính của 1 bài toán cũ
- *Kiểm tra bài 4:* Các vấn đề thuộc mục 2.5 và 2.6
- 2.7. Tóm tắt bài toán bằng bảng kẻ ô, sơ đồ, biểu đồ rồi dựa vào số liệu cho trong bảng, sơ đồ, biểu đồ đó để đặt bài toán mới
- 2.8. Sáng tác bài toán chứa những nội dung thực tế đã định trước
- *Kiểm tra bài 5:* Các vấn đề thuộc mục 2.7 và 2.8

4. Yêu cầu môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%

9.41. TIẾNG VIỆT (TỰ CHỌN 2)/VIETNAMESE LANGUAGE (OPTIONAL 2)

a. NGŨ PHÁP CHỨC NĂNG/Functional Grammar

- Mã học phần: 142020

- Số tín chỉ: 2TC (18; 18; 6)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương, Tiếng Việt 1, Tiếng Việt 2, Tiếng Việt 3, Rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ pháp chức năng, kiến thức về 3 bình diện của câu tiếng Việt: bình diện ngữ pháp, bình diện ngữ nghĩa, bình diện dụng học. Trên cơ sở đó, người học hiểu thêm về một hướng tiếp cận câu tiếng Việt nói riêng, các vấn đề về câu nói chung theo hướng mới, hiện đại, có năng lực miêu tả và giải thích cao.

Năng lực đạt được: Người học có kiến thức cơ bản về ngữ pháp chức năng, về 3 bình diện của câu (bình diện ngữ pháp, bình diện ngữ nghĩa, bình diện dụng học), vận dụng kiến thức vào việc nghiên cứu, dạy câu tiếng Việt theo hướng mới, hiện đại.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học có kiến thức khái quát về ngữ pháp chức năng, về 3 bình diện của câu (bình diện ngữ pháp, bình diện ngữ nghĩa, bình diện dụng học). Trên cơ sở đó thấy được sự phân biệt và mối quan hệ giữa 3 bình diện của câu, phân tích được cấu trúc cú pháp, cấu trúc nghĩa biểu hiện, cấu trúc đề thuyết của câu.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có kỹ năng nhận diện câu, cú, sự tình, các vai nghĩa, các tham thế, kỹ năng phân tích cấu trúc cú pháp, cấu trúc nghĩa biểu hiện, cấu trúc đề thuyết của câu. Có kỹ năng học tập tích cực như: kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đọc tài liệu tham khảo

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức vận dụng những lý thuyết mới, hiện đại vào nghiên cứu câu nói chung, câu tiếng Việt nói riêng có ý thức bồi dưỡng tình yêu Tiếng Việt.

3. Nội dung chi tiết học phần

Học phần giới thiệu một cách tổng quan về ngữ pháp chức năng đồng thời bước đầu vận dụng lý thuyết của ngữ pháp chức năng vào nghiên cứu câu tiếng Việt. Cụ thể: Học phần có 4 chương. Chương 1- Dẫn luận một số vấn đề về ngữ pháp chức năng (Gồm: Khái niệm về ngữ pháp chức năng – Sơ lược các giai đoạn nghiên cứu ngữ pháp trên thế giới – Giới thiệu 2 tác giả tiêu biểu nghiên cứu ngữ pháp chức năng: Dik và Halliday; Đơn vị câu trong ngữ pháp chức năng). Chương 2 – Bình diện ngữ pháp của câu tiếng Việt (Gồm: Tiêu chí xác định thành phần câu - hệ thống thành phần câu; Các kiểu câu tạo ngữ pháp của câu). Chương 3- Bình diện ngữ nghĩa của câu tiếng Việt (Gồm: Các thành tố nghĩa của câu; Phân loại câu theo nghĩa miêu tả). Chương 4 - Bình diện ngữ dụng của câu tiếng Việt (Gồm: Sự hiện thực hoá cấu trúc ngữ pháp của câu trong phát ngôn. Mục đích nói và hành động ngôn ngữ. Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu; Cấu trúc thông tin của câu)

Chương 1: Dẫn luận một số vấn đề về ngữ pháp chức năng (4LT: 1BT, TL)

1. Ngữ pháp chức năng là gì?

1.1. Sơ lược về các giai đoạn nghiên cứu ngữ pháp trên thế giới

Chương 4. Bình diện dụng học của câu Tiếng Việt (4LT: 6BT, TL: 2TH)

1. Sự hiện thực hoá cấu trúc ngữ pháp của câu trong phát ngôn

- Phân biệt câu và phát ngôn
- Sự hiện thực hoá cấu trúc câu trong phát ngôn

2. Mục đích nói và hành động ngôn ngữ

2.1. Mục đích nói của câu trong giao tiếp

- Câu tường thuật
- Câu nghi vấn
- Câu cảm thán.
- Câu cầu khiến

2.3. Hành động nói và cách thực hiện hành động nói

- Khái niệm hành động nói
- Các thực hiện hành động nói

2.4 - Câu ngôn hành

- Khái niệm câu ngôn hành
- Đặc điểm câu ngôn hành

3. Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu

3.1. Nghĩa tường minh

- Khái niệm nghĩa tường minh
- Đặc điểm nghĩa tường minh

3.2. Nghĩa hàm ẩn

- Khái niệm nghĩa hàm ẩn
- Đặc điểm nghĩa hàm ẩn

3.3. Mối quan hệ giữa nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

4. Cấu trúc thông tin trong câu

4.1. Cấu trúc đề – thuyết

4.2. Cấu trúc tin cũ – tin mới

4. Yêu cầu môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%

b. LÝ THUYẾT HỘI THOẠI/Conversational Theories

- Mã học phần: 142020

- Số tín chỉ: 2TC (18; 18; 6)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương, Tiếng Việt 1, Tiếng Việt 2, Tiếng Việt 3, Ngữ pháp chức năng..

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần gồm 4 chủ đề chính: Khái quát về hội thoại, hành vi ngôn ngữ, lập luận trong ngôn bản; nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn; từ đó, người học có thể hiểu vận dụng giải quyết các vấn đề cơ bản về trong quá trình học tập và nghiên cứu cũng như trong việc vận dụng kiến thức liên quan đến giảng dạy môn tiếng Việt ở trường tiểu học.

Năng lực đạt được: Người học có năng lực tự học, tự tích lũy các kiến thức về hội thoại; Có năng lực vận dụng kiến thức hội thoại trong giảng dạy môn Tiếng Việt trong trường tiểu học; Có năng lực hướng dẫn cho học sinh tiểu học kỹ năng giao tiếp, xây dựng cuộc thoại, phân tích nghĩa của từ, câu trong ngữ cảnh; Có năng lực đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt của học sinh tiểu học.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học hiểu biết một cách hệ thống kiến thức cơ bản về hội thoại, về hành vi ngôn ngữ, về lập luận trong ngôn bản, về nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn. Trên cơ sở đó, người học vận dụng kiến thức vào dạy tiếng Việt ở trường Tiểu học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có kỹ năng nhận diện diện các yếu tố của cấu trúc hội thoại, nhận diện các hành vi ngôn ngữ, lập luận trong ngôn bản, nhận diện nghĩa tường minh, phân tích nghĩa hàm ẩn. Có kỹ năng học tập tích cực như: kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đọc tài liệu tham khảo..

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức vận dụng lý thuyết hội thoại vào dạy tiếng Việt ở tiểu học, có ý thức giữ gìn sự giàu đẹp của tiếng Việt; bồi dưỡng tình yêu tiếng Việt.

3. Nội dung chi tiết học phần

Học phần hệ thống hóa lý thuyết hội thoại với các vấn đề như: khái quát chung về hội thoại, cấu trúc hội thoại, quy tắc hội thoại, lập luận, các hành vi ngôn ngữ, đồng thời gắn lý thuyết hội thoại với việc thực hành xây dựng kỹ năng giao tiếp cho học sinh Tiểu học.

Chương 1: Khái quát về hội thoại (8LT: 7BT, TL: 3TH)

1. Khái niệm hội thoại
2. Các vận động hội thoại
3. Cấu trúc hội thoại
4. Các nguyên tắc hội thoại
5. Các đơn vị hội thoại

Chương 2 . Hành vi ngôn ngữ (6LT: 5BT, TL: 1TH)

1. Khái niệm
2. Phát ngôn ngữ vi, biểu thức ngữ vi và động từ ngữ vi
3. Hành vi ở lời trực tiếp
4. Hành vi ở lời gián tiếp

9.42. VĂN HỌC TỰ CHỌN (LITERATURE OPTIONAL) (CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN)

a. THI PHÁP VĂN HỌC DÂN GIAN/Traditional literature

- Mã học phần: 142035
- Số tín chỉ: 2TC (18; 18; 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương, Tiếng Việt 1, Tiếng Việt 2, PPDHTV, Văn học 1, Văn học 2.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về thi pháp văn học dân gian như: Thi pháp truyện thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, ca dao.

Năng lực đạt được: Người học có những kiến thức chung về thi pháp văn học dân gian như: Thi pháp truyện thần thoại, truyện cổ tích, ca dao; Hiểu và cảm thụ được tác phẩm văn học dân gian trên hai phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật; vận dụng lí thuyết tiếp nhận văn học dân gian vào quá trình học tập, nghiên cứu, dạy học môn Tiếng Việt ở trường tiểu học.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học có những kiến thức chung về thi pháp văn học dân gian, hiểu và cảm thụ được tác phẩm văn học dân gian trên hai phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có năng lực cảm thụ, phân tích tác phẩm văn học dân gian; có kỹ năng học tập tích cực như: kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đọc tài liệu tham khảo.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học; yêu thích, cảm nhận vẻ đẹp các tác phẩm văn học dân gian Việt Nam.

3. Nội dung chi tiết học phần

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về thi pháp văn học dân gian Việt Nam như: Thi pháp truyện thần thoại, thi pháp truyền thuyết, thi pháp truyện cổ tích, thi pháp ca dao.

Chương 1: Giới thiệu chung về thi pháp (4LT: 3BT, TL)

1. Khái niệm chung về thi pháp và thi pháp học
2. Thi pháp học ở Trung Quốc, Pháp, Nga và ảnh hưởng của nó đối với thi pháp Việt Nam
3. Tình hình nghiên cứu thi pháp nói chung và thi pháp văn học dân gian nói riêng ở Việt Nam.

Chương 2: Khái quát về thi pháp truyện dân gian (6LT: 6BT, TL: 3TH)

1. Thi pháp truyện thần thoại
2. Thi pháp truyện truyền thuyết
3. Thi pháp truyện cổ tích

Chương 3: Khái quát về thi pháp ca dao (8LT: 9BT, TL: 3TH)

1. Ngôn ngữ

b. VĂN HỌC 3/Literature 3LITERATURE 3

- Mã học phần: 142044
- Số tín chỉ: 2TC (18; 18; 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Văn học 1, Văn học 2.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tác giả và tác phẩm tiêu biểu: Võ Quảng với thơ và truyện, tiểu thuyết; Phạm Hồ với thơ và truyện, và Đoàn Giỏi với tác phẩm Đất rừng phương Nam; từ đó, người học có thể hiểu vận dụng giải quyết các vấn đề cơ bản về văn học thiếu nhi trong quá trình học tập và nghiên cứu cũng như trong việc vận dụng kiến thức liên quan đến giảng dạy môn tiếng Việt ở trường tiểu học.

Năng lực đạt được: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản về ba tác giả văn học thiếu nhi, cụ thể là tác giả Võ Quảng, Phạm Hồ và Đoàn Giỏi; phân tích được các tác phẩm tiêu biểu của ba tác giả về giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật, đánh giá được vị trí của ba tác giả đối với quá trình phát triển văn học thiếu nhi nói riêng và văn học Việt Nam nói chung.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học hiểu biết một cách hệ thống kiến thức cơ bản về ba tác giả tiêu biểu của dòng văn học thiếu nhi, đó là Võ Quảng với thơ và truyện, Phạm Hồ với nghệ thuật thơ, Võ Quảng với tác phẩm Đất rừng phương Nam. Trên cơ sở phân tích một số tác phẩm của ba tác giả, người học sẽ có một sự hiểu biết sâu rộng và hệ thống kiến thức cơ bản về văn học thiếu nhi, từ đó vận dụng kiến thức vào dạy tiếng Việt ở trường Tiểu học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Biết phân tích, đánh giá các tác phẩm viết cho thiếu nhi. Phát hiện được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn học thiếu nhi nói chung, thơ truyện cho trẻ nói riêng.

Có kỹ năng học tập tích cực như: kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đọc tài liệu tham khảo.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, có tác phong sư phạm chuẩn mực, có tinh thần trong hợp tác làm việc.

Chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập trong và ngoài lớp của học phần.

3. Nội dung chi tiết học phần

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về văn học thiếu nhi thông qua ba tác giả và tác phẩm tiêu biểu: Võ Quảng với thơ và truyện, Phạm Hồ với thơ và truyện, Đoàn Giỏi với tác phẩm Đất rừng phương Nam

Chương 1: Tác giả Võ Quảng (6LT: 4BT, TL: 2TH)

1. Giới thiệu về tác giả

1.1. Cuộc đời

1.2. Sự nghiệp sáng tác

2. Thơ của Võ Quảng viết cho trẻ em

2.1. Thế giới thiên nhiên qua thơ Võ Quảng

2.2. Những bài học đầu tiên về cuộc sống qua thơ Võ Quảng

9. Tài liệu tham khảo chính

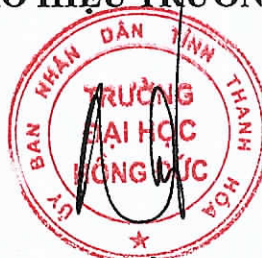
9.1. Giáo trình chính

- [1]. Lã Thị Bắc Lý (2005), *Giáo trình Văn học trẻ em*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
- [2]. Lã Thị Bắc Lý (2000), *Truyện viết cho thiếu nhi sau 1975*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

- [1]. Phong Lê (1998), *Tuyển tập Võ Quảng*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [2]. Phạm Hồ (1999), *Tuyển tập Phạm Hồ*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [3]. Đoàn Giỏi (2015), *Đất rừng phương Nam*, tái bản, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
- [4]. Vân Thanh (1999), *Phác thảo văn học thiếu nhi Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

Chương II: Nhóm kỹ năng giáo dục (0LT: 18TH)

1. Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức sinh hoạt lớp.
2. Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức hoạt động theo chủ đề.
3. Kỹ năng lập kế hoạch và triển khai họp phụ huynh.
4. Kỹ năng lập kế hoạch tìm hiểu hoàn cảnh, phẩm chất, tính cách HS.
5. Kỹ năng lập kế hoạch và triển khai giáo dục học sinh cá biệt

Chương III: Nhóm kỹ năng xử lý tình huống sư phạm (0LT: 18TH)

1. Kỹ năng nhận diện tình huống trong dạy học và giáo dục.
2. Kỹ năng phân loại tình huống trong dạy học và giáo dục.
3. Kỹ năng phân tích tình huống trong dạy học và giáo dục.
4. Kỹ năng giải quyết tình huống trong dạy học và giáo dục

4. Yêu cầu môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Nguyễn Việt Bắc (chủ biên) (2007), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên* (Tài liệu đào tạo giáo viên tiểu học trình độ cao đẳng và đại học), Nxb Giáo dục.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Phạm Trung Thanh (Chủ biên) (2007), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên* (Giáo trình dùng cho các trường CĐSP). Nxb ĐHSP.

[2] Trần Thị Tuyết Oanh (Chủ biên) (2006), *Giáo trình Giáo dục học Tập 1,2*, NXB ĐHSP.

[3]. Hoàng Anh (2003), *300 tình huống giao tiếp sư phạm*, NXB Giáo dục

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

đầu vươn lên trong học tập với tinh thần say mê, sáng tạo để trở thành người Phụ trách đội giỏi trong tương lai.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC ĐỘI THIẾU NIÊN TIỀN PHONG HỒ CHÍ MINH 9 tiết (6 LT; 3 TH)

1. Tóm tắt lịch sử Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh.

1.1. Quá trình thành lập Đội.

1.2. Hoạt động của Đội từ ngày thành lập đến nay.

2. Mục đích, tính chất, nhiệm vụ của Đội

2.1. Mục đích.

2.2. Tính chất.

2.3. Nhiệm vụ

3. Hệ thống tổ chức Đội.

3.1. Cơ sở tổ chức Đội.

3.2. Cấp liên đội, chi đội, phân đội

3.3. Nhi đồng ở trường tiểu học

3.4. Hội đồng đội các cấp

Chương II: NGHI THỨC ĐỘI THIẾU NIÊN TIỀN PHONG HỒ CHÍ MINH

18 tiết (3 LT; 15 TH)

1. Khái niệm nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh

2. Ý nghĩa, vai trò, tác dụng của nghi thức Đội

3. Các biểu trưng nghi thức Đội.

4. Một số quy định chung về nghi thức Đội.

5. Những kỹ năng cơ bản đối với người đội viên

5.1. Hát thuộc, hát đúng Quốc ca, Đội ca, một số bài hát truyền thống và bài hát sinh hoạt tập thể.

5.2. Thắt, tháo khăn quàng đỏ.

5.3. Chào kiểu đội viên thiếu niên tiên phong.

5.4. Cầm cờ, giương cờ, vác cờ, kéo cờ.

5.5. Hô, đáp khẩu hiệu Đội.

5.6. Các động tác cá nhân tại chỗ và di động.

5.7. Đánh các bài trống quy định của Đội.

6. Chỉ huy nghi thức Đội.

6.1. Vai trò của chỉ huy nghi thức Đội

6.2. Quy định đối với chỉ huy nghi thức Đội.

7. Đội hình - Đội ngũ.

7.1. Đội hình.

7.2. Đội ngũ

8. Nghi lễ của Đội TNTP HCM.

8.1. Lễ chào cờ

8.2. Lễ kết nạp đội viên

7. Trang thiết bị

Phòng học, sân bãi đủ rộng để chia nhóm thực hành, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện; dụng cụ của Đội như: Trống thiếu nhi, cờ Đội; khăn quàng đỏ...

8. Phương pháp đánh giá môn học.

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Bùi Sĩ Tụng (2005), Phương pháp giảng dạy môn Công tác đội, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Bùi Sĩ Tụng (2000), Nghi thức và những hoạt động nghiệp vụ của Đội, Nxb Giáo dục, Hà Nội

[2]. Hà Nhật Thăng (2004), Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường THCS và Tiểu học, Nxb Giáo dục, Hà Nội

[3]. Trần Hoàng Trung (2004), Kỹ năng thiết kế các mô hình hoạt động thanh thiếu niên, Nxb Thanh niên

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học hòa nhập, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

2. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. GIÁO DỤC HOÀ NHẬP CHO TRẺ KHUYẾT TẬT (4LT: 6BT, TL)

- 1.1. Khái niệm về giáo dục hoà nhập
- 1.2. Bản chất của giáo dục hoà nhập
- 1.3. Tính tất yếu của giáo dục hoà nhập
- 1.4. Vai trò của giáo dục hoà nhập
- 1.5. Quy trình giáo dục hoà nhập

Chương 2. DẠY HỌC HOÀ NHẬP CHO TRẺ KHUYẾT TẬT (5LT: 5BT, TL)

- 2.1. Những nguyên tắc cơ bản của dạy học hoà nhập
- 2.2. Điều chỉnh chương trình dạy học phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ khuyết tật
- 2.3. Học hợp tác nhóm trong dạy học hoà nhập
- 2.4. Thiết kế và tiến hành bài học hoà nhập có hiệu quả

Chương 3. HỖ TRỢ GIÁO DỤC HOÀ NHẬP (3LT: 3BT, TL)

- 3.1. Nhóm bạn bè
- 3.2. Nhóm hỗ trợ cộng đồng
- 3.3. Quản lý giáo dục hoà nhập trong nhà trường

Chương 4. GIÁO DỤC HOÀ NHẬP CHO TRẺ KHIẾM THỊ (2LT: 4BT, TL)

- 4.1. Phương tiện dạy học cho học sinh khiếm thị
- 4.2. Phương pháp và phương tiện dạy học đặc thù các phân môn trong chương trình tiểu học

Chương 5. GIÁO DỤC HOÀ NHẬP CHO TRẺ CHẬM PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ (2LT: 3BT, TL)

- 5.1. Kỹ thuật dạy học cho trẻ CPTTT
- 5.2. Đánh giá kết quả giáo dục trẻ CPTTT

Chương 6. GIÁO DỤC HOÀ NHẬP CHO TRẺ KHIẾM THÍNH (2LT: 3BT, TL)

- 6.1. Giao tiếp của trẻ khiếm thính
- 6.2. Hướng dẫn trẻ khiếm thính lĩnh hội khái niệm

d. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM Ở TIỂU HỌC/Organize Experiential Activities in Elementary School

- Mã học phần: 182059
- Số tín chỉ: 2TC (18;24)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học Tiểu học

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần gồm một số vấn đề chung về hoạt động trải nghiệm ở tiểu học: các khái niệm cơ bản về hoạt động trải nghiệm, vị trí, vai trò của hoạt động trải nghiệm, đặc điểm của hoạt động trải nghiệm; Phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm; Thiết kế các hoạt động trải nghiệm và đánh giá kết quả các hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.

Năng lực đạt được: Sau khi học xong học phần người học hiểu và nắm vững được những kiến thức cơ bản về hoạt động trải nghiệm, có năng lực và một số năng lực đặc thù của hoạt động này, như: năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm, năng lực đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học, năng lực định hướng nghề nghiệp, năng lực thích ứng với những biến động trong cuộc sống và các kỹ năng sống khác. Có năng lực phối hợp các lực lượng giáo dục.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học nắm vững kiến thức cơ bản về hoạt động trải nghiệm ở tiểu học, hiểu rõ vị trí, vai trò của hoạt động trải nghiệm và đặc điểm của hoạt động trải nghiệm. Nắm vững các phương pháp và các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, thiết kế và tổ chức được các hoạt động trải nghiệm ở tiểu học và đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm của sinh viên.

2.1. Mục tiêu về kỹ năng

Có kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển phẩm chất, năng lực người học; Kỹ năng đánh giá, phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường. Kỹ năng độc lập thực hiện các hoạt động trải nghiệm.

2.1. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức rèn luyện kỹ năng mềm, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM (6LT: 6BT, TL)

1. Một số khái niệm cơ bản

1.1. Trải nghiệm

1.2. Hoạt động trải nghiệm

1.3. Hoạt động trải nghiệm trong nhà trường tiểu học

1.3.1. Hoạt động trải nghiệm trong môn học

1.3.2. Hoạt động trải nghiệm với vai trò là hoạt động giáo dục

2. Vị trí vai trò của hoạt động trải nghiệm

3. Đặc điểm của hoạt động trải nghiệm

4. Mục tiêu của hoạt động trải nghiệm

5. Chương trình, nội dung của hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên) (2019), *Hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chương trình giáo dục phổ thông mới*, NXB ĐHSP.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên) (2017), *Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học*, NXB Giáo dục.

[2]. Chương trình hoạt động trải nghiệm 2018, Bộ GDĐT.

[3]. Đinh Thị Kim Thoa và các tác giả (2015), *Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường tiểu học*, NXB ĐHSP.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

SV phải làm đề cương trước khi dự giờ, tiến hành ghi chép trên phiếu dự giờ (theo mẫu), dự giờ xong phải tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm.

e. Sinh viên tập giảng trong nhóm và trước lớp

- Mỗi sinh viên đăng ký để soạn 01 giáo án tương đương 01 tiết dạy, nghiên cứu tài liệu chuyên môn, soạn giáo án dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn;

- Tập giảng trong nhóm theo giáo án đã được chuẩn bị để nhóm rút kinh nghiệm, góp ý, bổ sung trên cơ sở đó, lựa chọn một sinh viên có khả năng dạy tốt nhất đại diện cho nhóm giới thiệu với giáo viên hướng dẫn;

- Tập giảng trên lớp: Sau khi được lựa chọn, giáo án giờ dạy của giáo sinh đại diện của nhóm phải được giáo viên hướng dẫn ký duyệt 02 ngày trước khi lên lớp và thực hiện tập giảng theo quy định của trường kiến tập.

* Cuối đợt kiến tập giảng dạy, sinh viên viết thu hoạch cá nhân (cho các mục a., b., và c.) nộp cho GV hướng dẫn. GV đánh giá bài thu hoạch và các tiết dự giờ của SV để cho điểm phần kiến tập giảng dạy (theo mẫu: Phụ lục 5).

2. Kiến tập chủ nhiệm (KTCN)

a. Tìm hiểu về nội dung công việc của người giáo viên chủ nhiệm lớp; nội dung, kế hoạch thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, thông qua giáo viên lên lớp dự giờ kiến tập chủ nhiệm; tìm hiểu về tình hình hoạt động của nhà trường; tìm hiểu hồ sơ sổ sách của nhóm lớp, của cá nhân học sinh; đối với sinh viên các ngành KTSP tại trường Tiểu học: Dự 3 tiết sinh hoạt chủ nhiệm ở lớp được phân công tại trường TT; dự các buổi sinh hoạt lớp và các buổi sinh hoạt Đoàn, Đội, các buổi sinh hoạt ngoại khóa và văn thể do giáo viên chủ nhiệm chủ trì.

b. Tìm hiểu về hồ sơ công tác chủ nhiệm lớp, cách đánh giá học lực, thể lực, hạnh kiểm của học sinh, thông qua lớp dự giờ giờ kiến tập chủ nhiệm.

SV phải làm đề cương trước khi dự giờ, tiến hành ghi chép trên phiếu dự giờ (theo mẫu), dự giờ xong phải tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm.

* Cuối đợt kiến tập chủ nhiệm, sinh viên viết thu hoạch cá nhân (cho các mục a, b) nộp cho GV hướng dẫn. GV đánh giá bài thu hoạch và các tiết dự giờ sinh hoạt chủ nhiệm để cho điểm phần kiến tập chủ nhiệm (theo mẫu: Phụ lục 6).

4. Yêu cầu đối với môn học

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các qui định tại Quyết định Số 1435/QĐ-ĐHHD ngày 24 tháng 9 năm 2020, về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức

- Chấp hành tốt nội qui qui định của Trường đến thực tập.

5. Phương pháp:

Tìm hiểu, quan sát, theo dõi, thảo luận thực hành theo nhóm tại trường đến kiến tập.

6. Kế hoạch tư vấn

Trước khi sinh viên đi kiến tập, giảng viên phụ trách nghiệp vụ có trách nhiệm lập kế hoạch tư vấn cho sinh viên, giảng viên dạy môn học có liên quan có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc, tìm hiểu tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố

9.45. THỰC TẬP SƯ PHẠM/Final practice

- Số TC: 5 TC

- Mã học phần: 141060

- Đơn vị phụ trách: Khoa Giáo dục Tiểu học

- Điều kiện tiên quyết: Đã học xong các học phần chuyên ngành giáo dục tiểu học

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Các hoạt động tìm hiểu thực tế địa phương; Tìm hiểu thực tế giáo dục. Thực tập dạy học và các hoạt động giáo dục ở trường Tiểu học trên cơ sở chuẩn nghề nghiệp GVTH; Sinh viên thực hiện các nhiệm vụ như GVTH ở cơ sở thực tập.

Năng lực đạt được: Tìm hiểu thực tế cơ sở thực tập ở các Trường Tiểu học (Cơ cấu tổ chức, tình hình giảng dạy và phát triển của cơ sở) và thực hành các kỹ năng nghề nghiệp của người Giáo viên Tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

Sau hoàn thành học phần TTSP, SV phải đạt được các mục tiêu sau:

- Hoàn thiện những kỹ năng về công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục, nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp.

- Tích lũy và rèn luyện kỹ năng cơ bản về soạn bài, lên lớp; tổ chức bài giảng; đánh giá kết quả học tập và giáo dục của học sinh.

- Giảng dạy và làm chủ nhiệm lớp một cách độc lập.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Trong thời gian TTSP, SV phải thực hiện và hoàn thành các nội dung sau:

3.1. Tìm hiểu thực tế việc dạy học ở trường thực tập

a. SV viết bài thu hoạch về tìm hiểu thực tế giáo dục ở trường TT (theo mẫu) sau khi nghe trường TT báo cáo về tình hình cơ cấu tổ chức hoạt động, nhiệm vụ năm học của nhà trường; chủ trương, biện pháp đổi mới công tác quản lý dạy- học của ngành; kinh nghiệm giảng dạy của giáo viên trong trường; tình hình địa phương nơi trường đóng; các hoạt động khác của nhà trường và hoạt động của các đoàn thể cùng tham gia công tác giáo dục...; những chức năng, nhiệm vụ cơ bản của giáo viên...

b. SV nghiên cứu nội dung, chương trình giáo dục phổ thông, tiểu học, phương pháp dạy học và các tài liệu liên quan, phòng bộ môn, ... và thiết bị dạy học; nắm tình hình thực hiện chương trình và dạy học bộ môn cụ thể ở trường thực tập.

Nội dung này do Trường Ban chỉ đạo hoặc người được ủy quyền đánh giá.

3.2. Thực tập giảng dạy

a. Trong suốt thời gian thực tập giảng dạy (TTGD) mỗi SV được một giáo viên của trường TT hướng dẫn.

b. Số tiết thực tập giảng dạy của một SV trong toàn đợt, được quy định như sau:

- Ở trường Tiểu học: 08 tiết, thực tập giảng dạy nhiều môn, riêng môn Toán và tiếng Việt phải giảng tập nhiều khối lớp.

c. Giáo án lên lớp phải đạt các yêu cầu sau:

Trong đó: Dự giờ dạy mẫu của giáo viên: 1-2 tiết; Số còn lại dự giờ của SV cùng ngành.

b. SV phải nghiên cứu và làm đề cương bài dạy trước khi dự giờ, ghi nhận xét dự giờ vào sổ TTSP. Đây là cơ sở để GVHD đánh giá về năng lực giảng dạy của mỗi SV.

c. Sau khi dự giờ, cùng dự họp với GVHD để rút kinh nghiệm.

4. Yêu cầu đối với môn học

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các qui định tại Quyết định Số 1435/QĐ-ĐHHĐ ngày 24 tháng 9 năm 2020, về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức

- Chấp hành tốt nội qui định của Trường đến thực tập.

5. Phương pháp:

Tìm hiểu, quan sát, theo dõi, thảo luận, thực hành cá nhân, thực hành theo nhóm tại trường đến kiến tập.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trước khi sinh viên đi thực tập, giảng viên phụ trách nghiệp vụ có trách nhiệm lập kế hoạch tư vấn cho sinh viên, hướng dẫn sinh viên đọc, tìm hiểu tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên. Trong quá trình thực tập của sinh viên nếu có vấn đề phát sinh phải phối hợp với trường sở tại để giải quyết.

7. Phương pháp đánh giá môn học

7.1. Điểm thành phần của nội dung thực tập sư phạm

a. Điểm tìm hiểu thực tế giáo dục tại trường thực tập (THTTGD): Đánh giá việc THTTGD của SV qua bài thu hoạch về nội dung này (theo mẫu), theo thang điểm 10.

b. Điểm thực tập giảng dạy

- Đánh giá toàn bộ công tác TTGD, gồm các tiết lên lớp, dự giờ của SV cùng ngành, các hoạt động giảng dạy khác và căn cứ tiêu chí và thang điểm đã được quy định (theo mẫu), theo thang điểm 10.

- Trông đánh giá lưu ý đến phần kiến thức cơ bản và đổi mới phương pháp dạy học bộ môn, sử dụng thiết bị - đồ dùng dạy học. Nếu sai kiến thức cơ bản hoặc chỉ dùng phương pháp thuyết trình và đọc chép thì giờ giảng đó chỉ ở mức tối đa là trung bình.

- Công thức tính điểm:

Điểm TTGD = Trung bình cộng các tiết lên lớp có đánh giá.

c. Điểm thực tập chủ nhiệm

Đánh giá từng tuần thực tập, theo thang điểm 10. Đánh giá theo nhóm và khả năng từng SV để tính điểm cho mỗi SV. Được thực hiện hằng tuần, và căn cứ tiêu chí và thang điểm đã được quy định (theo mẫu) để đánh giá, gồm 3 phần:

- Khả năng làm kế hoạch, tổ chức chỉ đạo.
- Khả năng thực hiện chức năng nghiệp vụ của người giáo viên.
- Hiệu quả của công tác thực tập chủ nhiệm.

9.47. HỌC PHẦN THAY THẾ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

a1. BỒI DƯỠNG TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH NĂNG KHIẾU/Fostering the Vietnamese language for Students who have gifted

- Mã học phần: 142061

- Số tín chỉ: 3TC (27; 30; 6)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương, Tiếng Việt 1, Tiếng Việt 2, Tiếng Việt 3, Rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt, PPDH Tiếng Việt, Ngữ pháp chức năng, Văn học 1, Văn học 2, Văn học 3.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần gồm 5 chủ đề chính cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp bồi dưỡng HSG nói chung và HSG môn Tiếng Việt ở trường Tiểu học, bao gồm các kiến thức về đặc điểm tâm sinh lý, đặc điểm tư duy, cảm xúc, các kiến thức về phương pháp bồi dưỡng học sinh giỏi liên quan đến chữ viết và chính tả chữ Việt, Luyện từ và câu, Đọc hiểu văn bản văn học, Tập làm văn và các tri thức khác trong văn học và cuộc sống.

Năng lực đạt được: Người học có kiến thức về phương pháp bồi dưỡng HSG môn Tiếng Việt ở Tiểu học; bao gồm những kiến thức chung về nguyên tắc, nhiệm vụ, phương pháp bồi dưỡng; các kiến thức và kỹ năng về chữ viết, chính tả chữ Việt, Luyện từ và câu, đọc hiểu và cảm thụ văn bản văn học, tập làm văn và các tri thức khác trong văn học và cuộc sống; từ đó, người học hình thành năng lực hướng dẫn học sinh thực hiện các bài tập nâng cao; soạn bài và dạy học tốt môn Tiếng Việt theo quan điểm phân hóa để thực hiện bồi dưỡng HSG một cách thường xuyên.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học hiểu biết một cách khái quát về công tác bồi dưỡng học sinh giỏi môn tiếng Việt ở tiểu học, kiến thức về viết chữ đẹp, tiếp nhận ngôn bản, viết văn bản và nâng cao tiếng Việt trong bồi dưỡng học sinh giỏi môn tiếng Việt ở tiểu học, tri thức văn học và cuộc sống để bồi dưỡng học sinh giỏi môn tiếng Việt ở tiểu học, vận dụng kiến thức vào dạy tiếng Việt ở trường Tiểu học theo quan điểm phân hóa.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có kỹ năng phát hiện, hướng dẫn, bồi dưỡng học sinh giỏi, kỹ năng viết chữ đẹp, kỹ năng tiếp nhận ngôn bản, kỹ năng giải quyết các bài tập Tiếng Việt nâng cao, kỹ năng đánh giá sự phát triển, tiến bộ và kết quả học tập môn Tiếng Việt của HSG. Có kỹ năng học tập tích cực như: kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đọc tài liệu tham khảo

2.3. Mục tiêu về thái độ

Hình thành thái độ nghiêm túc, khoa học trong phát hiện và bồi dưỡng HSG môn Tiếng Việt ở TH; Bồi dưỡng tình yêu, sự hứng thú đối với công tác bồi dưỡng HSG môn Tiếng Việt ở Tiểu học; Hình thành thái độ tích cực chia sẻ kinh nghiệm và tri thức với đồng nghiệp trong công tác bồi dưỡng HSG.

3.2. Nội dung rèn luyện kĩ năng viết chữ cho HSG lớp 4 -5

3.3. Phương pháp rèn luyện kĩ năng viết chữ đẹp lớp 4 - 5

Chương 3: : Rèn luyện kĩ năng tiếp nhận ngôn bản (đọc –hiểu, nghe –hiểu), trả lời câu hỏi cho học sinh giỏi tiểu học (4LT: 4BT,TL: 0TH)

1. Những câu hỏi về nội dung ngôn bản
2. Những câu hỏi về nghệ thuật của văn bản văn học
3. Câu hỏi phát huy cảm thụ cá nhân về cái hay, cái đẹp thuộc nội dung, nghệ thuật

Chương 4: Rèn luyện kĩ năng viết văn bản cho học sinh giỏi tiểu học (6LT: 9BT,TL: 2TH)

1. Rèn luyện kĩ năng làm văn miêu tả
2. Rèn kĩ năng làm văn kể chuyện
3. Rèn luyện kĩ năng làm văn thuyết minh (Giới thiệu)
4. Rèn luyện kĩ năng làm văn biểu cảm
5. Rèn kĩ năng làm văn biểu cảm văn học

Chương 5: Nâng cao kiến thức Tiếng Việt cho học sinh giỏi tiểu học (7LT: 8BT,TL: 2TH)

1. Một số kiến thức nâng cao về âm, vần và chính tả
 - 1.1. Kiến thức về âm, vần; các dạng bài tập nâng cao
 - 1.2. Kiến thức về chính tả; các dạng bài tập nâng cao
2. Một số kiến thức và bài tập nâng cao về từ và câu
 - 2.1. Nhận diện từ: phân biệt từ và tiếng, từ và ngữ; tạo lập từ ngữ và sử dụng từ ngữ
 - 2.2. Nghĩa của từ và sự chuyển nghĩa của từ; sử dụng từ theo lối chuyển nghĩa
 - 2.3. Nhận diện từ đơn và từ phức; tạo lập từ phức
 - 2.4. Nhận diện câu đơn, câu ghép; tạo lập câu đơn, câu ghép
 - 2.5. Nhận diện câu phân theo mục đích nói
3. Một số kiến thức nâng cao về tu từ và phong cách ngôn ngữ
 - 3.1. Nhân hóa
 - 3.2. So sánh
 - 3.3. Ngôn ngữ văn hóa và lời nói miệng hằng ngày
4. Một số kiến thức nâng cao về ngữ dụng
 - 4.1. Nói lời cảm ơn, xin lỗi, đề nghị, yêu cầu; tạo lập câu hỏi theo những mục đích nói khác nhau
 - 4.2. Viết thư
 - 4.3. Viết đơn, biên bản hội nghị
4. Yêu cầu môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

a2. KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC/Knowledge of Vietnamese language in elementary school

- Mã học phần: 142050
- Số tín chỉ: 3TC (27,30,6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương, Tiếng Việt 1, Tiếng Việt 2, Tiếng Việt 3, Văn học 1, Văn học 2, Văn học 3, Rèn luyện kĩ năng sử dụng tiếng Việt, PPDH Tiếng Việt, Ngữ pháp chức năng.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần giúp cho người học khái quát một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về nội dung dạy học Tiếng Việt trong CT Tiếng Việt ở tiểu học; hệ thống hóa các tri thức cơ bản của Tiếng Việt, phân tích được sự thể hiện của chúng trong chương trình SGK Tiếng Việt ở tiểu học; từ đó, người học có thể hiểu vận dụng để hiểu thêm về kiến thức Việt ngữ học, chương trình SGK Tiếng Việt ở tiểu học trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Năng lực đạt được: Người học khái quát được kiến thức chung về Tiếng Việt, bao gồm: kiến thức ngữ âm học, kiến thức từ vựng ngữ nghĩa học, ngữ pháp tiếng Việt, phong cách học tiếng Việt; khái quát được chương trình SGK Tiếng Việt ở tiểu học. Trên cơ sở đó, phân tích và vận dụng kiến thức tiếng Việt vào việc dạy Tiếng Việt ở tiểu học.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Học xong học phần, người học khái quát một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về nội dung dạy học tiếng Việt trong CT tiểu học; hệ thống hóa các tri thức cơ bản của Tiếng Việt, phân tích được sự thể hiện của chúng trong chương trình SGK Tiếng Việt ở tiểu học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có kỹ năng hệ thống hóa các kiến thức tiếng Việt trong CT đã học; kỹ năng phân tích kiến thức tiếng Việt trong CT Tiếng Việt ở tiểu học; kỹ năng vận dụng kiến thức Tiếng Việt trong dạy học các phân môn tiếng Việt ở tiểu học; có kỹ năng học tập tích cực như: kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đọc tài liệu tham khảo.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, khoa học trong dạy học Tiếng Việt; có tình yêu, hứng thú đối với quá trình dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.

3. Nội dung chi tiết học phần

Học phần có 5 chủ đề, các chủ đề này gồm: khái quát chung về vấn đề kiến thức Tiếng Việt trong trường tiểu học; khái quát kiến thức ngôn ngữ học đại cương và ngữ âm học trong CT tiểu học; khái quát kiến thức về từ vựng ngữ nghĩa và ngữ pháp trong CT tiểu học; khái quát kiến thức về phong cách học và tu từ học trong CT tiểu học; khái quát kiến thức ngữ pháp văn bản và ngữ dụng học trong CT tiểu học.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

[1]. Lê Phương Nga (Chủ biên) - Lê Hữu Tĩnh - Lê A - Đặng Kim Nga - Đỗ Xuân Thảo (2009), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học I* (Dành cho hệ Cử nhân giáo dục Tiểu học từ xa), NXB ĐHSP Hà Nội.

[2]. Lê Phương Nga (2010), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học I* (Dành cho hệ Cử nhân giáo dục Tiểu học từ xa), NXB ĐHSP Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Nhiều tác giả (2006), *Đánh giá kết quả học tập ở Tiểu học* (Dự án phát triển giáo viên Tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo), NXB Giáo dục Hà Nội.

[2]. *Tiếng Việt 1, 2, 3, 4, 5, 2002- 2010* (SGK và SGV) và SGK Theo chương trình mới (2018), NXB Giáo dục, Hà Nội.

[3]. Các modun, chuyên đề của Bộ GDĐT về đổi mới PPDH theo CT, SGK mới.

all

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS,TS. Lê Hoàng Bá Huyền

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong việc phát triển năng lực nghề nghiệp cho bản thân;

Có tinh thần tự giác học tập và tự nghiên cứu bài giảng, tài liệu tham khảo,...;

Tham gia tích cực và có hiệu quả các hoạt động học tập;

Phát huy tối đa khả năng sáng tạo thông qua việc thực hiện các hoạt động học tập;

Yêu nghề dạy học, đặc biệt là dạy học toán ở tiểu học.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Tổng quan về vấn đề bồi dưỡng học sinh giỏi toán ở tiểu học.

(3LT: 6BT, TL: 1TH)

- Hướng dẫn tự học chương 1:

1.1. Phát hiện và bồi dưỡng HS giỏi toán ở tiểu học.

1.1.1. Mục đích, nội dung bồi dưỡng HS giỏi toán ở tiểu học.

1.1.2. Biểu hiện của HS giỏi toán ở tiểu học.

1.1.3. Một số biện pháp bồi dưỡng HS giỏi toán ở tiểu học.

- Thảo luận (1 tiết): Vấn đề phát hiện và bồi dưỡng HS giỏi toán ở tiểu học.

1.2. Một số kỹ thuật khai thác và phát triển bài toán ở tiểu học.

1.2.1. Mục đích, ý nghĩa của việc lựa chọn và phát triển hệ thống bài tập toán trong dạy học nói chung và dạy học toán ở tiểu học nói riêng

1.2.2. Những yêu cầu cơ bản khi lựa chọn hoặc thiết kế bổ sung hệ thống bài tập toán trong dạy học ở tiểu học.

1.2.3. Quy trình lựa chọn và quy trình thiết kế bổ sung hệ thống bài tập toán trong dạy học ở tiểu học.

1.2.4. Thực hành khai thác và phát triển bài toán ở tiểu học.

- Thảo luận: Vấn đề khai thác và phát triển bài toán ở tiểu học.

- Kiểm tra (15 phút): Khai thác và phát triển bài toán ở tiểu học.

Chương 2: Các bài toán bồi dưỡng học sinh giỏi toán ở tiểu học.

(24LT: 24BT, TL: 5TH)

- Hướng dẫn tự học chương 2:

2.1. Các bài toán về số và chữ số.

2.2. Các bài toán về dãy số.

- Kiểm tra (15 phút): Nội dung 2.1 và 2.2

2.3. Các bài toán về điền số vào phép tính.

2.4. Các bài toán về chia hết.

- Kiểm tra giữa kì (1 tiết): Nội dung từ 2.1 đến 2.4

2.5. Các bài toán về phân số và số thập phân.

2.6. Một số dạng toán có lời văn điển hình.

- Kiểm tra (1 tiết): nội dung từ 2.5 đến 2.6

2.7. Các bài toán về chuyển động.

2.8. Các bài toán vui và toán cổ ở tiểu học.

- Thảo luận (1 tiết): Một số bài toán dân gian

2.9. Các bài toán về suy luận logic.

2.10. Các bài toán có nội dung hình học

- Kiểm tra (1 tiết): nội dung từ 2.7 đến 2.10.

10. Dự kiến đơn vị giảng dạy

TT	Tên học phần	Bộ môn
1	Triết học Mác Lênin	LL Mác – LN
2	Kinh tế chính trị Mác Lênin	LL Mác - LN
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LL Mác - LN
4	Tư tưởng HCM	LSD - TTHCM
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	LSD - TTHCM
6	Pháp luật đại cương	Luật
7	Cơ sở văn hóa Việt Nam (TH)	Ngữ Văn
8	a. PPNC Khoa học Giáo dục	Giáo dục học
	b. Đánh giá kết quả giáo dục ở Tiểu học	Giáo dục học
9	Âm nhạc	Âm nhạc
10	Mỹ thuật	Mỹ thuật
11	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ không chuyên
12	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ không chuyên
13	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ không chuyên
14	Tin học	Mạng máy tính & Ứng dụng
15	Toán cao cấp	Toán
16	a. Hình cao cấp	Toán
	b. Cơ sở lý thuyết toán Tiểu học	Toán
17	Giáo dục môi trường	Sinh học
	Giáo dục thể chất 1	Bóng - ĐK
	a. Bóng chuyền	Bóng – ĐK
	b. Thể dục Aerobic	Bóng - ĐK
	c. Bóng đá	Bóng – ĐK
	d. Bóng rổ	Bóng – ĐK
	e. Vovinam – Việt võ đạo	Bóng - ĐK
	Giáo dục quốc phòng	Trung tâm GD Quốc phòng
18	Tâm lý học Tiểu học	Tâm lý học
19	Giáo dục học Tiểu học	Giáo dục học
20	Quản lý HCNN & QLGD	Giáo dục học
21	a. Sinh lý trẻ em & GDSK	Sinh học
	b. Sinh lý học người và ứng dụng	Sinh học
22	Ngôn ngữ học đại cương (TH)	Ngữ Văn
23	Tiếng Việt 1 (TH)	Ngữ văn

+ Bồi dưỡng học sinh năng khiếu Tiếng Việt ở Tiểu học	Ngữ văn
+ Kiến thức Tiếng Việt trong trường Tiểu học	Ngữ văn
b. Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn Toán ở Tiểu học	Toán

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị quan trọng

Hệ thống lớp học, phòng thực hành và các thiết bị, đồ dùng dạy học cơ bản cần được trang bị đủ các phương tiện, dụng cụ đáp ứng cho nhu cầu dạy và học như: Phòng rèn luyện nghiệp vụ giáo viên tiểu học (phòng tập giảng có bảng lớn kẻ ô theo chuẩn bảng lớp học bậc Tiểu học, máy vi tính và máy chiếu Projector, màn hình tivi treo tường...), phòng học múa, phòng thực hành Âm nhạc, phòng thực hành Mĩ thuật và Công nghệ (có gương lớn treo tường, các loại đàn, đầu video, mô hình, hình mẫu theo nội dung chương trình tiểu học);

Ngoài ra, để có thể truy cập tìm kiếm thêm thông tin, tài liệu phục vụ cho quá trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học thông qua hệ thống mạng nội bộ, mạng Internet cần được trang bị và kết nối đến tận các khoa chuyên môn, phòng ban trong toàn trường.

11.2. Phòng thực hành Tin học:

Trang bị tối thiểu một phòng máy vi tính đủ tiêu chuẩn thực hành cho 30 sinh viên trong một lượt thực hành.

11.3. Thư viện:

Trung tâm Thông tin Tư liệu - Thư viện Trường ĐHHĐ cần có đủ đầu sách, báo, tạp chí chuyên ngành và các tài liệu có liên quan đủ để đáp ứng nhu cầu về tài liệu tham khảo cho giảng viên và sinh viên.

11.4. Cơ sở thực tập:

Nhà trường phối hợp với Sở GD&ĐT, liên kết với các trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiến tập và thực tập sư phạm.

		[2]. Bộ GD&ĐT (2006), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i> , Nxb CTQG.	[2]. Văn kiện Đảng toàn tập tập 1: I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII (2002, 2002, 1999, 1999, 2002, 2000, 2000, 2001, 200, 2001, 2001) Nxb CTQG.
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	[1]. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2017), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> , Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.	[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dự thảo)</i> [2]. Hồ Chí Minh (2016), <i>Biên niên tiểu sử (10 tập)</i> , Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội. [3]. Hồ Chí Minh (2011), <i>Toàn tập</i> , Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. [4]. Võ Nguyên Giáp (2008), <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam</i> , Nxb Chính trị quốc gia.
6	Pháp luật đại cương	[1]. Lê Văn Minh (chủ biên) (2016), <i>Pháp luật đại cương</i> , Nxb Lao động (Quyển 1).	[1]. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2012), <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i> , Nxb Chính trị Quốc gia (Quyển 1). [2]. Lê Minh Tâm - Nguyễn Minh Đoan (2015), <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i> , Nxb Công an nhân dân (Quyển 2).
7	Cơ sở văn hóa Việt Nam	[1]. Trần Ngọc Thêm (2000), <i>Cơ sở văn hoá VN</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội.	[1]. Trần Quốc Vượng (2002), <i>Cơ sở văn hoá VN</i> , Nxb Giáo dục. [2]. Đào Duy Anh (2002), <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i> , Nxb Văn hóa thông tin. [3]. Phan Kế Bính (1999), <i>Việt Nam phong tục</i> , Nxb Văn học.
8a	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	[1]. Phó Đức Hoà (2007), <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học</i> , NXB ĐHSP.	[1]. Vũ Cao Đàm (2007), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i> , NXB Khoa học và kỹ thuật Hà Nội. [2]. Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên) (2006), <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non</i> ,

		tiếng Anh trình độ A (cuốn 1), Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)	<i>Preliminary English Test 2</i> , Cambridge University Press.
12	Tiếng Anh 2	[1]. Christina Latham –Koeing, Clive Oxenden and Paul Seligson (2011), <i>English File. Pre-intermediate, 3rd edition</i>, Nxb Văn Hóa Thông Tin. [2]. Nguyễn Thị Quyết và các cộng sự (2018), <i>Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ B</i>, Nhà xuất bản Thanh Hoá.	[1]. Raymond Murphy (2013), <i>Grammar In Use</i>. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng, 130 bài tập thực hành, NXB Thời đại. [2]. Cambridge ESOL (2013), Cambridge Preliminary English Test, Cambridge University Press. [3]. Cambridge ESOL (2014), <i>Cambridge Preliminary English Test</i>, Cambridge University Press.
13	Tiếng Anh 3	[1]. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2013), <i>English File- Preintermediate 3rd edition</i>, Oxford University Press. (1) [2]. Sue Ireland, Joanna Kosta, <i>Target PET</i>, Richmond Publishing. (2)	[1]. Raymond Murphy (1997), <i>Ngữ Pháp thông dụng tiếng Anh: English Grammar In Use</i>, Nhà Xuất Bản Hà Nội. (3) [2]. Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test</i>, Cambridge University Press. (4) [3]. Cambridge ESOL (2015), <i>Cambridge Preliminary English Test</i>, Cambridge University Press. (5)
14	Tin học	[1]. Nguyễn Ngọc Cương - Vũ Chí Quang (2015), <i>Giáo trình tin học cơ sở</i> , NXB ĐHSP.	[1]. Lê Thị Hồng (CB) – Phạm Thế Anh - Phạm Thị Hồng (2010), <i>Tin học căn bản</i>, Nxb KH&KT. [2]. Hàn Viết Thuận (2007), <i>Giáo trình Tin học đại cương</i>, Nxb ĐHQTKD.
15	Toán cao cấp	[1]. Trần Diên Hiển- Nguyễn Văn Ngọc (2004), <i>Giáo trình Toán cao cấp 1</i> , NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.	[1]. Nguyễn Văn Ngọc – Ngô Xuân Sơn (2004), <i>Lý thuyết tập hợp và logic</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội. [2]. Nguyễn Văn Ngọc (1994), <i>Nhập môn lý thuyết tập hợp và logic Toán</i>, Trường ĐHSP Hà Nội 1. [3]. Bộ môn Toán – Khoa GDTH – ĐHHĐ, <i>Bài giảng Toán cao cấp</i>, 2016.

Bóng đá	[1]. Phạm Quang (2011), <i>Giáo trình bóng đá</i> , NXB, TĐTT.	[1]. Ủy ban TĐTT (2003), <i>Luật Bóng đá 11 người, 7 người, 5 người sửa đổi và bổ sung</i> , NXB, TĐTT.
Bóng rổ	[1]. Nguyễn Văn Trung, Phạm Văn Thảo (2003), <i>Giáo trình bóng rổ</i> , NXB, TĐTT.	[1]. Luật Bóng rổ, TĐTT, 2003 [2]. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), <i>Giáo trình Bóng rổ</i> , NXB Đại học Thái Nguyên.
Vovinam-Việt võ đạo	[1]. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu (2008), <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam- Việt võ đạo tập 1</i> , NXB, TĐTT.	[1]. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu (2011), <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam- Việt võ đạo tập 2</i> , NXB, TĐTT. [2]. Nguyễn Chánh Tứ (2014), <i>Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam- Việt võ đạo</i> , NXB, TĐTT.
Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	[1]. <i>Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh</i> (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.	[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), <i>Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII</i> , Văn phòng Trung ương Đảng. [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), <i>Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc</i> , Nxb Giáo dục Việt Nam. [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), <i>Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh</i> , Nxb Giáo dục Việt Nam.
Công tác quốc phòng và an ninh	[1]. Bộ giáo dục và Đào tạo (2010), <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1</i> , Nxb. Giáo dục. [2]. Bộ giáo dục và Đào tạo (2012), <i>Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự</i> , Nxb Giáo dục.	[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2017 và 2020), <i>Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh</i> . [2]. <i>Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh</i> , Nxb. Giáo dục.
Quân sự chung	[1]. BGD&ĐT (2012), <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh, tập 2</i> , NXB giáo dục Việt Nam.	[1]. BGD&ĐT, <i>Vụ giáo dục quốc phòng. Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1</i> (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).

			[3]. Quốc Hội (2019), Luật số 52/2019/QH14 của Quốc Hội, <i>luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức</i>. [4]. Quốc Hội (2014), Luật số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019, <i>Luật Giáo dục</i>. [5]. Quốc Hội (2014), Nghị quyết số 88/2014/QH1 về <i>đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông</i>.
21a	Sinh lý trẻ em & GDSK	[1]. Trần Trọng Thủy (2006), <i>Sinh lý học trẻ em</i>, NXB Giáo dục Hà Nội.	[1]. Lê Thanh Vân (2002), <i>Giáo trình sinh lý học trẻ em</i>, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội. [2]. Tạ Thủy Lan – Trần Thị Loan (2004), <i>Giải phẫu – Sinh lý người</i>, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội. [3]. Lê Quang Long (Chủ biên) – Trương Xuân Dung – Tạ Thủy Lan – Trần Thị Loan – Nguyễn Quang Mai – Quách Thị Tài (1997), <i>Bài giảng sinh lý người và động vật</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
21b	Sinh lý học người và ứng dụng	[1]. Trần Trọng Thủy (2006), <i>Sinh lý học trẻ em</i>, NXB Giáo dục Hà Nội.	[1]. Lê Thanh Vân (2002), <i>Giáo trình sinh lý học trẻ em</i>, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội. [2]. Tạ Thủy Lan – Trần Thị Loan (2004), <i>Giải phẫu – Sinh lý người</i>, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội. [3]. Lê Quang Long (Chủ biên) – Trương Xuân Dung – Tạ Thủy Lan – Trần Thị Loan – Nguyễn Quang Mai – Quách Thị Tài (1997), <i>Bài giảng sinh lý người và động vật</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
22	Ngôn ngữ học đại cương	[1]. Mai Ngọc Chừ - Hoàng Trọng Phiên - Vũ Đức Nghiệu (2001), <i>Cơ sở ngôn ngữ học và Tiếng Việt</i>, Nxb Giáo dục.	[1]. Nguyễn Thiện Giáp - Nguyễn Minh Thuyết (2000), <i>Dẫn luận ngôn ngữ học</i>, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

			[2]. Trần Đình Sử (1993), <i>Thi pháp học hiện đại</i>, NXB Giáo dục Hà Nội. [3]. Nguyễn Lộc (1999), <i>Văn học Việt Nam (nửa cuối thế kỷ XVIII – hết thế kỷ XIX)</i>, NXB Giáo dục Hà Nội.
27	Văn học 2 (TH)	[1]. Nguyễn Văn Long (2001), <i>Đại cương văn học</i> (Giáo trình), NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.	[1]. Lê Thị Bắc Lý (2005), <i>Giáo trình Văn học trẻ em</i>, NXB ĐHSP, Hà Nội. [2]. Nhiều tác giả (1998), <i>Văn học dân gian</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội. [3]. Nhiều tác giả (1988), <i>Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội.
28	Số học	[1]. Nguyễn Tiến Tài – Nguyễn Hữu Hoan (2003), <i>Số học</i>, Nhà xuất bản Giáo dục.	[1]. Trần Diên Hiền – Nguyễn Tiến Tài – Nguyễn Văn Ngọc (1997), <i>Giáo trình lý thuyết số</i>, NXB Giáo dục. [2]. Bộ môn Toán – Khoa GDTH – ĐHHĐ, <i>Bài giảng Số học</i>, 2016. [3]. Nguyễn Hữu Hoan (2007), <i>Lý thuyết số</i>, NXB Đại học Sư phạm.
29	Cơ sở Tự nhiên & Xã hội	[1]. Lê Văn Trường (chủ biên) (2007), <i>TN & XH và PPDHTN & XH ở Tiểu học (tập 1)</i>, NXB Giáo dục. [2]. Bùi Phương Nga (chủ biên) (2007), <i>PPDHTN & XH ở Tiểu học</i>, NXB Giáo dục, 2007.	[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, SGK, SGK Tự nhiên-Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí các lớp 1, 2, 3, 4, 5. [2]. Nguyễn Quang Mai (chủ biên) (2004), <i>Sinh lí học người và động vật</i>, NXB Khoa học kỹ thuật Hà Nội. [3]. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên) (2000), <i>Tiến trình lịch sử Việt Nam</i>, NXB giáo dục. [4]. Hoàng Thị Sần - Trần Văn Ba (2001), <i>Hình thái giải phẫu học thực vật</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội.

			[2]. Lê Minh Cường (2006), <i>Giáo trình Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Toán</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội [3]. Bộ môn Toán – Khoa GDTH – ĐHHĐ, <i>Bài giảng Phương tiện kỹ thuật và ứng dụng CNTT trong dạy học toán tiểu học</i>, 2016.	[2]. Lê Minh Cường (2006), <i>Giáo trình Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Toán</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội [3]. Bộ môn Toán – Khoa GDTH – ĐHHĐ, <i>Bài giảng Phương tiện kỹ thuật và ứng dụng CNTT trong dạy học toán tiểu học</i>, 2016.
32	PPDH Tiếng Việt ở Tiểu học	[1]. Lê Phương Nga (Chủ biên) - Lê Hữu Tĩnh - Lê A - Đặng Kim Nga - Đỗ Xuân Tháo (2009), <i>Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học I (Dành cho hệ Cử nhân giáo dục Tiểu học từ xa)</i>, Nxb ĐHSP, Hà Nội. [2]. Lê Phương Nga (2010), <i>Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 11 (Dành cho hệ Cử nhân giáo dục Tiểu học từ xa)</i>, Nxb ĐHSP, Hà Nội.	[1]. Nhiều tác giả (2006), <i>Đánh giá kết quả học tập ở Tiểu học</i> (Dự án phát triển giáo viên Tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo), Nxb. Giáo dục, Hà Nội. [2]. <i>Tiếng Việt 1, 2, 3, 4, 5</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002- 2010 (SGK và SGV) và SGK Theo chương trình mới (2018). [3]. Các modul, chuyên đề của Bộ GDĐT về đổi mới PPDH theo CT, SGK mới.	[1]. Nhiều tác giả (2006), <i>Đánh giá kết quả học tập ở Tiểu học</i> (Dự án phát triển giáo viên Tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo), Nxb. Giáo dục, Hà Nội. [2]. <i>Tiếng Việt 1, 2, 3, 4, 5</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002- 2010 (SGK và SGV) và SGK Theo chương trình mới (2018). [3]. Các modul, chuyên đề của Bộ GDĐT về đổi mới PPDH theo CT, SGK mới.
33	PPDH Toán Tiểu học 1	[1]. Nguyễn Thanh Hưng (2009), <i>PPDH môn Toán ở tiểu học</i> , NXB Giáo dục Hà Nội.	[1]. Bộ môn Toán – Khoa GDTH – ĐHHĐ, <i>Bài giảng môn PPDH toán Tiểu học 1</i>, 2016. [2]. Đỗ Hoàng Mai – Lương Thị Thu Thủy – Lê Phương Chi – Nguyễn Thị Quyên (2019), <i>Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm môn Toán ở tiểu học</i>, NXB Thanh Hóa. [3]. Dự án mô hình trường học mới, <i>PPDH Toán ở tiểu học – Tập 1,2, Tài liệu thử nghiệm đào tạo giáo viên tiểu học trình độ cao đẳng và đại học</i>, NXB Đại học Sư phạm.	[1]. Bộ môn Toán – Khoa GDTH – ĐHHĐ, <i>Bài giảng môn PPDH toán Tiểu học 1</i>, 2016. [2]. Đỗ Hoàng Mai – Lương Thị Thu Thủy – Lê Phương Chi – Nguyễn Thị Quyên (2019), <i>Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm môn Toán ở tiểu học</i>, NXB Thanh Hóa. [3]. Dự án mô hình trường học mới, <i>PPDH Toán ở tiểu học – Tập 1,2, Tài liệu thử nghiệm đào tạo giáo viên tiểu học trình độ cao đẳng và đại học</i>, NXB Đại học Sư phạm.
34	PPDH Toán Tiểu học 2	[1]. Trần Diên Hiên (2008), <i>Rèn kỹ năng giải toán Tiểu học</i> , NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.	[1]. Bộ môn Toán – Khoa GDTH – ĐHHĐ, <i>Bài giảng môn PPDH toán Tiểu học 2</i>, 2016. [2]. Đỗ Trung Hiệu, Vũ Dương Thụy (1999), <i>Các Phương pháp giải toán ở Tiểu học</i>. NXB Giáo dục, Hà Nội.	[1]. Bộ môn Toán – Khoa GDTH – ĐHHĐ, <i>Bài giảng môn PPDH toán Tiểu học 2</i>, 2016. [2]. Đỗ Trung Hiệu, Vũ Dương Thụy (1999), <i>Các Phương pháp giải toán ở Tiểu học</i>. NXB Giáo dục, Hà Nội.

				[3] Đàm Luyện (2007), <i>Giáo trình bố cục</i>, Nxb Đại học Sư phạm. [1]. Triệu Khắc Lễ (2008), <i>Hình họa 1</i>, Nxb Đại học Sư phạm. [2]. Đàm Luyện (2008), <i>Giáo trình bố cục</i>, Nxb Đại học Sư phạm. [3]. Ngô Bá Công (2008), <i>Giáo trình Mĩ thuật cơ bản</i>, Nxb Đại học Sư phạm. [1]. Bộ môn Toán – Khoa GDTH – ĐHHĐ, <i>Bài giảng lí thuyết đồng dư</i>, 2016. [2]. Nguyễn Hữu Hoan (2007), <i>Lí thuyết số</i>, Bộ Giáo dục và Đào tạo- Dự án đào tạo giáo viên THCS, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
39b	Mỹ thuật (Kiến thức nâng cao)		[1]. Nguyễn Lăng Bình (2006), <i>Mĩ thuật và PPDH Mĩ thuật ở Tiểu học</i>, Nhà xuất bản Giáo dục.	
40a	Lý thuyết đồng dư		[1]. Nguyễn Tiến Tài, Nguyễn Hữu Hoan (2008), <i>Lí thuyết đồng dư (Giáo trình đào tạo giáo viên trung học cơ sở)</i>, Dự án phát triển giáo viên Bộ giáo dục và đào tạo, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.	
40b	Một số phương pháp sáng tác bài toán ở Tiểu học		[1]. Phạm Đình Thực (2002), <i>Phương pháp sáng tác bài toán ở Tiểu học</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội.	[1]. Bộ môn Toán – Khoa GDTH – ĐHHĐ, <i>Bài giảng Phương pháp sáng tác bài toán ở Tiểu học</i>, 2016. [2]. Trần Diên Hiền (2009), <i>Giáo trình chuyên đề "Bồi dưỡng học sinh giỏi toán ở Tiểu học"</i>, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội. [3]. Trần Diên Hiền (2008), <i>Rèn kĩ năng giải toán Tiểu học</i>, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
41a	Ngữ pháp chức năng		[1]. Diệp Quang Ban (2005), <i>Ngữ pháp tiếng Việt (bộ mới)</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội.	[1]. Halliday. M.A.K (2001), <i>Dẫn luận ngữ pháp chức năng</i> - (Bản dịch: Hoàng Văn Vân), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội [2]. Cao Xuân Hạo (2004), <i>Tiếng Việt sơ thảo ngữ pháp chức năng</i>, Nxb Giáo dục. [3]. Hoàng Văn Vân (2002), <i>Ngữ pháp kinh nghiệm của cú tiếng Việt mô tả theo quan điểm Ngữ pháp chức năng</i>, Nxb Khoa học xã hội.

			ngoài giờ lên lớp ở trường THCS và Tiểu học, Nxb Giáo dục, Hà Nội [3]. Trần Hoàng Trung (2004), Kỹ năng thiết kế các mô hình hoạt động thanh thiếu niên, Nxb Thanh niên
43c	Giáo dục hòa nhập	[1]. Lê Văn Tạc (chủ biên)(2006), <i>Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật bậc tiểu học</i> , NXB Lao động xã hội.	[1]. (2006), <i>Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở tiểu học</i> , Tài liệu bồi dưỡng giáo viên tiểu học, NXB Giáo dục. [2]. Trung tật học, (2000), <i>Dạy học hòa nhập cho trẻ khuyết tật</i> , NXB chính trị Quốc gia. [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2000), <i>Kĩ năng dạy hòa nhập trẻ khuyết tật</i> , Dự án lớp linh hoạt, HN.
43d	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở Tiểu học	[1]. Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên) (2019), Hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chương trình giáo dục phổ thông mới, NXB ĐHSP.	[1]. Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên) (2017), <i>Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học</i> , NXB Giáo dục. [2]. Chương trình hoạt động trải nghiệm 2018, Bộ GDĐT. [3]. Đinh Thị Kim Thoa và các tác giả (2015), <i>Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường tiểu học</i> , NXB ĐHSP.
47a1	Bồi dưỡng Tiếng Việt cho học sinh năng khiếu	[1]. Lê Phương Nga (2011), <i>Bồi dưỡng học sinh giỏi môn tiếng Việt ở tiểu học</i> , NXB ĐHSP, Hà Nội	[1]. Lê Phương Nga (Chủ biên), Lê Hữu Tĩnh, Lê A, Đặng Kim Nga, Đỗ Xuân Thảo, <i>Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học I</i> (Dành cho hệ Cử nhân giáo dục Tiểu học từ xa), NXB ĐHSP, Hà Nội. [2]. Lê Phương Nga, <i>Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học II</i> (Dành cho hệ Cử nhân giáo dục Tiểu học từ xa), NXB ĐHSP, Hà Nội.

12. Tài liệu tham khảo xây dựng CTĐT

- Ngành Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

<http://www.hnue.edu.vn/Daotao/DaotaoDaihoc/tabid/326/specialized/39/Default.aspx>

<http://www.hnue.edu.vn/Daotao/Chuandaura/DaihocvaCaodang/tabid/423/StdId/32/Default.aspx>

<http://www.hnue.edu.vn/Daotao/Khungchuongtrinh/CunhanSupham/tabid/428/frame/39/>

- Ngành Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

<http://khoagdth.hcmup.edu.vn/>

- Ngành Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Vinh

https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng_%C4%90%E1%BA%A1ih%E <http://khoaspth.vinhuni.edu.vn/dao-tao/seo/khung-chuong-trinh-dao-tao->

- Ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

<http://tieuhoc.dhsptn.edu.vn/>

13. Quy định và hướng dẫn thực hiện chương trình

13.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;

- Đào tạo hình thức Vừa làm vừa học: Áp dụng theo quy định hiện hành và thời gian đào tạo kéo dài hơn tối thiểu 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng CTĐT.

- Đào tạo liên thông: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc Vừa làm vừa học;

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

13.2. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện

Trường các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần đúng với CTĐT. Trường bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; Xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra của từng học phần và của CTĐT. Trường các phòng ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

13.3. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách lấy người học làm trung tâm, chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy tính chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được các chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong Đề cương học phần và Đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của CTĐT.

12. Tài liệu tham khảo xây dựng CTĐT

- Ngành Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
<http://www.hnue.edu.vn/Daotao/DaotaoDaihoc/tabid/326/specialized/39/Default.aspx>
<http://www.hnue.edu.vn/Daotao/Chuandaura/DaihocvaCaodang/tabid/423/StdId/32/Default.aspx>
<http://www.hnue.edu.vn/Daotao/Khungchuongtrinh/CunhanSupham/tabid/428/frame/39/>
- Ngành Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
<http://khoagdth.hcmup.edu.vn/>
- Ngành Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Vinh
https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng_%C4%90%E1%BA%A1ih%E <http://khoaspth.vinhuni.edu.vn/dao-tao/seo/khung-chuong-trinh-dao-tao->
- Ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên
<http://tieuhoc.dhsptn.edu.vn/>

13. Quy định và hướng dẫn thực hiện chương trình

13.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;
- Đào tạo hình thức Vừa làm vừa học: Áp dụng theo quy định hiện hành và thời gian đào tạo kéo dài hơn tối thiểu 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng CTĐT.
- Đào tạo liên thông: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc Vừa làm vừa học;
- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

13.2. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện

Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần đúng với CTĐT. Trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; Xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra của từng học phần và của CTĐT. Trưởng các phòng ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

13.3. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách lấy người học làm trung tâm, chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy tính chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được các chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong Đề cương học phần và Đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của CTĐT.